

CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN

**ĐỊA ĐIỂM CƠ SỞ: ÁP TÂN THUẬN B, XÃ BÌNH ĐỨC,
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

CHỦ CƠ SỞ



Phạm Lê Nguyễn Hải

Châu Thành, tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ	v
Chương I	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở:	1
2. Tên cơ sở:.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:.....	2
3.1. Công suất của cơ sở.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	12
4.1 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở phục vụ sản xuất.....	12
4.2. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng, nước của phục vụ cho hoạt động nuôi cá tại cơ sở.....	16
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: Không có	18
Chương II.....	19
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH.....	19
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	19
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	19
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	19
2.1. Đối với môi trường nước	19
2.2. Đối với bụi, khí thải.....	22
2.3. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	22

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung.....	22
Chương III	23
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	23
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	23
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	24
1.3. Xử lý nước thải.....	27
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	33
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển	33
2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.....	33
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	34
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:.....	34
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	34
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	35
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	36
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	37
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có.....	38
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	38
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có	38
Chương IV	39
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	39
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	39
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	40
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	40

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:	40
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:	40
Chương V	41
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	41
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	41
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải: Không	42
Chương VI	43
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	43
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	43
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	43
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	43
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	43
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:	43
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.	43
Chương VII	44
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	44
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	44
Chương VIII.....	45
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	45
PHỤ LỤC BÁO CÁO	46

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	:	Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
CO ₂	:	Cacbon đioxit
CO	:	Cacbon oxit
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
NĐ-CP	:	Nghị định – Chính Phủ
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TSS	:	Hàm lượng chất rắn lơ lửng
SO ₂	:	Lưu huỳnh đioxit
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	:	Tài nguyên Môi trường
UBND	:	Ủy ban nhân dân
CTNH	:	Chất thải nguy hại

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Bảng 1. 1. Thống kê nhu cầu dùng nước tại Nhà máy	15
Bảng 1. 2. Danh mục hóa chất, thuốc thủy sản	16
Bảng 2. 1. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với từng thông số	20
Bảng 2.2. Tải lượng của thông số chất lượng nước mặt hiện có trong nguồn nước	21
Bảng 2.3. Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn thải	21
Bảng 2.4. Khả năng tiếp nhận nước thải của đoạn sông đánh giá	22
Bảng 3. 1. Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả hệ thống xử lý nước thải	29
Bảng 3. 2. Danh sách các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải	30
Bảng 3. 3. Danh sách hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải	32
Bảng 3. 6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	35
Bảng 3. 6. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát	36
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2022, 2023	41
Hình 1. 1. Ảnh vệ tinh vị trí cơ sở trong mối tương quan với các đối tượng xung quanh	1
Hình 1. 2. Quy trình chế biến cá fillet.....	3
Hình 1. 3. Sơ đồ quy trình chế biến cá nước ngọt, cá biển đông lạnh.....	8
Hình 1. 4. Sơ đồ quy trình sơ chế tôm	10
Hình 1. 5. Sơ đồ quy trình nuôi cá bằng bể bạt tròn tuần hoàn nước làm nguồn nguyên liệu phục vụ hoạt động của cơ sở	11
Hình 3. 1. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở	23
Hình 3. 2. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước thải tại cơ sở	24
Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở	27

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam

- Địa chỉ văn phòng: 01 Đặng Văn Sâm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Phạm Lê Nguyên Hào; Chức danh: Giám đốc.

- Điện thoại: 0286 2701236; Fax: 08.62911729

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0312059802, đăng ký lần đầu ngày 21/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/7/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

2. Tên cơ sở:

Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm

- Địa điểm cơ sở: ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 194/GP-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Tiền Giang.

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 600/GP-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Tiền Giang.

+ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2588/GXN-STNMT ngày 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 611/TD-PCCC ngày 23/8/2017 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang.

+ Phương án chữa cháy của cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang phê duyệt ngày 29/03/2019.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở nhóm B, có tổng vốn đầu tư 115.307.360.000 đồng.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”



Hình 1. 1. Ảnh vệ tinh vị trí cơ sở trong mối tương quan với các đối tượng xung quanh

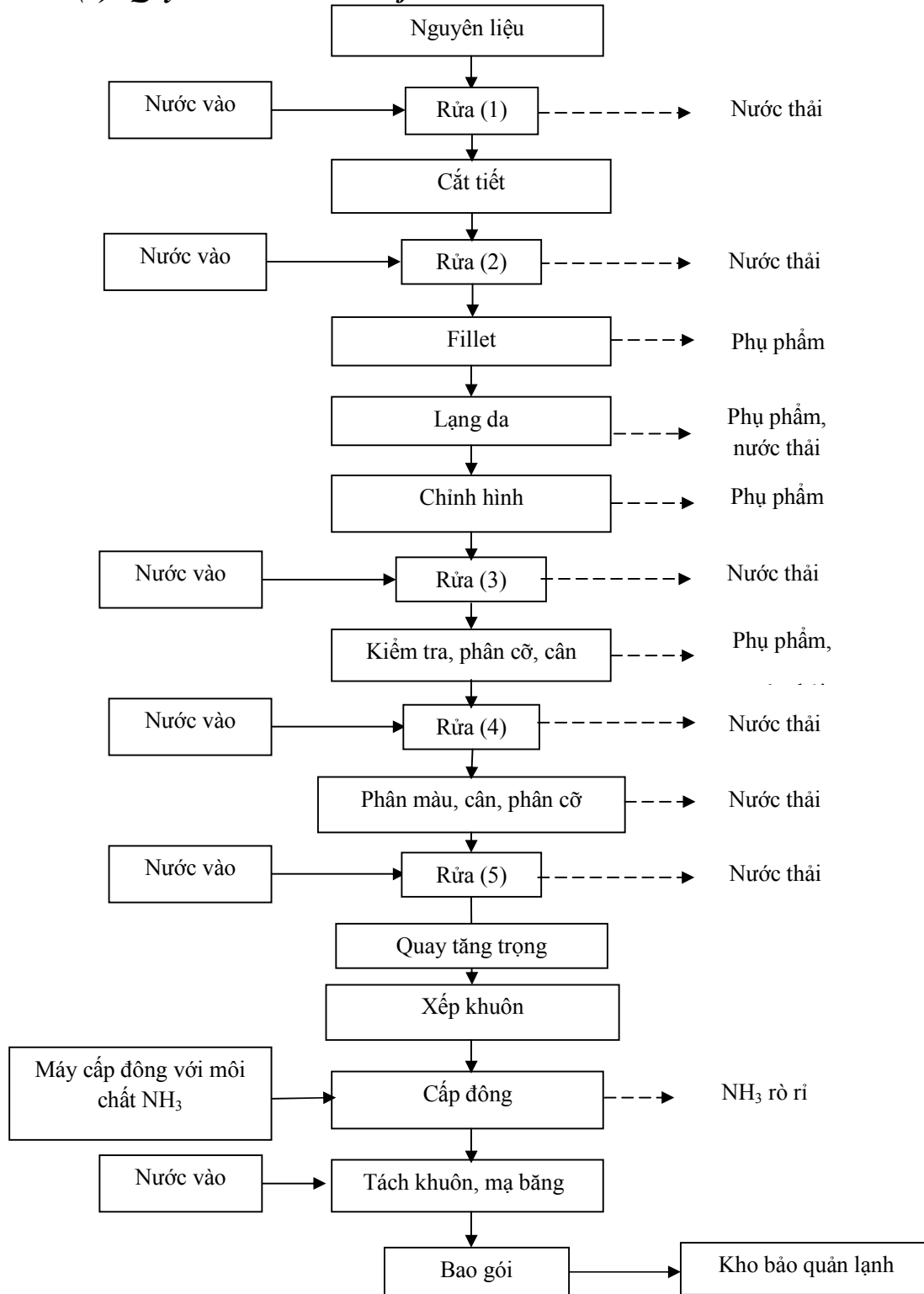
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:

3.1. Công suất của cơ sở: 4.900 tấn sản phẩm/năm

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình hoạt động tại cơ sở bao gồm các quy trình sau:

(1): Quy trình chế biến cá fillet



Hình 1. 2. Quy trình chế biến cá fillet

- Nguyên liệu: Cá sống được vận chuyển từ vùng thu hoạch về điểm lên hàng của Nhà máy và được nhanh chóng đưa vào khu vực tiếp nhận của Nhà máy: cá không bị bệnh, có trọng lượng ≥ 600 gr/con, có giấy chứng nhận nguồn gốc của người cung cấp đảm bảo người nuôi không sử dụng các chất kháng sinh bị cấm và ngừng sử dụng kháng sinh trước thời điểm thu hoạch theo quy định.

- Xử lý nguyên liệu: KCS sẽ kiểm tra cảm quan (*Cá vẫn sống, không có dấu hiệu bị bệnh...*) kiểm tra tờ khai xuất xứ nguyên liệu, tờ cam kết về thuốc kháng sinh,.. nguyên liệu không đạt yêu cầu sẽ được chứa riêng và vận chuyển trở ra ngoài. Đây là khâu vào đầu tiên của dây chuyền nhưng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm rất nhiều nên phải thực hiện chính xác và nhanh chóng.

- Nguyên liệu được vận chuyển bằng băng tải về tập trung nơi tiếp nhận nguyên liệu và chuyển qua khâu giết mổ, rửa lần thứ nhất (**Rửa (1)**) rồi ngâm. Lượng nước sử dụng ở công đoạn này khoảng $4m^3/tấn$ sản phẩm.

- Cắt tiết:

+ Thao tác: Dùng dao bén bằng thép không gỉ cắt động mạch chủ của cá bằng cách tay phải cầm dao, quay đầu cá về phía tay phải, bụng cá quay vào người công nhân, tay trái giữ đuôi cá, tay phải ấn mũi dao vào phía trên mang cá, đẩy nhẹ dao xuống mang cá phía dưới, máu sẽ chảy ra rồi cho cá vào thùng chứa nước sạch có pha chlorine nồng độ 50 ppm, nhiệt độ nước rửa $17 \div 20^{\circ}C$. Mỗi thùng chứa $700 \div 800$ kg cá, rửa sạch chất bẩn và các tạp chất khác trên mình cá, thời gian rửa $15 \div 20$ phút.

+ Mục đích: Làm cho cá chết, loại một lượng lớn máu cá để miếng cá fillet được trắng hơn, làm tăng giá trị cảm quan.

- Fillet: Sau khi cắt tiết, cho cá vào bể có chứa nước, ngâm rửa trong khoảng $10 \div 20$ phút. Sau đó dùng rổ vớt cá ra, cho vào thau và đưa lên bàn fillet:

+ Thao tác: Đặt cá lên thớt, phần lưng quay về người công nhân, đầu hướng về phía tay phải, tay trái giữ chặt đầu cá, tay phải cầm dao, và ấn mũi dao xuống phần thịt cá nơi tiếp giáp với phần đầu, nghiêng dao rạch 1 đường từ trên xuống đến đuôi. Tiếp đến lách mũi dao sang phần bụng để tách phần thịt bụng. Sau đó dùng tay trái nắm phần thịt đầu kéo ngược về phía sau, tay phải cầm dao tách tiếp những phần thịt còn dính lại ở xương. Tương tự thực hiện cho phần cá còn lại.

+ Yêu cầu: fillet cá trên thớt nhựa bằng dao inox. Tách riêng xương và miếng fillet bề mặt miếng cá phải nhẵn, không có vết trầy xước, không làm rách thịt hoặc phạm thịt, không để sót thịt quá nhiều, không còn sót xương.

+ Mục đích: Loại bỏ xương, đầu, nội tạng, mỡ, chỉ lấy hai phần thân cá (*Thịt cá*).

- **Rửa (2):** Rửa miếng fillet trong nước sạch lạnh có pha chlorin nồng độ 10 ppm, nhiệt độ nước rửa $5 \div 10^{\circ}\text{C}$ rửa sạch máu và tạp chất trên miếng fillet. Tiếp theo chuyển sang rửa lần thứ 2. Lượng nước sử dụng ở công đoạn này khoảng **3 m³/tấn sản phẩm**. Nguồn phụ phẩm ở công đoạn này nhiều nhất, bao gồm: bụng, xương, thịt vụn, da, máu, mỡ, ...

- Lạng da:

+ Thao tác: Lạng da miếng fillet trên thớt nhựa bằng dao inox đặt phần da cá xuống dưới, đưa phần đuôi vào trước, trục máy sẽ lăn, đưa miếng cá đi tới còn lưỡi dao trong máy sẽ bóc phần da và cuốn xuống dưới, miếng cá đi ngang qua khe hở của trục máy.

+ Yêu cầu: Miếng fillet phải phẳng, nhẵn, không còn sót da quá nhiều trên bề mặt miếng cá và phạm thịt quá nhiều trên miếng cá fillet. Giữ miếng fillet ở nhiệt độ $5 \div 10^{\circ}\text{C}$ bằng cách ướp đá.

- Chính hình: Dùng dao inox loại bỏ hết phần hồng (*Thịt đỏ*), xương, mỡ và cắt bỏ những phần thịt đã bị hư trong khâu fillet và lạng da. Tạo cho miếng fillet có hình dáng bóng đẹp nhưng không phạm nhiều vào thịt trắng của cá.

+ Thao tác: Đặt miếng cá lên thớt, quay mặt lưng lên trên, dùng dao rạch giữa miếng cá một đường gần 1/3 chiều dài miếng cá. Đặt dao song song với miếng cá, dùng tay trái giữ chặt miếng cá và gạt nhẹ nhàng từ đường rạch ra phần lưng để loại bỏ phần thịt đỏ, mỡ, da còn sót trên miếng cá. Tiếp đến quay miếng cá lại để loại bỏ lượng mỡ ở bụng và lưng. Song miếng cá vẫn còn sót 1 ít cơ thịt đỏ ở giữa lưng, tay trái cầm miếng cá lên, bóp cong lại rồi dùng dao cạo từ đầu đến đuôi để loại hết cơ thịt đỏ còn sót. Trong quá trình sửa phải lấp đá vẩy lên cá.

+ Mục đích: Khắc phục nhược điểm của miếng fillet, tăng giá trị cảm quan, loại bỏ những phần có giá trị thấp như: mỡ, da, xương, cơ thịt đỏ,..

+ Yêu cầu: Miếng cá phải trắng, đẹp, sạch mỡ; sạch cơ thịt đỏ, xương, da, bề mặt phải láng, không rách, không phạm vào thịt cá.

- **Rửa (3):** Rửa miếng fillet trong nước sạch lạnh có pha chlorin nồng độ 10 ppm, nhiệt độ nước rửa $5 \div 10^{\circ}\text{C}$ rửa sạch phần hồng, vụn và tạp chất trên miếng fillet. Xong công đoạn Fillet, lạng da chuyển sang công đoạn định hình, chính hình và rửa lần thứ 3. Lượng nước sử dụng ở công đoạn này khoảng **8 m³/tấn sản phẩm**. Nguồn phụ phẩm ở công đoạn này chủ yếu là: Thịt vụn, da, xương, mỡ,...

- Kiểm tra, phân cỡ, cân: Là công đoạn cuối cùng để loại bỏ mỡ, da, xương, cơ thịt đỏ còn sót. Đây là công đoạn có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm sau này nên phải được thực hiện nghiêm túc. Kiểm tra bằng mắt và tay từng miếng fillet để phát hiện: xương, mỡ, vết máu, da... chỉ chấp nhận miếng fillet còn nguyên vẹn, không bị rách vụn, vết bầm hay chấm đỏ.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

+ Kiểm tra ký sinh trùng bằng cách đặt từng miếng cá lên bàn soi ký sinh trùng và loại bỏ tất cả các miếng cá có máu bầm trong thịt cá và các ổ bệnh trong thịt cá. Sau kiểm tra, cá được chuyển qua các khâu phân cỡ, loại, màu...

+ Phân cỡ: Tùy theo yêu cầu của khách hàng, thường có các cỡ sau: $60 \div 120$; $120 \div 170$; $170 \div 225$, $220 \div$ Up (*gr/miếng cá*).

+ Cân: Cân mỗi rô 4,6 kg hoặc 5 kg/rô các miếng fillet cùng cỡ và cùng loại để tiện thực hiện cho công đoạn rửa.

- **Rửa (4):** Rửa từng rô bán thành phẩm 03 lần trong nước lạnh nhiệt độ $5 \div 10^{\circ}\text{C}$ nhằm giảm bớt lượng lớn vi sinh vật:

+ Lần 1: Trong nước có pha chlorin nồng độ 10 ppm;

+ Lần 2: Trong nước có pha chlorin nồng độ 5 ppm;

+ Lần 3: Rửa bằng nước sạch.

Thay nước rửa sau 10 rô sản phẩm.

Kiểm tra tạp chất xong chuyển sang công đoạn phân cỡ sơ bộ và soi ký sinh trùng, chuyển sang công đoạn quay tăng trọng. Lượng nước sử dụng ở công đoạn này khoảng **$2\text{m}^3/\text{tấn sản phẩm}$** . Tiếp theo là phân màu, phân loại.

- Phân màu: Thực hiện phân màu bằng phương pháp thủ công và phân loại theo yêu cầu của khách hàng. Ứng với mỗi size cá có các màu cơ bản sau: Thịt trắng; Thịt vàng; Thịt đỏ; Thịt cá ngả hồng (*Ngã đỏ*); *Thịt cá ngả vàng*.

- Phân loại màu cũng là phân loại cá, phân loại hàng cho từng loại khách hàng.

- Tùy theo yêu cầu của khách hàng. Do hàng tươi chuyển đi nơi khác tiêu thụ hoặc chế biến, đông lạnh... nên bao gói ở đây thường cho vô bọc PE loại túi có quay xách.

- Cân phân rô: Cân xác định trọng lượng cho từng khuôn cá đúng chủng loại theo đơn đặt hàng, của từng khách hàng. Nếu cá được cấp đông bằng băng chuyền thì cân để xác định năng suất và định mức cấp đông.

- Ứng với từng loại size cá và từng loại hóa chất tăng trọng sẽ có lượng phụ trội thích hợp.

- **Rửa (5):** Rửa miếng fillet trong nước sạch lạnh nồng độ chlorine 5 ppm, nhiệt độ $5 \div 10^{\circ}\text{C}$, rửa sạch phần nhầy do xử lý hóa chất, tạp chất trên miếng fillet, loại bớt một số vi sinh. Lượng nước sử dụng ở công đoạn này khoảng **$3\text{m}^3/\text{tấn sản phẩm}$** .

- Xếp khuôn: Các miếng fillet trong mỗi rô được xếp từng lớp rời nhau trong một khuôn cấp đông, lớp này cách lớp kia một lớp PE (*Có thể châm thêm nước theo yêu cầu của khách hàng*). Nếu hàng cấp đông IQF thì từng miếng fillet phải được tách rời nhau bởi một lớp PE.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

- Chờ đông: Sản phẩm sau khi xếp khuôn sẽ được tập hợp vào kho chờ đông (*Cho đủ mẻ cấp đông mới*) bảo quản ở nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$, thời gian ≤ 4 giờ.

- Cấp đông :

► Đông block: Cá được xếp từng lớp, được ngăn cách bằng một tấm PE có kích thước ($540 \times 270\text{mm}$) nhỏ hơn kích thước khuôn một ít. Khi xếp đầu miếng cá sẽ quay ra phía bìa khuôn, phần bụng quay xuống còn phần dè thì cuộn lên. Sau khi xếp được một lớp cá ta dùng tấm PE nhỏ phủ lên trên lớp cá rồi tiếp tục xếp lớp thứ hai. Xếp khuôn, miếng cá sẽ được công nhân vuốt thẳng và mỗi lớp cá sẽ được châm nước với nhiệt độ gần 1°C . Sau khi xếp xong lớp trên cùng, gấp một bên PE lớn vào và vuốt nhẹ, đặt thẻ cỡ lên mặt khuôn rồi gấp bên PE lớn còn lại. Sau cùng gấp PE hai đầu còn dư lại lên khuôn cho gọn. Khi nào có tuyết bám nhẹ trên các tấm lắc (*Mâm*) ta mới cho khuôn vào tủ. Cho khuôn vào tủ xong, bắt đầu hạ ben áp sát khuôn cá, đóng cửa tủ đông lại và ghi giờ cấp đông. Phải kiểm tra nhiệt độ trung tâm sản phẩm trước khi ra tủ (*Nhiệt độ tủ cấp đông: $-35 \div -45^{\circ}\text{C}$; Nhiệt độ trung tâm sản phẩm: $-20 \pm 2^{\circ}\text{C}$; Thời gian cấp đông: $2 \div 4$ giờ*).

+ Mục đích: Hạ thấp nhiệt độ sản phẩm một cách nhanh chóng để làm chậm sự hư hỏng của sản phẩm, đảm bảo chất lượng cho sản phẩm.

+ Yêu cầu: Mỗi lớp 5 miếng cá (*Loại nhỏ*), 3 – 4 miếng (*Loại lớn*), dè cá phải giấu vào trong. Bề mặt khuôn cá phải phẳng, mỗi khuôn phải có thẻ cỡ. Chiều cao block cá đồng đều với chiều cao khuôn, các miếng fillet không được dính vào nhau.

► Đông IQF: Sau khi xếp khuôn xong, cá được đưa thẳng đến băng chuyền phẳng (*Bel*) và xếp lên bel. Sản phẩm được cấp đông trong tủ đông tiếp xúc hoặc băng chuyền, thời gian cấp đông 20 - 40 phút. Tốc độ bel có thể điều chỉnh cho phù hợp với nhiệt độ hay size cá. Các miếng cá không được xếp dính vào nhau nhưng không quá xa nhau để tận dụng hết diện tích bel. Nhiệt độ trung tâm sản phẩm phải đạt $\leq -18^{\circ}\text{C}$.

Công nhân vận hành máy phải kết hợp với KCS điều chỉnh tốc độ băng chuyền và nhiệt độ sau cho sản phẩm đầu ra đạt $\leq -18^{\circ}\text{C}$ đồng thời không để cá bị cháy lạnh do nhiệt độ quá thấp hay băng chuyền chạy quá chậm.

- Tách khuôn, mạ băng:

+ Đối với sản phẩm đông IQF sau khi cấp đông sản phẩm được mạ băng bằng máy, mạ băng với nước sạch hoặc bằng bể chứa nhỏ nhưng phải đảm bảo những yêu cầu sau: Nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$; Nồng độ chlorin 5 ppm; Băng bám đều, không gạn nứt, phần đuôi cá không bị chảy; Đủ trọng lượng theo yêu cầu của khách hàng.

+ Mục đích: Bảo vệ sản phẩm, ngăn cản sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với không khí trong kho lạnh, tránh sự oxy hóa, làm đẹp bề mặt sản phẩm, hạn chế

sự thăng hoa tinh thể nước đá, hạn chế sự hao hụt khối lượng sản phẩm trong quá trình bảo quản.

- Bao gói: Sản phẩm sau khi mạ băng sẽ được bao gói theo hai dạng block hoặc IQF:

+ Block: Mỗi block vào một thùng carton hoặc nhiều hơn niềng dây, nhập kho.

+ IQF: Cho vào túi PE hoặc PA đóng theo dạng bulk pack hoặc theo dạng bao gói lẻ sau đó đóng bulk pack, cho vào thùng carton niềng dây, nhập kho.

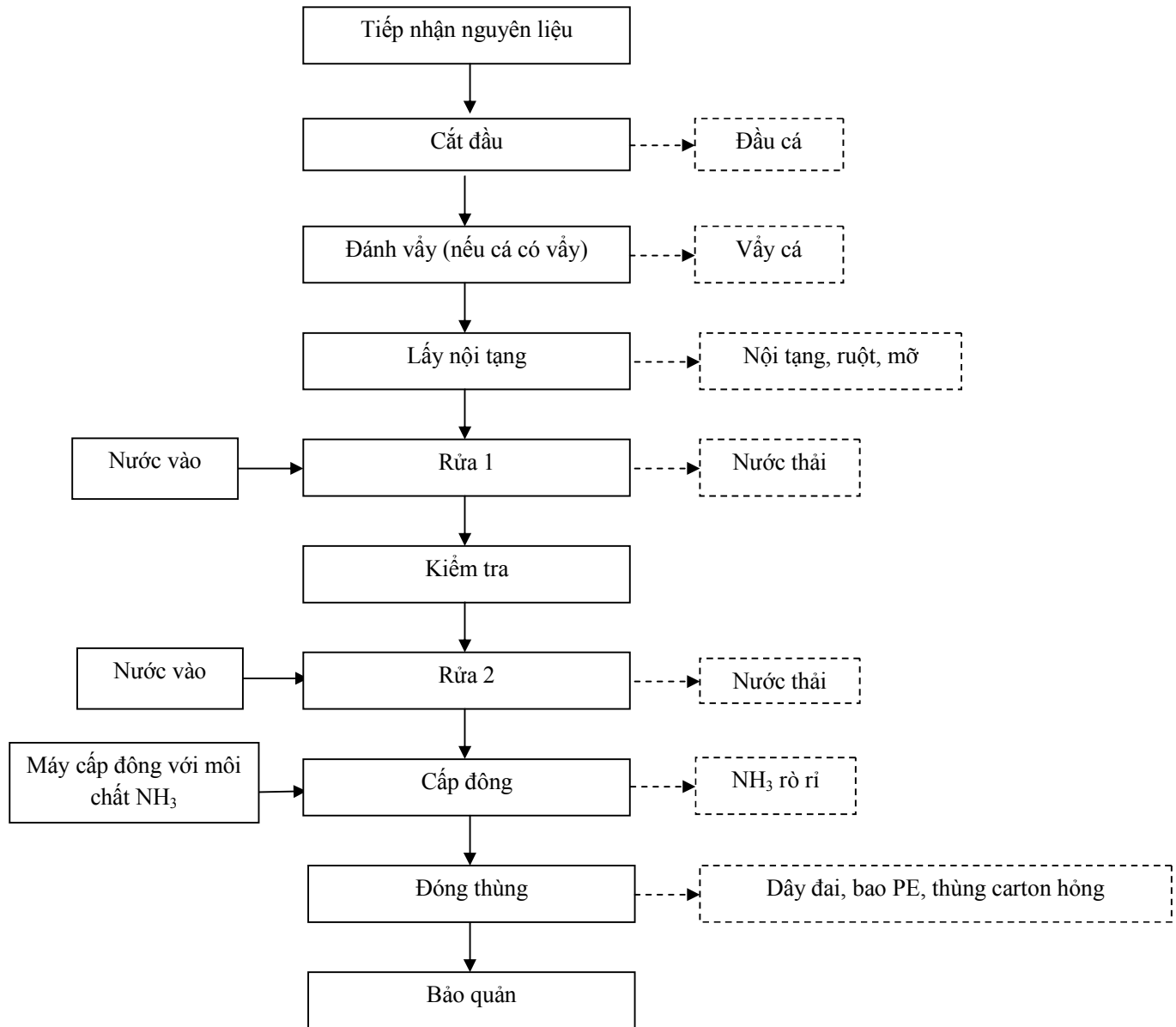
Quy cách bao gói chủ yếu là theo đơn đặt hàng của khách hàng.

- Bảo quản:

+ Sản phẩm được xếp đặt theo thứ tự trong kho lạnh và được bảo quản ở nhiệt độ $\leq -20^{\circ}\text{C}$ không quá 18 tháng.

+ Mục đích: Duy trì thành phẩm đông lạnh, giữ nguyên trạng thái và chất lượng cho đến khi sản phẩm được phân phối đến tay người tiêu dùng.

(2) Chế biến cá nước ngọt, cá biển đông lạnh



Hình 1. 3. Sơ đồ quy trình chế biến cá nước ngọt, cá biển đông lạnh

* Thuyết minh quy trình:

Nguồn nguyên liệu sử dụng được thu mua từ các cơ sở cung cấp trong khu vực hoặc từ quy trình nuôi tại cơ sở.

Tiếp nhận nguyên liệu: Nguyên liệu đưa vào nhà máy được nhanh chóng chuyển vào khu vực tiếp nhận để kiểm tra chất lượng. Chỉ nhận nguyên liệu đạt yêu cầu của nhà máy: có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ của người cung cấp đảm bảo người nuôi không sử dụng thuốc kháng sinh trong danh mục cấm, người nuôi ngừng sử dụng thuốc 4 tuần trước khi thu hoạch.

Cắt đầu: Cá nguyên liệu được chuyển lên bàn cắt đầu. Công nhân sử dụng máy để cắt đầu cá.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

Đánh vẩy: Cá nguyên liệu được cho vào máy đánh vẩy để tách vẩy cá.

Lấy nội tạng: Cá sau khi đánh vẩy cá sẽ được chuyển sang bàn lấy nội tạng, công nhân tiến hành lấy nội tạng cá. Ở công đoạn này, tùy theo yêu cầu về lô hàng có cắt vây hay không, nếu lô hàng cần cắt vây thì công nhân sẽ tiến hành cắt vây.

Rửa 1: Cá sau khi lấy nội tạng được rửa sạch bằng nước để loại bỏ nhớt, máu dính vào bên ngoài cá.

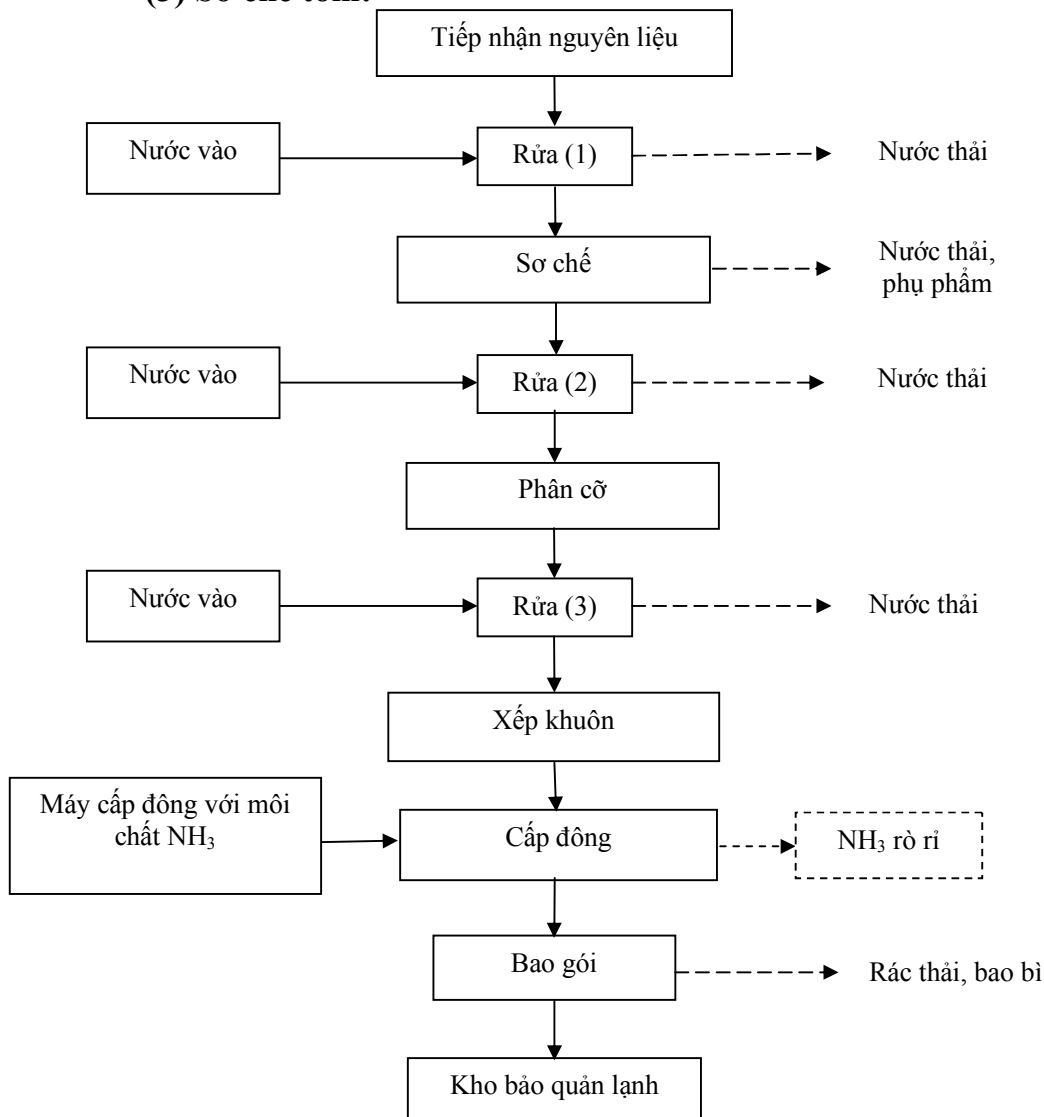
Kiểm tra: Cá sau khi rửa được kiểm tra để loại bỏ các tạp chất còn sót lại.

Rửa 2: Sau kiểm tra sẽ tiến hành rửa cá lần 2

Cấp đông: Sản phẩm đã vào khuôn được chắt vào ngăn plac trong tủ nhiệt độ tủ đông - 35°C. Sau khi sản phẩm đông được mang ra đóng gói trong bao bì cẩn thận.

Sau khi bao gói, sản phẩm cuối cùng sẽ được chuyển đến kho lạnh và sắp xếp theo thứ tự, bảo quản ở nhiệt độ $-20^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$.

(3) Sơ chế tôm:



Hình 1. 4. Sơ đồ quy trình sơ chế tôm

* Thuyết minh quy trình:

Tiếp nhận nguyên liệu: Nguyên liệu là tôm nguyên con phải đảm bảo các yêu cầu chất lượng tươi tốt, không biến màu, không đốm đen, không mùi lạ và được thu hoạch từ vùng nuôi có nằm trong danh sách nhà cung cấp.

Rửa lần 1:

- Rửa với nước lạnh để loại bỏ tạp chất.
- Ngâm trong dung dịch chlorine 200ppm trong 5 phút, nhiệt độ $\leq 10^{\circ}\text{C}$.
- Mờ vôi nước lạnh để xả mùi chlorine.

Sơ chế: Lặt đầu, rút sạch chi.

Rửa lần 2 (xả gạch): Dùng tay đảo nhẹ rổ tôm 10 giây trong hồ nước có pha 100ppm chlorine, nhiệt độ $\leq 10^{\circ}\text{C}$ để rửa sạch gạch tôm.

Phân cỡ, loại: Tôm được tiến hành phân theo các cỡ từ 4/6 đến 300/500, trong quá trình phân cỡ tôm được tiến hành phân loại và được lấp đá nhằm đảm bảo nhiệt độ thân tôm $\leq 4^{\circ}\text{C}$.

Rửa lần 3: Rửa qua hai bồn nước như sau:

- Bồn 1: Dung dịch NaOCl 100ppm, nhiệt độ $\leq 10^{\circ}\text{C}$. Dùng tay đảo nhẹ 10 giây, loại tạp chất. Rửa 20 rổ thay nước 1 lần, mỗi rổ khoảng 5 kg.
- Bồn 2: Nước lạnh nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$. Dùng tay đảo nhẹ 10 giây, rửa 20 rổ thay nước 1 lần.

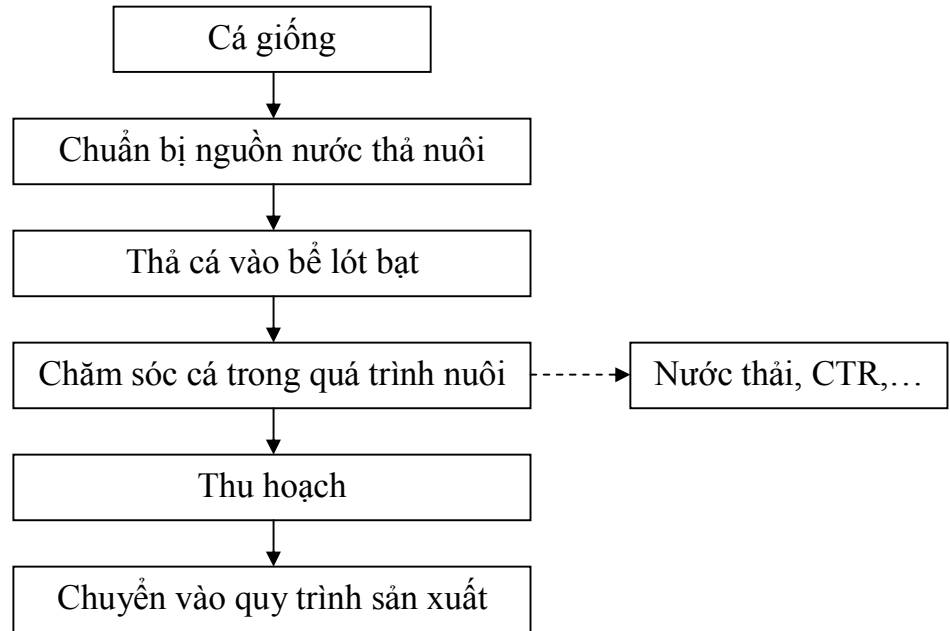
Xếp khuôn: Tôm sau sơ chế trong mỗi rổ được xếp từng lớp rời nhau trong một khuôn cấp đông, lớp này cách lớp kia một lớp PE (Có thể châm thêm nước theo yêu cầu của khách hàng). Nếu hàng cấp đông IQF thì từng con tôm phải được tách rời nhau bởi một lớp PE.

Chờ đông: Sản phẩm sau khi xếp khuôn sẽ được tập hợp vào kho chờ đông (Cho đủ mẻ cấp đông mới) bảo quản ở nhiệt độ $\leq 5^{\circ}\text{C}$, thời gian ≤ 4 giờ.

Cấp đông: Sản phẩm đã vào khuôn được chắt vào ngăn plac trong tủ nhiệt độ tủ đông -35°C . Sau khi sản phẩm đông được mang ra đóng gói trong bao bì cẩn thận.

Sau khi bao gói, sản phẩm cuối cùng sẽ được chuyển đến kho lạnh và sắp xếp theo thứ tự, bảo quản ở nhiệt độ $-20^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$.

(4) Quy trình nuôi cá rô, cá lóc, cá trê bằng bể bạt tròn tuần hoàn nước làm nguồn nguyên liệu phục vụ hoạt động của cơ sở



Hình 1. 5. Sơ đồ quy trình nuôi cá bằng bể bạt tròn tuần hoàn nước làm nguồn nguyên liệu phục vụ hoạt động của cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Cá giống: Cá giống được lựa chọn từ những nơi bán có uy tín và đạt các yêu cầu: cá đồng cỡ, không bị xay xát, không có triệu chứng bệnh, có màu sắc đặc trưng và bơi theo đàn.

Chuẩn bị nguồn nước thả nuôi: Nguồn nước thả nuôi được bơm lên từ sông Tiền, trước khi thả nuôi, lượng nước được cho vào bể đạt độ sâu 0,6m tiếp đến được khử trùng bằng các loại thuốc chuyên dụng cho xử lý nuôi trồng thủy sản như Avaxide, Fresh water. Tiếp theo, thêm nước vào bể cho đến khi đạt độ sâu 0,8 – 1m.

Thả cá vào bể lót bạt: Việc thay đổi môi trường nước của cá rất dễ dẫn đến hiện tượng sốc nhiệt. Do đó cần canh thời gian thả cá vào bể nuôi lúc sáng sớm hoặc chiều mát. Tránh thời tiết nắng nóng, hoặc có mưa. Cá trước khi thả vào bể nuôi cần có các biện pháp xử lý nấm bệnh, loại bỏ ngoại ký sinh. Đây là bước vô cùng quan trọng, cần theo dõi kỹ để có biện pháp xử lý tránh việc gây sốc cho cá. Mật độ thả nuôi thời gian ban đầu: Cá lóc 120con/m², sau 1 tháng nuôi 100 con/m².

Chăm sóc cá trong quá trình nuôi:

- **Quản lý chất lượng nước:** Nguồn nước sử dụng là nước thay ra hằng ngày từ các bể nuôi được xử lý tại bể xử lý nước thải (02 bể, D = 12m, H = 1m) và nước mặt sông Tiền (bổ sung) được xử lý trước khi cấp trở lại cho các bể nuôi. (Xử lý nước: nước thay ra từ các bể nuôi và nước mặt sông Tiền (bổ sung)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

được dẫn vào bể xử lý, sử dụng vôi, các loại thuốc chuyên dụng cho xử lý nuôi trồng thủy sản như Avaxide, Fresh water để khử trùng và diệt tảo và sinh vật gây hại. Sau 2 ngày nước được bơm trực tiếp vào bể nuôi). Thay nước 2 ngày/lần, mỗi lần 30% lượng nước trong bể.

- *Thức ăn, dinh dưỡng:* Loại thức ăn: sử dụng thức ăn công nghiệp. Có độ đậm tùy vào giai đoạn nuôi. Số lượng/ngày: tùy vào từng giai đoạn nuôi, trong 3 tháng đầu cá nhỏ cho ăn 3 lần/ngày; sau đó 2 lần/ngày cho tới khi thu hoạch. Thời gian cho ăn: sáng và tối.

- *Quản lý dịch bệnh:* Giống được xử lý bằng muối hoặc chlorine trước khi thả vào bể, định kỳ 7 ngày/lần trộn Vitamin và khoáng chất vào thức ăn để giúp tăng đề kháng cho cá. Điều trị cá bệnh: bệnh thông thường trên cá gồm gù lưng, gan thận mũ... điều trị bằng cách trộn thuốc và kháng sinh vào thức ăn cho cá ăn 2 lần/ngày.

Thu hoạch: Sau 8 tháng kể từ khi thả giống cá đạt trọng lượng để thu hoạch, cá sau khi thu hoạch vận chuyển vào quy trình sản xuất của cơ sở.

Xử lý chất thải sau thu hoạch:

- Về nước thải: Nước thải được xử lý tại các bể nuôi bằng vôi, các loại thuốc chuyên dụng cho xử lý nuôi trồng thủy sản như Avaxide, Fresh water để khử trùng và diệt tảo và sinh vật gây hại sau đó được bơm về bể lắng không xả ra môi trường (dự trữ sử dụng cho đợt nuôi kế tiếp).

- Về bùn thải: Bùn thải từ các bể nuôi được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của Công ty là các loại thủy sản đông lạnh, công suất 4.900 tấn thành phẩm/năm

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở phục vụ sản xuất

📌 Nguyên liệu:

Nguyên liệu chính trong quá trình chế biến thủy sản là cá Tra, cá Basa, các loại cá nước ngọt (cá trê, cá rô, cá rô phi, cá lóc,...), cá biển và tôm.

- Tỷ lệ thành phẩm/nguyên liệu của quy trình chế biến cá Tra, cá Basa fillet là 1/3, công suất hàng fillet là 720 tấn sản phẩm/năm lượng nguyên liệu cần thiết cho hoạt động là 2.160 tấn nguyên liệu/năm tương đương khoảng 7,2tấn nguyên liệu/ngày (1 năm làm việc 300 ngày).

-Tương tự tỷ lệ thành phẩm/nguyên liệu của quy trình chế biến các loại cá nước ngọt, cá biển đông lạnh là 1/2, công suất là 2.700 tấn sản phẩm/năm, lượng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

nguyên liệu cần thiết cho hoạt động là 5.400 tấn nguyên liệu/năm tương đương khoảng 18tấn/ngày (1 năm làm việc 300 ngày).

- Tương tự tỷ lệ thành phẩm/nguyên liệu của quy trình sơ chế tôm là 2/3, như vậy với công suất hàng sơ chế tôm là 1.480 tấn sản phẩm/năm thì lượng nguyên liệu cần thiết cho hoạt động khoảng 2.220tấn/năm, tương đương 7,4tấn nguyên liệu/ngày.

- **Nguồn cung cấp:** được mua từ các vùng nuôi khu vực tỉnh Tiền Giang và các khu vực lân cận. Ngoài ra, cơ sở còn sử dụng nguồn nguyên liệu tự nuôi trong khuôn viên cơ sở.

Nguyên liệu khác: Ngoài ra, cơ sở còn sử dụng các loại nguyên liệu khác để phục vụ quá trình hoạt động như: bao bì PE khoảng 469kg/ngày, dây đai 3 cuộn/ngày, băng keo 34 cuộn/ngày, thùng carton 1.000kg/ngày.

- **Nguồn cung cấp nguyên liệu:** Được thu mua từ các cơ sở cung cấp trong khu vực

⚡ Nhiên liệu:

Nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của Nhà máy là điện để vận hành các máy móc thiết bị trong quá trình sản xuất.

- **Điện:** Nguồn điện phục vụ cho hoạt động của cơ sở được lấy từ lưới điện quốc gia qua đường dây hạ thế của khu vực. Nhu cầu sử dụng điện của Dự án ước tính khoảng 2.559 kWh/ngày. Ngoài ra, Công ty còn trang bị máy phát điện dự phòng 850kVA trong trường hợp cúp điện.

- **Dầu DO:** Nhà máy còn sử dụng dầu DO để vận hành máy phát điện dự phòng trong trường hợp lưới điện bị cúp.

⚡ Hóa chất sử dụng:

Hóa chất sử dụng tại Nhà máy chủ yếu là các hóa chất cho hệ thống lạnh, các hóa chất tẩy rửa để vệ sinh nhà xưởng và hóa chất sử dụng cho Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống làm lạnh là NH₃ khoảng 100kg/tháng.

- Hóa chất sử dụng để tẩy rửa, vệ sinh máy móc thiết bị, nhà xưởng gồm:
+ Các chất tẩy rửa có tính kiềm yếu như Na₂CO₃, Clorine hay Clorine hypochloride canxi được dùng cho việc vệ sinh trang thiết bị sản xuất, vệ sinh xưởng khoảng 100kg/tháng;

+ Xà phòng có pH = 8-9,5, tẩy rửa mỡ, dầu, chất nhờn, thường có tính kiềm, lượng sử dụng khoảng 20kg/tháng

+ Ngoài ra, dự án còn sử dụng gas LPG để nấu ăn tại nhà ăn khoảng 10bình/tháng (loại bình 45kg).

🚰 Nhu cầu sử dụng nước:

Nhu cầu sử dụng nước khi Nhà máy hoạt động với quy mô tối đa khoảng 4.900 tấn thành phẩm/năm, tương đương 16,33 tấn thành phẩm/ngày, với số lượng công nhân viên 110 người:

- Nước cấp cho sản xuất:

Nước cấp cho quy trình sản xuất cá Tra, cá Basa fillet tối đa **20m³/tấn sản phẩm**, với công suất là 720 tấn sản phẩm/năm tương đương 2,4 tấn sản phẩm/ngày (1 năm làm việc 300 ngày) thì lượng nước sử dụng là $20\text{m}^3/\text{tấn sản phẩm} * 2,4\text{tấn sản phẩm/ngày} = \mathbf{48\text{m}^3/\text{ngày}}$.

Tương tự nước cấp cho quy trình sản xuất các loại cá nước ngọt, cá biển đông lạnh tối đa **15m³/tấn sản phẩm**, với công suất là 2.700 tấn sản phẩm/năm tương đương 9 tấn sản phẩm/ngày (1 năm làm việc 300 ngày), thì lượng nước sử dụng là $15\text{m}^3/\text{tấn sản phẩm} * 9\text{tấn sản phẩm/ngày} = \mathbf{135\text{m}^3/\text{ngày}}$.

Tương tự nước cấp cho quy trình sơ chế tôm tối đa **15m³/tấn sản phẩm**, với công suất là 1.480 tấn sản phẩm/năm tương đương 4,93 tấn sản phẩm/ngày (1 năm làm việc 300 ngày), thì lượng nước sử dụng là $15\text{m}^3/\text{tấn sản phẩm} * 4,93\text{tấn sản phẩm/ngày} = \mathbf{74\text{m}^3/\text{ngày}}$.

Nước cấp cho quá trình vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị tối đa **5m³/ngày**.

Nước cấp cho hoạt động của cối đá vẩy tại dự án tối đa **15m³/ngày**.

Như vậy, tổng lượng nước cần cung cấp cho hoạt động sản xuất của Nhà máy khoảng $48\text{m}^3/\text{ngày} + 135\text{m}^3/\text{ngày} + 74\text{m}^3/\text{ngày} + 5\text{m}^3/\text{ngày} + 15\text{m}^3/\text{ngày} = \mathbf{277\text{m}^3/\text{ngày}}$.

- Nước cấp cho sinh hoạt:

Tổng nhân sự làm việc tại Nhà máy 110 người, Công ty có bố trí Nhà ăn cho công nhân.

- Nước phục vụ cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: Theo TCXDVN 33/2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế, Bộ xây dựng thì một nhân viên sử dụng khoảng 45 lít nước/người cho nhu cầu sinh hoạt. Lượng nước cấp sinh hoạt ước tính khoảng:

$110\text{ người} * 45\text{ lít/người/ngày} = 4.950\text{ lít/ngày}$ tương đương $4,95\text{m}^3/\text{ngày}$

- Nước cấp cho nhà ăn: Theo TCVN 4513/1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế - Phòng cháy chữa cháy thì tiêu chuẩn cấp nước 25 lít/suất ăn. Giả sử 110 cán bộ công nhân viên đều đặt suất ăn tại Nhà máy, vậy lượng nước cần cung cấp khoảng:

$110\text{ người} * 25\text{ lít/người/ngày} = 2.750\text{ lít/ngày}$ tương đương $2,75\text{m}^3/\text{ngày}$.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

Tổng lượng nước cần cung cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Nhà máy và nhà ăn khoảng $4,95\text{m}^3/\text{ngày} + 2,75\text{m}^3/\text{ngày} = 7,7\text{m}^3/\text{ngày}$.

c. Nước cấp cho các nguồn khác:

- Nước cấp tưới mặt đường: dựa vào tiêu chuẩn nước tưới mặt đường bằng phương pháp thủ công với mặt đường đã hoàn thiện (theo TCXDVN 33: 2006, Bảng 3.3, tiêu chuẩn cho một lần tưới từ 0,4 – 0,5 lít/m², chọn tính toán là 0,5 lít/m²), với tổng diện tích đường giao thông nội bộ là 3.411m² thì lượng nước cần cung cấp cho tưới mặt đường là $0,5\text{lít}/\text{m}^2/\text{lần tưới} * 3.411\text{m}^2 = 1.705,5\text{lít}/\text{lần tưới}$ tương đương khoảng $2\text{m}^3/\text{lần tưới}$. Trung bình khoảng 1 ngày tưới một lần, vậy lượng nước sử dụng trong ngày để tưới mặt đường khoảng $2\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Nước cấp cho tưới cây: dựa vào tiêu chuẩn nước tưới cho cây xanh (theo TCXDVN 33: 2006, Bảng 3.3, tiêu chuẩn cho một lần tưới từ 4 – 6 lít/m², chọn tính toán là 6lít/m²), với tổng diện tích cây xanh khi dự án hoạt động là 2.430,6m² thì lượng nước cần cung cấp cho tưới cây là $6\text{lít}/\text{m}^2/\text{lần tưới} * 2.430,6\text{m}^2 = 14.583,6\text{lít}/\text{lần tưới}$ tương đương khoảng $15\text{m}^3/\text{lần tưới}$.

Nước cấp cho hoạt động của hệ thống làm mát nhà xưởng $10\text{m}^3/\text{ngày}$.

Nước cấp cho các hố khử trùng trong nhà xưởng: $4\text{m}^3/\text{ngày}$.

Tổng nhu cầu sử dụng nước tại Nhà máy và nguồn cung cấp được thống kê ở bảng sau:

Bảng 1. 1.Thống kê nhu cầu dùng nước tại Nhà máy

Stt	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)	Nguồn cung cấp
1	Nước cấp sản xuất:	277	Nước giếng khoan tại Nhà máy theo giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 600/GP-UBND ngày 26/10/2020
	- Chế biến cá Tra, cá Basa fillet	48	
	- Chế biến các loại cá nước ngọt, cá biển đông lạnh	135	
	- Sơ chế tôm	74	
	- Vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị	5	
	- Cối đá vẩy	15	
2	Nước cấp sinh hoạt:	11,7	Nước cấp khu vực
	- Sinh hoạt nhà ăn	2,75	
	- Sinh hoạt nhà vệ sinh	4,95	
	- Cấp nước cho hố khử trùng	4	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

3	Nước cấp cho các hoạt động khác:	27	Nước mặt sông Tiền
	- Tưới mặt đường	2	
	- Tưới cây	15	
	- Cấp nước cho hệ thống làm mát	10	
4	Tổng	316	

4.2. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng, nước của phục vụ cho hoạt động nuôi cá tại cơ sở

Nhu cầu về cá giống: Cá giống phải có nguồn gốc rõ ràng, được mua từ trung tâm nghiên cứu sản xuất cá giống thủy sản hoặc các cơ sở sản xuất có uy tín và đã được các cơ quan nhà nước chứng nhận đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Nhu cầu thức ăn cho cá: Lượng thức ăn cần cung cấp tại cơ sở khoảng 10tấn/vụ nuôi. Thức ăn được cơ sở mua từ các công ty sản xuất thức ăn thủy sản trong tỉnh hoặc các tỉnh lân cận.

- Thuốc, hóa chất: thuốc, hóa chất sử dụng trong quá trình nuôi được thống kê ở bảng sau.

Bảng 1. 2. Danh mục hóa chất, thuốc thủy sản

Stt	TÊN THUỐC	THÀNH PHẦN CHÍNH	CÔNG DỤNG	CÁCH DÙNG	THỜI GIAN NGỪNG SỬ DỤNG	TÊN NHÀ CUNG CẤP
I. Nhóm thuốc sử dụng trộn vào thức ăn						
1	Prozyme	Lactobacilus Acidophilus, Bacilus subtilis Amylase, Protease	Bổ sung vi khuẩn có lợi, các enzyme tiêu hóa, giúp cá hấp thụ tốt thức ăn.	Trộn vào thức ăn		Công ty Ánh Việt
2	Praquantel	Praziquatel Đạm thô	Đặc trị nội, ngoại ký sinh trùng trên cá	Trộn vào thức ăn	2 tuần	UV-Việt Nam
3	C-25	Vitamin C	Tăng sức đề kháng, tăng khả năng	Trộn vào		UV-Việt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

			chuyển hóa thức ăn	thức ăn		Nam
4	VitB12	Fe, Ca, VitB12, B9, B6, B1, VitK	Cung cấp vitamin, khoáng.	Trộn vào thức ăn		UV-Việt Nam
5	Hepatic	Artichoke Amlaki Ariuna	Giải độc gan, đào thải nhanh các độc tố, tăng cường khả năng hấp thụ thức ăn. Ngăn ngừa bệnh gân thận mỡ, vàng da, thịt vàng	Trộn vào thức ăn		UV-Việt Nam
6	Sulfa	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Trị đốm đỏ, sung hậu môn, xuất huyết	Trộn vào thức ăn	4 tuần	UV-Việt Nam
II. Nhóm hóa chất xử lý nước, pha nước tạt đều bể nuôi						
7	TS-Iodine	PVP- Iodine	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật	Pha nước tạt đều vào bể nuôi	2 tuần	Thủy Sinh VN
8	HG-99	Troclosene Sodium 99%	Sát trùng nước bể nuôi, dụng cụ	Pha nước tạt đều vào bể nuôi	2 tuần	Hương Giang
9	D-flow	Sodium Chloride, Potassium Chloride, Copper Sulfate	Hóa giải độc tố trong ao, giảm độ nhờn, hạ phèn,	Pha nước tạt đều vào bể nuôi	2 tuần	Hương Giang
10	Yucca	Yucca actives: 50% Quillaja actives: 50%	Loại thải khí độc cấp thời trong ao nuôi tôm cá và cải	Pha nước tạt đều xuống		Công ty Ánh Việt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

			thiện chất lượng nước.	bể nuôi		
11	Vôi	CaCO ₃	Điều chỉnh pH trong đất và nước, điều chỉnh mật độ tảo, diệt mầm bệnh, lắng tụ phù sa trong bể.	Pha nước tạt đều xuống bể nuôi		
12	Muối	CaCl	Diệt khuẩn trong bể nuôi	Pha nước tạt đều xuống bể nuôi		

- Nhu cầu và nguồn cung cấp nước cho các bể nuôi:

+ Nhu cầu sử dụng nước cho lần cấp đầu: Cơ sở có bố trí 06 bể lót bạt để nuôi cá nguyên liệu, kích thước mỗi bể D = 12m, H = 1,2m, thể tích hữu ích mỗi bể: $3,14 \times 12^2 / 4 \times 1 = 113\text{m}^3$. Như vậy, tổng lưu lượng nước cần cho lần cấp đầu tiên là 678m^3 . Nguồn cung cấp: Nước được lấy trực tiếp từ sông Tiền.

+ Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động thay nước: Định kỳ 02 ngày/lần, sẽ tiến hành thay nước ở các bể nuôi, mỗi lần thay khoảng 30% lượng nước trong bể nuôi. Như vậy nhu cầu sử dụng nước mỗi lần thay là: $30\% * 678 = 203\text{m}^3/\text{lần}$ thay. Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nước thay ra từ các bể nuôi (đã được xử lý) ở các lần thay nước trước và khoảng 10% nước bổ sung từ sông Tiền (quá trình xử lý nước thải thay ra từ các bể nuôi làm thất thoát khoảng 10%, do quá trình hút bùn cặn xử lý).

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: Không có

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng bảo vệ môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

2.1. Đối với môi trường nước

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A, $kq = 1,1$, $kf = 1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản được xả vào sông Tiền.

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước sông Tiền, đối với nguồn nước thải sau xử lý của Công ty, chúng tôi thực hiện bằng phương pháp đánh giá gián tiếp theo công thức: $L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}$

L_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm (kg/ngày)

L_{td} : tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông (kg/ngày)

L_{mn} : tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông (kg/ngày)

L_{tt} : tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (kg/ngày)

F_s : Hệ số an toàn, từ 0,7 – 0,9, chọn F_s bằng 0,8 để tính toán

NP_{td} : tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông (kg/ngày), phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

Cơ sở lựa chọn thông số đánh giá:

- Các thông số để tính toán tải lượng tối đa chất ô nhiễm của nguồn nước tiếp nhận được lấy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT, mức A.

- Các thông số để tính toán tải lượng của chất ô nhiễm đưa vào nguồn nước tiếp nhận được lấy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chế biến thủy sản QCVN 11-MT: 2015/BTNMT, cột A

- Các thông số lựa chọn để đánh giá gồm: BOD₅, TSS, amoni, COD.

- Đoạn sông đánh giá: Đoạn sông Tiền đoạn chảy qua cơ sở

Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt:

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

L_{td} (kg/ngày): tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt

Q_s (m³/s): lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất ở đoạn sông cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải, 1.300m³/s;

C_{qc} (mg/l): giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước quy chuẩn chất lượng nước mặt ứng với mục sử dụng của đoạn sông đang đánh giá, QCVN 08:2023/BTNMT, mức A.

86,4: hệ số chuyển đổi đơn vị từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối các chất ô nhiễm lần lượt như sau:

Bảng 2. 1. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với từng thông số

Stt	Chất ô nhiễm	Q_s (m ³ /s)	C_{qc} (mg/l)	L_{td} (kg/ngày)
1	BOD ₅	1.300	4	449.280,00
2	TSS		25	2.808.000,00
3	Amoni		0,3	33.696,00
4	COD		10	1.123.200,00

Tải lượng của thông số chất lượng nước mặt hiện có trong nguồn nước

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4$$

Trong đó:

L_{nn} (kg/ngày): tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước

Q_s (m³/s): lưu lượng dòng chảy ở đoạn sông cần đánh giá, 1.300m³/s;

C_{nn} (mg/l): kết quả phân tích chất lượng nước mặt

Tải lượng của thông số chất lượng nước mặt hiện có trong nguồn nước như sau:

Bảng 2.2. Tải lượng của thông số chất lượng nước mặt hiện có trong nguồn nước

Stt	Chất ô nhiễm	Q _s (m ³ /s)	C _{mn} (mg/l)	L _{mn} (kg/ngày)
1	BOD ₅	1.300	3,95	443.664,00
2	TSS		22,5	2.527.200,00
3	Amoni		0,25	28.080,00
4	COD		9,85	1.106.352,00

Tổng tải lượng thông số ô nhiễm trong nguồn thải

$$L_{tt} = L_t + L_d + L_n$$

Trong đó:

- **L_{tt}** (kg/ngày): tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải
- **L_d** (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải diện, bằng 0 do đoạn sông đánh giá không có nguồn thải diện.
- **L_n** (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải tự nhiên, bằng 0 do đoạn sông đánh giá không có nguồn thải tự nhiên thải vào.
- **L_t** (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$$

Q_t (m³/s): lưu lượng nước thải lớn nhất của nguồn thải điểm

C_t (mg/l): kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước xả vào đoạn sông

86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

Đoạn sông Tiên chạy qua Cơ sở có nguồn thải của cơ sở xả vào: Lưu lượng nước thải: 300m³/ngày đêm, 0,0035m³/s. Các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải: BOD₅: 19mg/l, Amoni: 2,42mg/l, TSS: 25,25mg/l, COD: 30,35mg/l (Giá trị trung bình Bảng 5.1)

Tải lượng ô nhiễm của các chất ô nhiễm đưa vào nguồn nước tiếp nhận như sau:

Bảng 2.3. Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn thải

Stt	Chất ô nhiễm	Q _t (m ³ /s)	C _t (mg/l)	L _t (kg/ngày)
1	BOD ₅	0,0035	19	5,75
2	TSS		25,25	7,64

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

Stt	Chất ô nhiễm	Q_t (m ³ /s)	C_t (mg/l)	L_t (kg/ngày)
3	Amoni		2,42	0,73
4	COD		30,35	9,18

Khả năng tiếp nhận nước thải của đoạn kênh đánh giá

Bảng 2.4. Khả năng tiếp nhận nước thải của đoạn sông đánh giá

STT	Chất ô nhiễm	L_{td}	L_{nn}	L_{tt}	NP_{td}	L_{tn}
1	BOD ₅	449.280,00	443.664	5,75	0	4.488,20
2	TSS	2.808.000,00	2.527.200	7,64	0	224.633,89
3	Amoni	33.696,00	28.080,00	0,73	0	4.492,22
4	COD	1.123.200,00	1.106.352	9,18	0	13.471,06

Kết quả tính toán cho thấy trong 04 thông số lựa chọn đánh giá, thì sông Tiền đoạn chảy qua cơ sở vẫn còn khả năng tiếp nhận 04/4 thông số ô nhiễm.

2.2. Đối với bụi, khí thải

Hoạt động của cơ sở không phát sinh các nguồn khí thải công nghiệp phải xử lý.

2.3. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.4. Đối với tiếng ồn, độ rung

Thực hiện các giải pháp quản lý nhằm đảm bảo tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của dự án đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

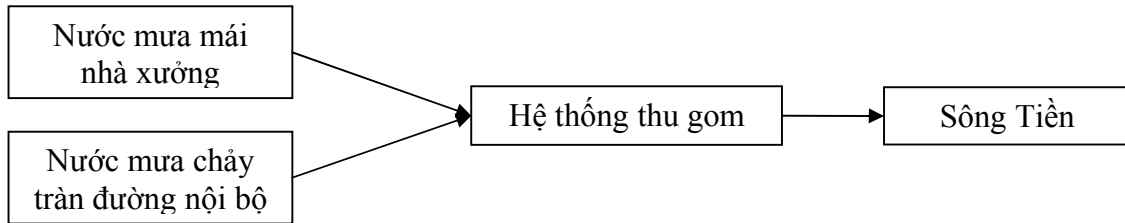
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa



Hình 3. 1. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

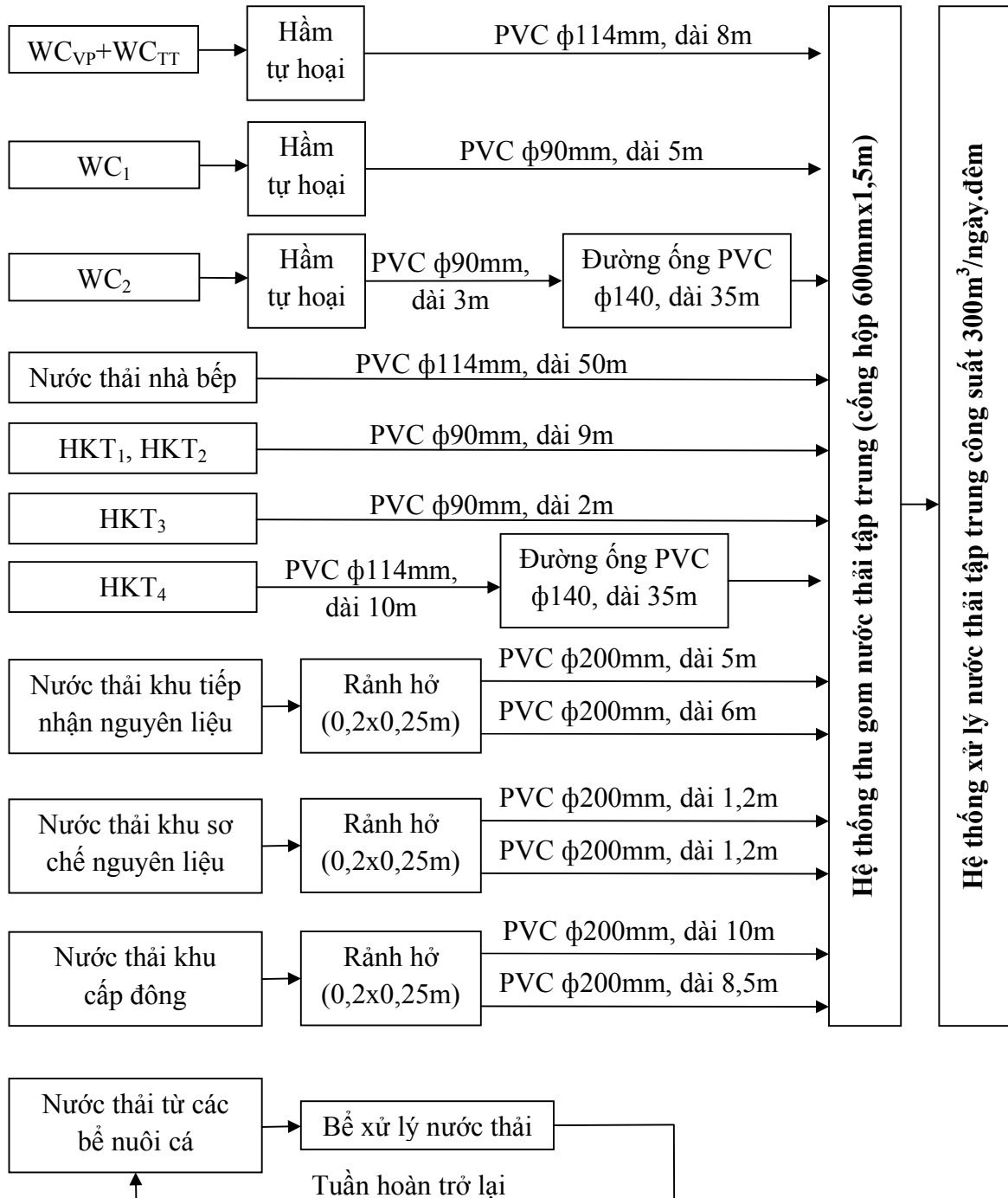
Nước mưa theo độ dốc mái nhà xưởng, đường nội bộ theo hệ thống thu gom nước mưa của Nhà máy (hệ thống cống bê tông cốt thép $\phi 400\text{mm}$, $\phi 600\text{mm}$, $\phi 800\text{mm}$ và 23 hố ga) thoát ra sông Tiền qua 02 cửa xả bằng ống bê tông cốt thép $\phi 800\text{mm}$ theo phương thức tự chảy.

Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở có khả năng tiêu thoát nước mưa tốt.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Công trình thu gom nước thải:

- Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của cơ sở:



Hình 3. 2. Sơ đồ minh họa thu gom, thoát nước thải tại cơ sở

Mô tả:

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh văn phòng (WCVP) và Nhà vệ sinh tập trung (WCTT) được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại sau đó theo ống nhựa PVC $\phi 114\text{mm}$ dài khoảng 8m chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh 1 (WC1) được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại sau đó theo ống nhựa PVC $\phi 90\text{ mm}$ dài khoảng 5m chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh 2 (WC2) được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại sau đó theo ống nhựa PVC $\phi 90\text{ mm}$ dài khoảng 3m chảy về đường ống nhựa PVC $\phi 140\text{mm}$, dài 35m chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ nhà bếp theo ống nhựa PVC $\phi 114\text{mm}$ dài khoảng 50m chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ hố khử trùng 1 (HKT1) theo ống nhựa PVC $\phi 90\text{ mm}$ dài khoảng 9m chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ hố khử trùng 2 (HKT2) theo ống nhựa PVC $\phi 90\text{ mm}$ dài khoảng 9m chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ hố khử trùng 3 (HKT3) theo ống nhựa PVC $\phi 90\text{ mm}$ dài khoảng 2m chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ hố khử trùng 4 (HKT4) theo ống nhựa PVC $\phi 114\text{ mm}$ dài khoảng 10m chảy về đường ống nhựa PVC $\phi 140\text{mm}$, dài 35m (cùng với đường ống thu gom nước thải từ WC) chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ khu tiếp nhận nguyên liệu theo độ dốc chảy về các rãnh hở (0,2mx0,25m) sau đó theo đường ống nhựa PVC $\phi 200\text{mm}$ (2 đường ống, đường ống 1 dài 5m, đường ống 2 dài 6m) chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ khu sơ chế nguyên liệu theo độ dốc chảy về các rãnh hở (0,2mx0,25m) sau đó theo đường ống nhựa PVC $\phi 200\text{mm}$ (02 đường ống, mỗi đường ống dài 1,2m) chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

(cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ nhà xưởng cấp đông theo độ dốc chảy về các rãnh hồ (0,2mx0,25m) sau đó theo đường ống nhựa PVC ϕ 200mm (02 đường ống, đường ống 1 dài 10m, đường ống 2 dài 8,5m) chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung (cống hộp kích thước rộng x sâu: 600mm x 1,5m) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

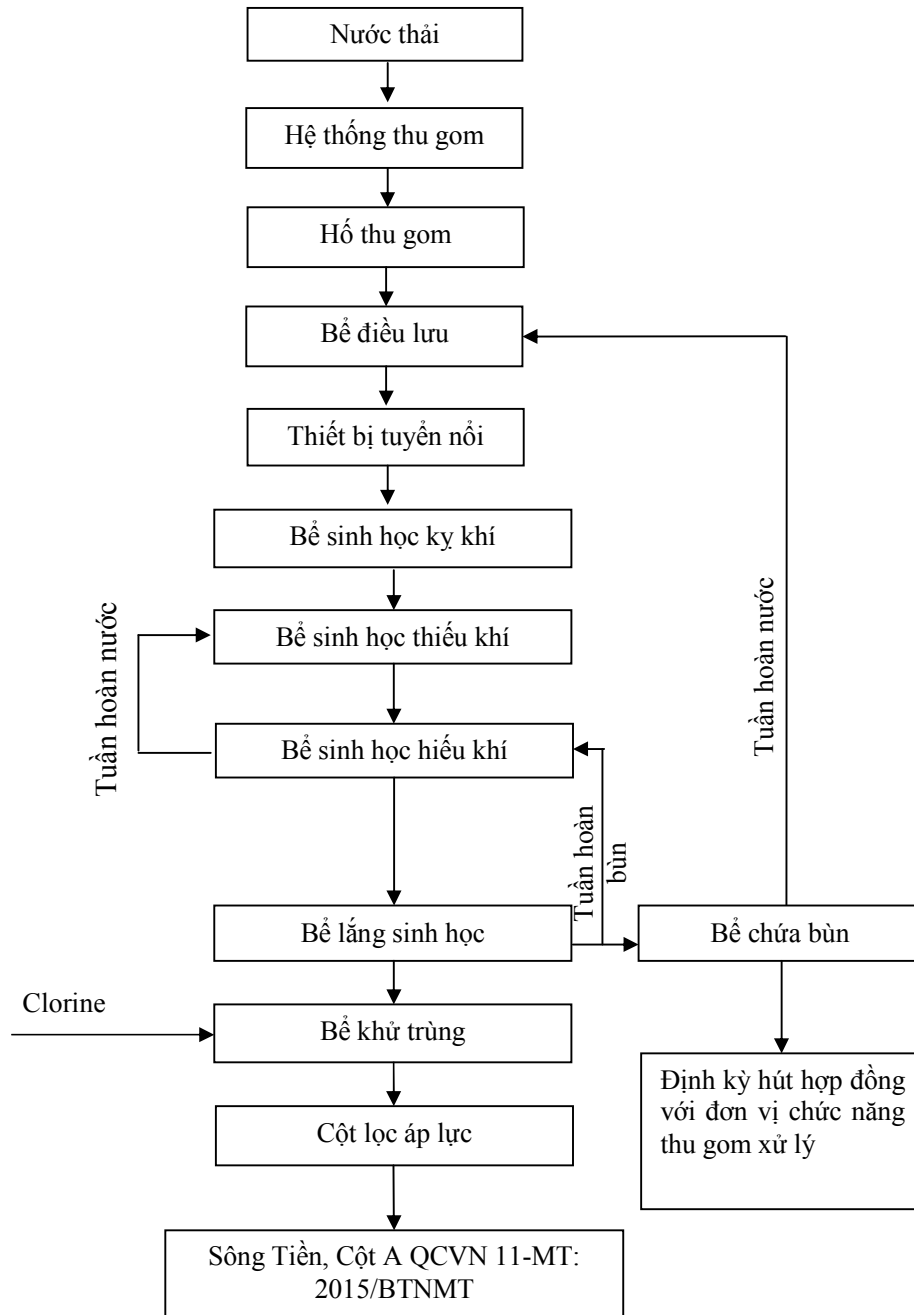
- Nước thải thay ra từ các bể nuôi cá được thu gom xử lý tại bể xử lý nước thải (02 bể, D = 12m, H = 1m) sử dụng vôi, các loại thuốc chuyên dụng cho xử lý nuôi trồng thủy sản như Avaxide, Fresh water để khử trùng và diệt tảo và sinh vật gây hại. Sau 2 ngày nước từ bể xử lý nước thải được bơm trực tiếp vào bể nuôi để tái sử dụng không thải ra môi trường.

Công trình thoát nước thải: Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC 60mm dài khoảng 5m đầu nối vào đường ống nhựa PVC đường kính 140mm, dài 10m thoát ra sông Tiền.

Điểm xả nước thải sau xử lý: Điểm xả thải ra sông Tiền là điểm xả mặt, ven bờ

1.3. Xử lý nước thải

Biện pháp xử lý: Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày.đêm với quy trình xử lý nước thải như sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

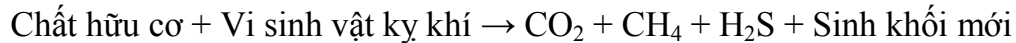
Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn; nước thải từ nhà ăn và nước thải sản xuất theo hệ thống thu gom dẫn về hố thu gom nước thải. Sau đó nước thải được cho qua thiết bị tuyển nổi, tại đây hỗn hợp khí và nước thải được hòa trộn tạo thành các bọt mịn dưới áp suất khí quyển, các bọt

khí tách ra khỏi nước đồng thời kéo theo các váng dầu nổi và một số cặn lơ lửng. Nước thải sau tách mỡ được tập trung về bể điều lưu.

Tại bể điều lưu nước thải được sục khí khuấy trộn nhằm làm xáo trộn, điều hòa lưu lượng và nồng độ chất thải cũng như làm giảm hàm lượng chất ô nhiễm. Lưu lượng và nồng độ nước thải làm thay đổi chế độ làm việc của hệ thống xử lý, gây tình trạng mất ổn định vì chúng phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau: như thời gian thải, lưu lượng thải cũng như tải trọng chất bẩn có trong nước thải. Ví dụ như khi nồng độ hoặc lưu lượng tăng lên đột ngột, các công trình đơn vị hoá lý sẽ làm việc kém hiệu quả và nếu muốn ổn định được cần phải thay đổi lượng hoá chất thường xuyên, điều này gây khó khăn cho quá trình vận hành, còn đối với các công trình đơn vị xử lý sinh học, nếu lưu lượng và nồng độ thay đổi đột ngột sẽ gây sốc tải đối với vi sinh vật thậm chí gây tình trạng vi sinh chết hàng loạt, làm công trình mất hẳn tác dụng không đạt được hiệu quả xử lý. Như vậy, Bể điều hoà là công trình không thể thiếu được trong hệ thống xử lý nước thải. Bể điều hoà có nhiệm vụ điều hoà lưu lượng và ổn định nồng độ nước thải, trong bể điều hoà được sục khí để xáo trộn nồng độ nước thải, bể điều hoà sẽ giúp đơn giản hoá công nghệ xử lý, tăng hiệu quả xử lý và giảm kích thước các công trình đơn vị một cách đáng kể. Nhằm kiểm soát pH đi vào hệ thống xử lý nước thải, tại bể này có gắn đầu dò pH. Nước thải ở bể điều hoà được bơm qua bể kỵ khí để xử lý tiếp tục.

Tại bể sinh học kỵ khí, các vi sinh vật kỵ khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ ở dạng đơn giản và khí Biogas (CO_2 , CH_4 , H_2S , NH_3 ...), theo phản ứng sau :



Ngoài ra, trong bể còn lắp đặt hệ thống giá thể dính bám nhằm tăng cường nồng độ vi sinh vật có trong bể sinh học kỵ khí đẩy nhanh quá trình chuyển hóa chất hữu cơ.

Sau bể sinh học kỵ khí, nước thải được dẫn qua cụm bể anoxic (thiếu khí) và aerotank (sinh học hiếu khí). Bể anoxic kết hợp aerotank được lựa chọn để xử lý tổng hợp: khử BOD, nitrat hóa, khử NH_4^+ và khử NO_3^- thành N_2 , khử Phospho. Với việc lựa chọn bể bùn hoạt tính xử lý kết hợp giữa quá trình xử lý thiếu khí, hiếu khí sẽ tận dụng được lượng cacbon khi khử BOD, do đó không phải cấp thêm lượng cacbon từ ngoài vào khi cần khử NO_3^- , tiết kiệm được 50% lượng oxy khi nitrat hóa khử NH_4^+ do tận dụng được lượng oxy từ quá trình khử NO_3^- .

Nước sau cụm bể anoxic – aerotank tự chảy vào bể lắng sinh học. Bùn được giữ lại ở đáy bể lắng. Một phần được tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí, một phần được đưa đến bể chứa bùn. Nước trong sau khi lắng tại bể lắng sinh học sẽ theo chế độ chảy tràn sang bể khử trùng. Tại đây, hóa chất khử trùng sẽ được bơm định lượng đưa vào bể nhằm tiêu diệt vi sinh có hại có trong nước thải. Cuối cùng nước thải được bơm vào thiết bị lọc áp lực nhằm loại bỏ hàm lượng cặn còn sót lại mà quá trình lắng chưa thực hiện được.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

Nước sau xử lý đảm bảo đạt cột A – QCVN 11-MT:2015/BTNMT, $k_q = 1,1$, $k_f = 1,1$ sẽ được xả vào môi trường tiếp nhận là Sông Tiền;

Bùn rắn lắng từ bể lắng định kỳ sẽ được dẫn về bể phân hủy bùn. Quá trình ổn định bùn kỵ khí diễn ra trong thời gian dài sẽ làm cho bùn ổn định, mất mùi hôi và dễ lắng. Từ bể phân hủy bùn, bùn được tách nước bằng quá trình lắng động tự nhiên hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định. Nước sau khi tách bùn sẽ tuần hoàn trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Các thông số thiết kế cho các hạng mục xử lý của công trình xử lý nước thải với công suất $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở như sau:

Bảng 3. 1. Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả hệ thống xử lý nước thải

STT	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	V (m^3)	CHỨC NĂNG/VẬT LIỆU
1	Hố thu gom	4,6	2,3	4,3	45,5	- Thu gom nước thải, tách mỡ - Vật liệu: bê tông cốt thép
2	Thiết bị tuyển nổi	5	2,7	2,4	32,4	- Tách mỡ - Vật liệu: SUS 304
3	Bể điều lưu	10	4	4	160	- Điều hòa lưu lượng - Vật liệu: bê tông cốt thép
4	Bể sinh học kỵ khí	10	4	4	160	- Phân hủy chất hữu cơ, N,P, Xử lý BOD ₅ , COD - Vật liệu: bê tông cốt thép
5	Bể sinh học thiếu khí	4,4	4	4	70,4	- Phân hủy chất hữu cơ, N,P, Xử lý BOD ₅ , COD - Vật liệu: bê tông cốt thép
6	Bể sinh học hiếu khí	8	4	4	128	- Phân hủy chất hữu cơ, N,P, Xử lý BOD ₅ , COD - Vật liệu: bê tông cốt thép
7	Bể lắng sinh học	4	4	4	64	- Lắng bùn - Vật liệu: bê tông cốt thép
8	Bể khử trùng	4	1,4	4	22,4	- Diệt khuẩn

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

STT	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	V (m ³)	CHỨC NĂNG/VẬT LIỆU
						- Vật liệu: bê tông cốt thép
9	Lọc áp lực	DxH: 1,4x2,2				- Lọc cặn - Vật liệu: Thép CT3
10	Bể chứa bùn	4,4	4	4	70,4	- Chứa bùn - Vật liệu: bê tông cốt thép

Danh sách các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải được thống kê như sau:

Bảng 3. 2. Danh sách các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải

Stt	Hạng mục/thiết bị	Đặc tính	ĐVT	Số lượng
1	Bể thu gom			
1.1	Giỏ chắn rác thô	Kích thước: 800x800x1000mm; Kích thước lỗ: 5mm; Vật liệu: lưới, khung SUS304; Xuất xứ: Việt Nam	Cái	01
1.2	Bơm nước thải	Q = 12 – 16m ³ /h; H = 6 – 8m; N = 1,5kW, 380V, 50Hz; Xuất xứ: Đài Loan	Cái	02
2	Thiết bị tuyển nổi	Kích thước: 800x800x1000mm; Q = 15 – 20m ³ /h; Bình tạo áp, máy nén khí, hệ thống thu hồi cặn		
3	Bể điều lưu			
3.1	Thiết bị tách rác tĩnh	Q = 15m ³ /h, Vật liệu: SUS 304		
3.2	Bơm nước thải	Q = 12 – 16m ³ /h;		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

		H = 6 – 8m; N = 1,5kW, 380V, 50Hz; Xuất xứ: Đài Loan		
3.3	Hệ thống phân phối khí	USA	cái	40
3.4	Dầu dò pH	Khoảng đo: 1 đến 15 Độ phân giải: 0,01;	Bộ	01
3.5	Bơm định lượng hóa chất	Q = 0 – 200l/hr; H = 7Bar; N = 0,2kW/380W/50Hz Xuất xứ: Ý		
3.6	Bồn chứa hóa chất	V = 1.000l Vật liệu: PVC	Bồn	02
4	BỂ sinh học kỵ khí			
4.1	Giá thể vi sinh	LxW = 2.000x200mm Diện tích bề mặt: 400m ² /m ³ ; Vật liệu: PVC Xuất xứ: Việt Nam	m ³	50
4.2	Khung đỡ giá thể	Vật liệu: SUS304 Xuất xứ: Việt Nam	cái	01
4.3	Bơm bùn	Q = 6 – 9m ³ /h; H = 6 – 8m; N = 0,4kW, 380V, 50Hz; Xuất xứ: Đài Loan	cái	02
5	BỂ sinh học thiếu khí			
5.1	Máy khuấy trộn chìm	N = 1,5kW, 380V, 50Hz;	cái	02
6	BỂ sinh học hiếu			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

khí				
6.1	Bơm bùn	Q = 6 – 9m ³ /h; H = 6 – 8m; N = 0,4kW, 380V, 50Hz; Xuất xứ: Đài Loan	cái	02
7	BỂ khử trùng			
7.1	Bơm định lượng	Q = 0 – 100l/hr; H = 0,7Bar; N = 0,04kW/220W/50Hz Xuất xứ: Ý	Cái	01
7.2	Bồn chứa dung dịch khử trùng	V = 100l Vật liệu: PVC	Bồn	01
7.3	Thiết bị lọc áp lực	Q = 15m ³ /h DxH = 1,4x2,2m Vật liệu: Thép CT3; Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	01

Danh sách hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải tại cơ sở

Bảng 3. 3. Danh sách hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải

TT	Tên	Công đoạn có sử dụng	Liều lượng
1	NaOH, HCl	Bể điều hòa	-
2	Clo	Bể khử trùng	2 – 8mg/l
3	Vi sinh cho lần cấy đầu tiên	Bể bùn hoạt tính	1 lít EM Wat-1/20m ³

Biện pháp kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế định kỳ:

- Định kỳ hàng ngày, công nhân vận hành sẽ theo dõi tình trạng hoạt động của các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải, trường hợp có hư hỏng sẽ tiến hành sửa chữa ngay.

- Định kỳ 01 tháng/lần, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng và bôi trơn các chi tiết của thiết bị.

- Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành lấy mẫu chất lượng nước thải sau xử lý

để đánh giá chất lượng nước.

Biện pháp xử lý nước thải từ quá trình nuôi cá bằng bể bạt tròn tuần hoàn nước làm nguồn nguyên liệu phục vụ hoạt động của cơ sở: Nước thải thay ra từ các bể nuôi cá được thu gom xử lý tại bể xử lý nước thải (02 bể, D = 12m, H = 1m) sử dụng vôi, các loại thuốc chuyên dụng cho xử lý nuôi trồng thủy sản như Avaxide, Fresh water để khử trùng và diệt tảo và sinh vật gây hại. Sau 2 ngày nước từ bể xử lý nước thải được bơm trực tiếp vào bể nuôi để tái sử dụng không thải ra môi trường.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển

Ưu tiên sử dụng nhiên liệu sạch, có chứa hàm lượng lưu huỳnh thấp;

Quy định khu vực làm việc riêng cho từng loại xe, không chở quá tải, dùng nhiên liệu đúng thiết kế của động cơ, thường xuyên kiểm tra và bảo trì đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt;

Thực hiện bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe tải vận chuyển thuộc tài sản của công ty, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các loại khí thải;

Quy hoạch thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí;

Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường vận chuyển và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh vào không khí.

Đường nội bộ, sân bãi được tráng nhựa và thường xuyên phun nước để hạn chế sự phát tán bụi do phương tiện vận chuyển gây ra. Khi chạy trong khuôn viên công ty các phương tiện điều phải giảm tốc độ dưới $5 < \text{km/giờ}$.

2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

Lắp đặt ống khói cao để tránh ảnh hưởng về khí thải máy phát điện tới khu vực xung quanh.

Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S thấp (dầu DO, 0,05%S) để giảm thiểu nồng độ SO_2 trong khí thải.

Cơ sở sẽ ưu tiên sử dụng lưới điện vì lý do kinh tế và môi trường.

Máy phát điện dự phòng sẽ được lắp đặt tại vị trí thích hợp, cách biệt khu vực tập trung nhiều lao động như: căn tin, khu vực văn phòng, nhà xưởng.

Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi bị cúp điện hoặc xảy ra sự cố liên quan đến lưới điện.

Xây dựng phòng đặt máy hợp lý cho máy phát điện dự phòng.

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở tối đa 175kg/ngày, Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: cơm, canh, rau thừa, giấy vệ sinh, lá cây, bao nilon, hộp giấy,... trong đó thành phần hữu cơ chiếm tỉ lệ 70 – 80% (rau quả, thực phẩm thừa,...) và thành phần vô cơ chiếm 15 -30% (bao nilon bần, hộp giấy, thủy tinh,...).

Thông kê các loại thùng rác lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty:

- Thùng rác loại 240L: 5 thùng.
- Thùng rác loại 12L: 24 thùng.
- Chức năng: Lưu chứa chất thải sinh hoạt

- Các thông số kỹ thuật cơ bản: Thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo lưu giữ an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ, không ngấm, rò rỉ nước rác, phát tán chất thải do gió, có dung tích, kích thước đảm bảo chứa toàn bộ rác thải sinh hoạt của công ty trong một ngày.

- Quy trình vận hành: Chất thải phát sinh→Thùng rác→Đơn vị thu gom rác của địa phương (Hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Thành Tài thu gom xử lý).

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của cơ sở chủ yếu:

- Phế phẩm từ hoạt động sản xuất tối đa 300tấn/năm.
- Giấy carton vụn, nhãn màu, dây đai, mũ dèo, can thùng, mũ dòn, ủng hư, bao tay cao su, mũ xốp, ống nước, bao giấy, bao nilong, túi PE, thùng xốp,...khối lượng phát sinh tối đa khoảng 50kg/ngày.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khối lượng phát sinh tối đa 220kg/ngày.
- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động nuôi cá gồm: Vỏ bao thức ăn khoảng 10kg/ngày, cá chết khoảng 20kg/ngày, bùn thải (có lẫn nước) khoảng 10m³/lần thay nước (02 ngày thay một lần).

Hiện tại Công ty đã bố trí khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường như sau:

Kho số 1: (chứa phụ phế phẩm, cá chết)

- Kích thước: 12m²
- Thiết kế: Nền láng gạch, mái che, vách tường.

- Phụ phế phẩm, cá chết định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý (Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH sản xuất và

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

thương mại Thiên Phát để thu gom xử lý theo hợp đồng nguyên tắc số 01/2023/CK-TP ngày 02/01/2023)

Kho số 2: (chứa bao bì phế liệu)

- Kích thước: 15m²

- Thiết kế: Nền láng gạch, mái tole, vách tole.

- Bao bì phế liệu định kỳ hợp đồng bán phế liệu (Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TM DV môi trường Nam Bộ để bán phế liệu các loại theo hợp đồng số 10/HĐDV ngày 01/3/2023).

Khu vực lưu chứa số 3: (Chứa bùn thải)

- Kích thước: dài x rộng x cao: (4,4 x 4 x 4)m – bố trí tại hệ thống xử lý nước thải.

- Thiết kế: Bằng bê tông cốt thép

- Bùn thải định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định (Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TM DV môi trường Nam Bộ để thu gom, xử lý bùn thải theo hợp đồng số 12/HĐDV ngày 01/3/2023).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành ước tính như sau:

Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Tổng khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	50
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	20
Tổng cộng				70

Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh trong quá trình vận hành ước tính như sau:

Bảng 3. 5. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Tổng khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	50
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	100
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	100
4	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	10
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	100
Tổng cộng				360

Biện pháp xử lý: Xây dựng một (01) kho chứa diện tích 6m² để lưu chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý và thực hiện các quy định khác về chất thải nguy hại theo quy định.

Quy trình vận hành: Chất thải phát sinh → Thùng chứa → Kho chứa CTNH → Đơn vị chức năng.

Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Việt Úc để thu gom xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (Hợp đồng số 218/HĐ.MTNB/VAE-2023 ngày 01/3/2023).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các máy móc trong Nhà máy đều vận hành bằng điện nên cũng hạn chế được tiếng ồn.

❖ Giảm thiểu tiếng ồn từ các máy móc thiết bị sản xuất:

- Đối với nhà xưởng sản xuất xây dựng tường xung quanh và phủ tole mái lợp tole đúng theo tiêu chuẩn thiết kế nhà xưởng để hạn chế tiếng ồn phát ra môi trường xung quanh.

- Cố định chân bả đỡ các máy móc nhằm giảm thiểu độ rung của các máy móc trong nhà xưởng.

- Các máy công suất lớn, gây ồn cao được lắp đệm cao su và lò xo chống rung.

- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn sẽ được trang bị nút bịt tai chống ồn.

- Định kỳ 1 tháng/lần bảo dưỡng bôi trơn dầu mỡ vào các máy móc thiết bị để máy hoạt động êm, hạn chế phát sinh tiếng ồn, rung.

❖ Giảm thiểu tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng:

Mặc dù máy phát điện dự phòng được thiết kế với các thiết bị chống ồn và rung đi kèm nhưng Chủ cơ sở vẫn áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu tác động về tiếng ồn và độ rung:

- Máy phát điện dự phòng được lắp đặt tại vị trí thích hợp.
- Xây dựng phòng đặt máy hợp lý cho máy phát điện dự phòng.
- Bảo trì định kỳ (1 tháng/lần) và kiểm tra dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ Sự cố cháy nổ

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo phương án PCCC đã được phê duyệt.

❖ Sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để phòng chống sự cố về hệ thống xử lý nước thải chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
- Lấy mẫu định kỳ nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;
- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, chủ cơ sở báo ngay cho đơn vị cung cấp và tập trung mọi nguồn lực tiến hành khắc phục sự cố, hoặc liên hệ với cơ quan chức năng về môi trường và các sự cố để có biện pháp xử lý kịp thời. Chủ cơ sở sẽ cam kết không xả nước thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận bằng cách đối với mỗi thiết bị của hệ thống xử lý nước thải chủ cơ sở sẽ bố trí thêm thiết bị dự phòng song song nhằm đảm bảo hệ thống luôn hoạt động khi có trục trặc xảy ra, tuần hoàn nước thải về bể điều lưu để xử lý lại và sẽ hợp đồng với đơn vị chuyên môn nhanh chóng xử lý thời hạn tối đa 1 ngày cho hệ thống hoạt động trở lại để không ảnh hưởng xấu đến môi trường.
- Khi các chỉ tiêu phân tích vượt quy chuẩn mà nguyên nhân vượt quá khả năng tự điều chỉnh, khắc phục của nhân viên kỹ thuật hoặc sự cố cần có thời gian khắc phục kéo dài như ống bị nghẹt, bị bể, ... công ty sẽ có công văn thông

báo tình hình sự cố hiện đang xảy ra đến cơ quan chức năng như Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang để được hỗ trợ về kỹ thuật và thời gian khắc phục.

- Trong trường hợp sự cố hệ thống xử lý nước thải kéo dài sẽ ngưng hoạt động đến khi khắc phục xong mới cho hoạt động trở lại.

Cơ quan tổ chức triển khai thực hiện dự án và quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường: Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam

Để đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở, công ty đã tuyển dụng 1 công nhân có trình độ trung cấp, có chuyên môn về môi trường, an toàn lao động để thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Vận hành các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.

- Thực hiện giám sát công việc về vệ sinh công nghiệp, cây xanh. Phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc, giám sát môi trường định kỳ.

Định kỳ, 1 tháng/lần, báo cáo với ban giám đốc về các vấn đề môi trường tại dự án, tham mưu, đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường cho cơ sở.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Công ty có đầu tư thêm 06 bể bạt tròn để nuôi cá rô, cá lóc, cá trê làm nguồn nguyên liệu phục vụ hoạt động của cơ sở, việc thay đổi này không ảnh hưởng đến các công trình xử lý chất thải đã phê duyệt trong báo cáo ĐTM.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt 11,7m³/ngày.đêm (bao gồm nước thải nhà ăn, nước thải từ nhà vệ sinh).

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất: 277m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động nuôi cá trong bể bạt tròn: 203m³/lần thay, 02 ngày thay một lần (nguồn nước thải này được xử lý bằng 02 bể xử lý nước, sau đó tuần hoàn trở lại các bể nuôi không thoát ra môi trường).

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 300m³/ngày.đêm (Theo công suất hệ thống xử lý nước thải)

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 11-MT: 2015/BTNMT cột A, kf=1,1, kq=1,1
1	pH	-	6 – 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60,5
3	BOD ₅ ở 20 ⁰ C	mg/l	36,3
4	COD	mg/l	90,75
5	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	36,3
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	12,1
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	12,1
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	12,1
9	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000
10	Clo dư	mg/l	1,21

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45’,

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

múi chiều 3^o); X(m) = 1143039; Y(m) = 559075.

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy, liên tục 24h

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Tiền.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Nhà xưởng sản xuất.

- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

- Nguồn số 03: Tủ hệ thống xử lý nước thải tập trung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X (m) = 1143133, Y (m) = 559066.

- Nguồn số 02: X (m) = 1143167, Y (m) = 559037.

- Nguồn số 03: X (m) = 1143039, Y (m) = 559062.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 10^o45', múi chiều 3^o)

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Không

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: Không

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2022, 2023 của cơ sở được trình bày ở bảng sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2022, 2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị									Giá trị Cmax QCVN 11- MT: 2015/BTNMT cột A, kf=1,1, kq=1,1
			3/2022	6/2022	9/2022	12/2022	03/2023	06/2023	09/2023	12/2023	Trung bình	
1	pH	-	6,38	7,13	7,45	6,76	6,11	7,53	7,38	7,82	7,07	6 – 9
2	TSS	mg/l	20	41	8	17	32	36	25	23	25,25	60,5
3	BOD ₅	mg/l	16	22	13	20	22	27	21	11	19,00	36,3
4	COD	mg/l	21,5	30,7	19,1	27,9	39,5	42,1	33	29	30,35	90,75
5	Tổng N	mg/l	25,2	25,9	25,3	25,6	19,6	25,5	20,2	16,2	22,94	36,3
6	Tổng P	mg/l	7,9	6,27	5,69	8,31	5,93	8,8	8,04	3,17	6,76	12,1
7	Amoni	mg/l	7,69	3,24	0,64	0,92	1,22	0,79	0,57	4,3	2,42	12,1
8	Tổng dầu mỡ ĐTV	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	12,1
9	Tổng Coliform	mg/l	1.400	1.300	140	490	2.200	460	2.200	1.500	1.200	3.000
10	Clo dư	mg/l	KPH	KPH	0,53	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,53	1,21

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm”

Nhận xét: Từ kết quả ở bảng trên cho thấy nước thải sau hệ thống xử lý ở các đợt quan trắc năm 2022, 2022 đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép (QCVN 11-MT: 2015/BTNMT cột A, $k_f=1,1$, $k_q=1,1$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản).

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải: Không

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 300m³/ngày.đêm không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định (đã có giấy phép môi trường thành phần gồm: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 194/GP-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Tiền Giang và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2588/GXN-STNMT ngày 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

📌 Quan trắc nước thải:

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý.
- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: theo tiêu chuẩn Việt Nam.
- Thông số chọn lọc: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, Amoni, Clo dư, Coliform, Tổng dầu mỡ động, thực vật.
- Tần số giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 11-MT: 2015/BTNMT, cột A, kq = 1,1, kf = 1,1 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải theo Điều 97, 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: Không

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Tổng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm khoảng 20.000.000 đồng (chưa bao gồm chi phí vận chuyển).

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất (2022, 2023) trước thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, cơ sở có tiếp 01 đoàn kiểm tra theo quyết định số 47/QĐ-TTr ngày 05/6/2023 của Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn đến và làm việc tại Cơ sở vào ngày 05/7/2023 và có yêu cầu đối với cơ sở như sau:

- Trong quá trình hoạt động, Công ty phải chấp hành đúng pháp luật về bảo vệ môi trường.

(Đính kèm biên bản kiểm tra về chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường ngày 05/7/2023 ở Phụ lục Báo cáo)

Thời gian qua Cơ sở luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, các nguồn phát sinh chất thải từ Cơ sở đều được quản lý theo đúng quy định.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0312059802, đăng ký lần đầu ngày 21/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/7/2018

- Giấy tờ về đất đai:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CT06274 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/02/2018.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CT06275 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/02/2018.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số T-00085QSĐĐ/3479/TQDUB

- Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Sơ đồ mặt bằng thu gom, thoát nước thải, nước mưa của cơ sở

- Các kết quả quan trắc môi trường của cơ sở

- Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 194/GP-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Tiền Giang.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 600/GP-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Tiền Giang.

- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2588/GXN-STNMT ngày 06/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 611/TD-PCCC ngày 23/8/2017 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang.

- Phương án chữa cháy của cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang phê duyệt ngày 29/03/2019.

- Các hợp đồng xử lý chất thải của cơ sở (Hợp đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, bùn thải, phế liệu).

- Biên bản thanh tra.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0312059802

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 11 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 13 tháng 07 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CK FROZEN FOODS VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

01 Đặng Văn Sâm, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02862701236

Fax: 08.62911729

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	KHAN MR. SHAHJADA MOHAMMAD ALI	109/1 Moo 21, Soi Chongsiri, Bangpleeyai, Bangplee, Samutprakan 10540, Thái Lan	9.800.000.000	49,000	AA6457799	
2	PHẠM LÊ NGUYỄN HẢO	14.27c/c 654/6 Lạc Long Quân, Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	8.600.000.000	43,000	046187000207	
3	PHẠM LÊ NGUYỄN THẢO	14.27c/c 654/6 Lạc Long Quân, Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.600.000.000	8,000	046181000166	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên: PHẠM LÊ NGUYỄN HẢO**

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 046187000207

Ngày cấp: 05/06/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG Về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 14.27c/c 654/6 Lạc Long Quân, Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 14.27c/c 654/6 Lạc Long Quân, Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**TRƯỜNG PHÒNG,
Phó Trưởng Phòng**



Võ Thành Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CK FROZEN FOODS
VIỆT NAM**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0312059802

Đăng ký thay đổi lần thứ 7: Ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Phòng Đăng ký
Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, đường Đặng Văn Sâm, phường 09, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh.

CL 810210

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 2190 , tờ bản đồ số: 1
- b) Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
- c) Diện tích: 2221,3m², (bằng chữ: Hai nghìn hai trăm hai mươi một phẩy ba mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/12/2042
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

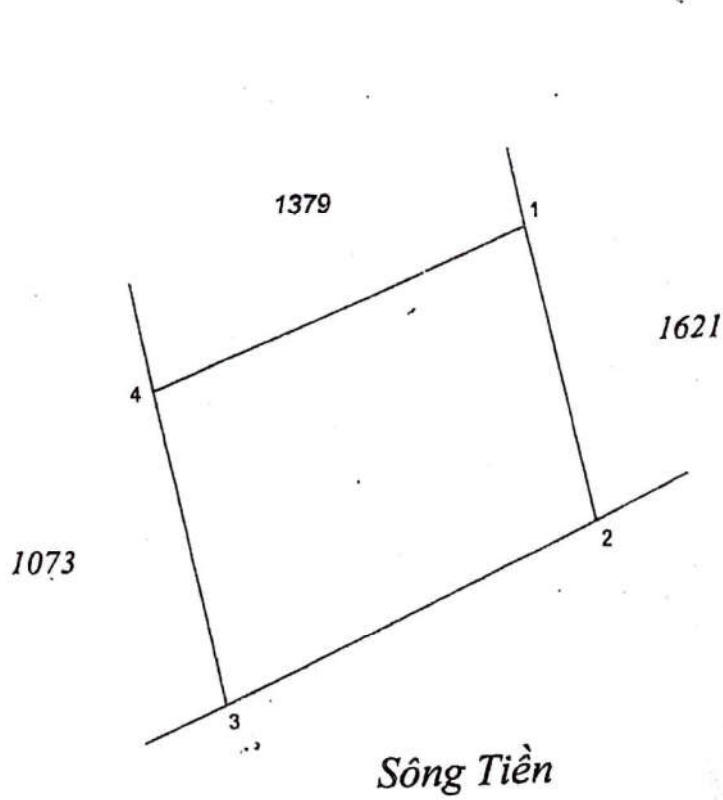
6. Ghi chú: Không.

Tiền Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2018
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	40,42
2	55,28
3	42,85
4	53,80
1	53,80

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.</p> <p>Số chứng thực: 004035</p> <p>Quyển số: SCT/BS</p> <p>Ngày: 22-05-2018</p> <p>CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 1</p>	



Phạm Thị Hồng Vân

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



66
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CK FROZEN FOODS
VIỆT NAM**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0312059802

Đăng ký thay đổi lần thứ 7: Ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Phòng Đăng ký

Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, đường Đặng Văn Sâm, phường 09, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh.

CL 810209

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 1074 , tờ bản đồ số: 1
- b) Địa chỉ: Ấp Tân Thuận A, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
- c) Diện tích: 1310,8m², (bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười phẩy tám mét vuô
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/03/2067
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

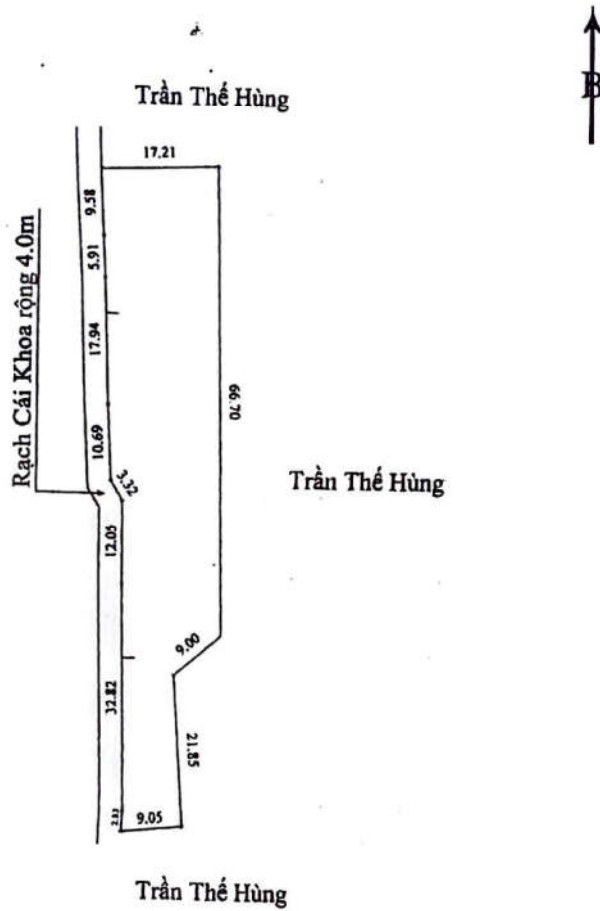
Tiền Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2018
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Phạm Anh Tuấn

Số vào sổ cấp GCN: CT06275

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực: 003272 Quyển số: SCT/BS Ngày: 27-04-2018 CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 4</p>  <p><i>Trần Hữu Chiện</i></p>	

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



8 2 2 8 5 7 9 1 8 0 0 1 3 3 5

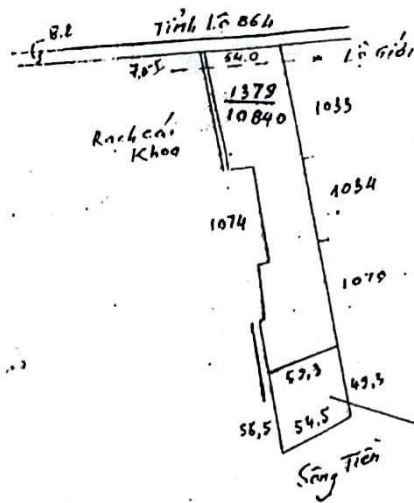


GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số P 379201



SƠ ĐỒ THƯA ĐẤT
TỶ LỆ: 1/5000

B



1/11

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
03/3/2009	<p>Công ty TNHH Thành Phát đã giải thể theo Giấy xác nhận của Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang ngày 19/02/2009.</p> <p>Chuyển quyền sử dụng đất lại cho ông Trần Thế Hùng theo Văn bản thỏa thuận có công chứng số: 83 ngày 25/02/2009/.</p>	
10/02/2017	<p>Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312059802, địa chỉ 168B Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo hồ sơ số 000678.CN.002/.</p>	

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.



1 trang

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Thửa đất số: 1379 - Tờ bản đồ số: 01
Số phát hành GCN.QSDĐ số: P 379201
Số vào sổ cấp GCN.QSDĐ: T00085QSDĐ/3479/T.QĐUB

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

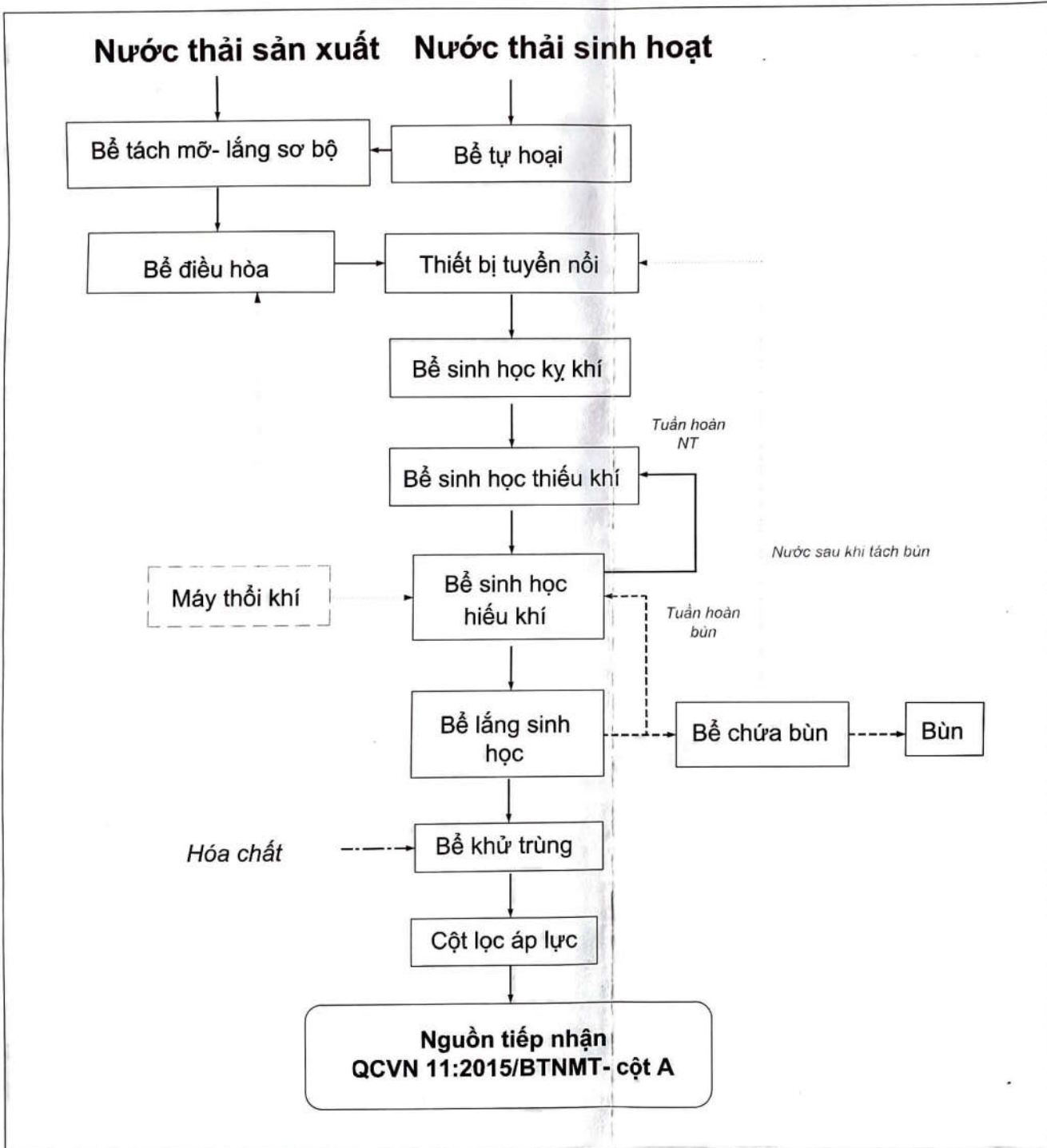
Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
11/4/2009	Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Vận tải Xăng dầu Miền Nam với Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh TP.HCM, theo Hợp đồng số: 30/2009/HĐTC ngày 10/3/2009./.	
19/01/2017	Xóa nội dung đăng ký thẻ chấp ngày 11/4/2009 theo hồ sơ số 000678.XC.001./.	 Vân Đình Cường
14/02/2017	Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2 tòa nhà số 472 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 2, quận 3, TP. Hồ Chí Minh theo hồ sơ số 000678.TC.003./.	 Vân Đình Cường



Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Ngày thực..... Quyền số..... SQT/BQT
Ngày..... tháng..... năm.....
UBND - Phường 1 - Quận 10



Phạm Minh Hùng



LẦN BAN HÀNH PROMULGATION TIME	NGÀY ĐÁY: DATE:
LẦN 1	06/10/2017

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

PHẠM LÊ NGUYỄN HẢO

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CÁT TÂN

ĐỊA CHỈ: 84 Trần Thị Bảy, P.Hiệp Thành, Quận 12, Tp.HCM
ADDRESS:

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

NGUYỄN NHẬT THANH HUYỀN

CHỦ TRƯ PROJECT MANAGER:	NGUYỄN N. THANH HUYỀN
THIẾT KẾ DESIGNED BY:	LÊ CÔNG NHÂN
KIỂM: CHECKED BY:	BÙI ĐỨC VINH
VẼ: DRAWN BY:	TẠ NHẬT QUANG

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN CK FROZEN FOODS VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM: Ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang
LOCATION: Tỉnh Tiền Giang

HẠNG MỤC:
ITEM:

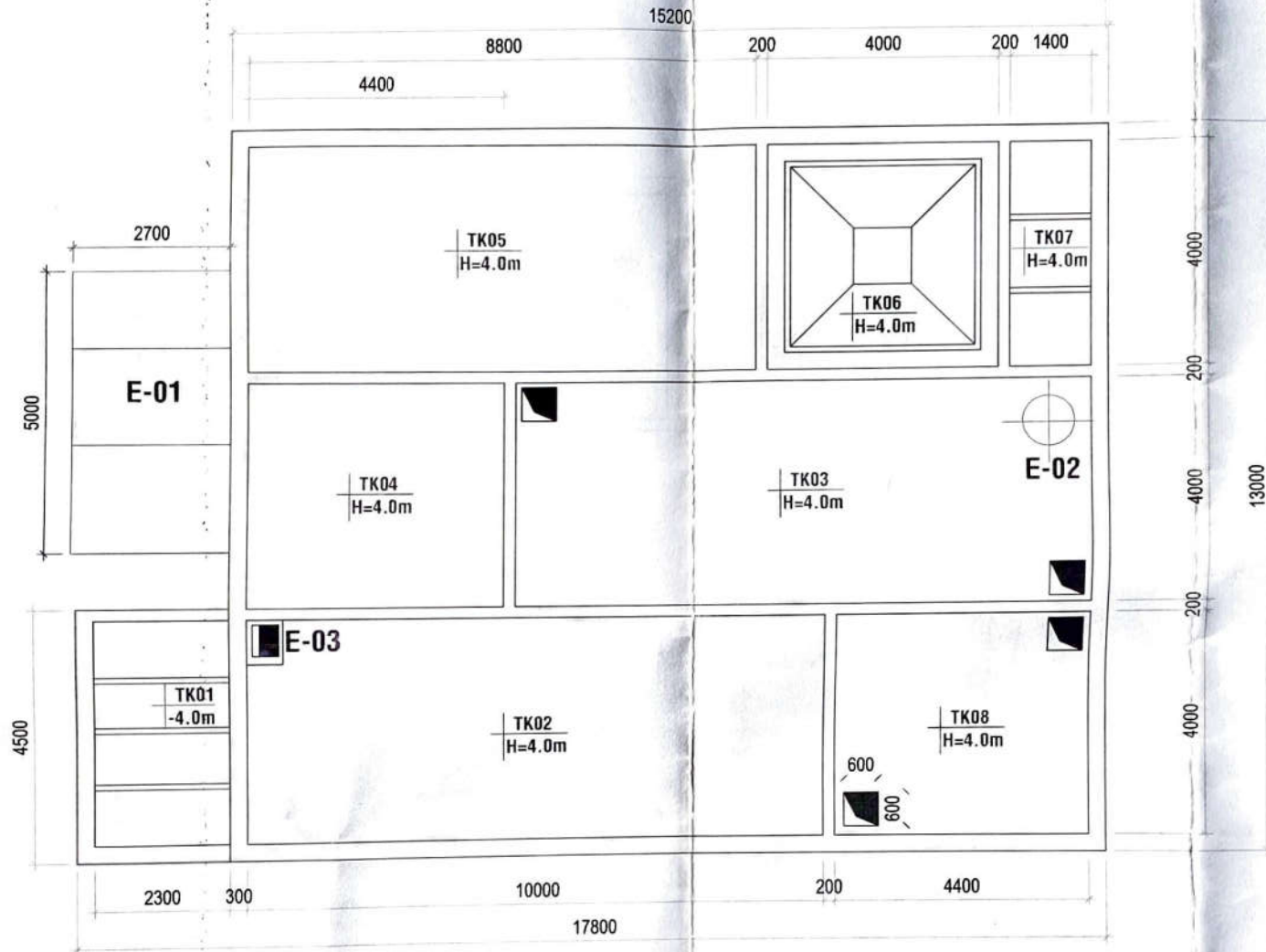
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI THỦY SẢN CÔNG SUẤT: 300 M³/NGÀY

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

<input checked="" type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ CONCEPT DESIGN:	<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN:
<input checked="" type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT APPROVED:	<input type="checkbox"/> HOÀN CÔNG REVISION:
TỶ LỆ: SCALE:	KÝ HIỆU: DRAWING No.:
NGÀY 06/10/2017 DATE:	SCDN :01

BỐ TRÍ MẶT BẰNG



GHI CHÚ:

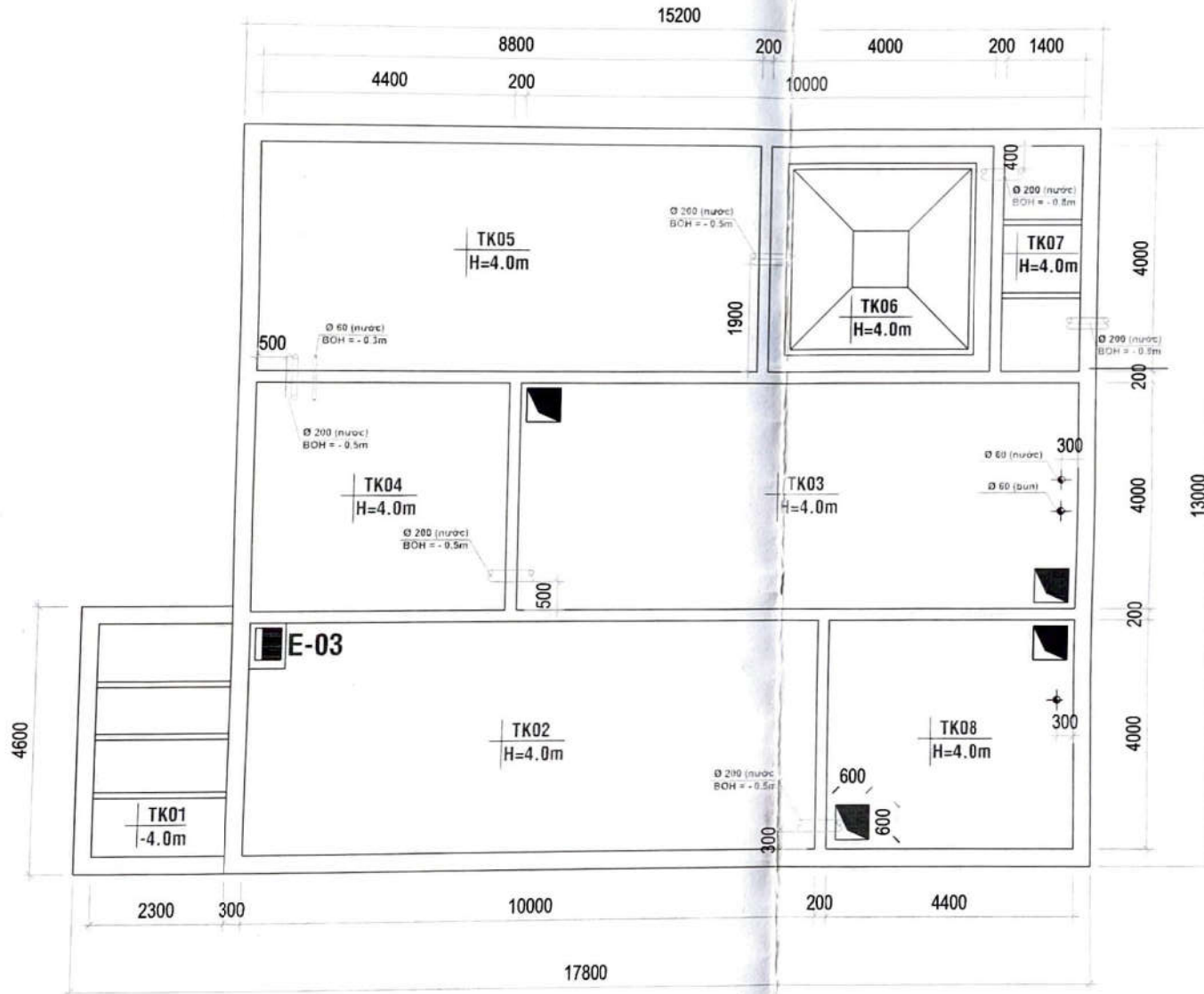
TK01 : BỂ TÁCH MỠ - LẮNG SƠ BỘ
TK02 : BỂ ĐIỀU HÒA
TK03 : BỂ SINH HỌC KỶ KHÍ
TK04 : BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ

TK05 : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ
TK06 : BỂ LẮNG
TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG
TK08 : BỂ CHỨA VÀ PHÂN HỦY BÙN

E-01: THIẾT BỊ TUYẾN NỒI
E-02: THIẾT BỊ LỌC ÁP LỰC
E-03: THIẾT BỊ LỌC RÁC TÍNH

LẤY BAN HÀNH PROMULGATION TIME	NGÀY DAY:
LẦN I	06/10/2017
CHỦ ĐẦU TƯ: INVESTOR:	
PHẠM LÊ NGUYỄN HẢO	
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CONTRACTOR:	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CÁT TÂN	
ĐỊA CHỈ: ADDRESS:	84 Trần Thị Bay, P.Hiệp Thành, Quận 12, Tp.HCM
GIÁM ĐỐC: DIRECTOR:	
NGUYỄN NHẬT THANH HUYỀN	
CHỦ TRƯ PROJECT MANAGER:	NGUYỄN N. THANH HUYỀN
THIẾT KẾ DESIGNED BY:	LÊ CÔNG NIÊN
KIỂM: CHECKED BY:	BÙI ĐỨC VINH
VẼ: DRAWN BY:	TẠ NHẬT QUANG
TÊN CÔNG TRÌNH: PROJECT NAME:	
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN CK FROZEN FOODS VIỆT NAM	
ĐỊA ĐIỂM: LOCATION:	Ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang
HẠNG MỤC: ITEM:	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI THỦY SẢN CÔNG SUẤT : 300 M ³ /NGÀY
TÊN BẢN VẼ: NAME DRAWING:	
BỐ TRÍ MẶT BẰNG	
<input checked="" type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ CONCEPT DESIGN:	<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGN:
<input checked="" type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT APPROVED:	<input type="checkbox"/> HOÀN CÔNG REVISION:
TỶ LỆ: SCALE:	KÝ HIỆU: DRAWING No.:
NGÀY DAY:	06/10/2017
	MB : 01

BỐ TRÍ ỒNG CHỜ



Ghi chú: BOH - khoảng cách từ đáy ống đến nắp bể

LẦN BAN HÀNH PROMULGATION TIME	NGÀY DAY:
LẦN 1	06/10/2017

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:



PHẠM LÊ NGUYỄN HẢO

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CONTRACTOR:

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
CÁT TÂN**

ĐỊA CHỈ: 84 Trần Thị Bảy, P. Hiệp Thành, Quận 12,
ADDRESS: Tp. HCM

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

NGUYỄN NHẬT THANH HUYỀN

CHỦ TRÌ
PROJECT MANAGER: NGUYỄN N. THANH HUYỀN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY: LÊ CÔNG NHÂN

KIỂM:
CHECKED BY: BÙI ĐỨC VINH

VẼ:
DRAWN BY: NGUYỄN MINH TỬ

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN CK FROZEN
FOODS VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM: Ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành,
LOCATION: Tỉnh Tiền Giang

HẠNG MỤC:

ITEM:
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI THỦY SẢN
CÔNG SUẤT: 300 M³/NGÀY**

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

BỐ TRÍ ỒNG CHỜ

THIẾT KẾ SO BỎ
CONCEPT DESIGN:

THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGNED:

TRÌNH DUYỆT
APPROVED:

HOÀN CÔNG
REVISION:

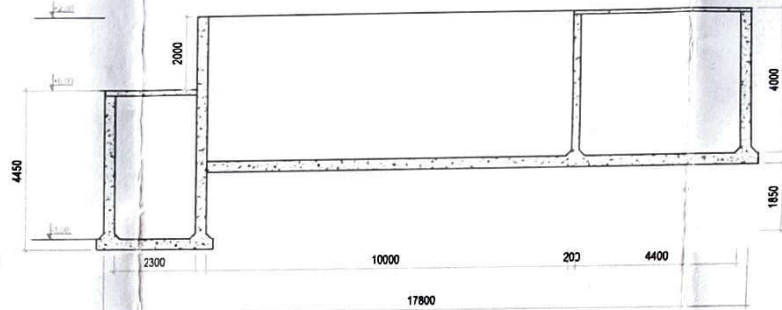
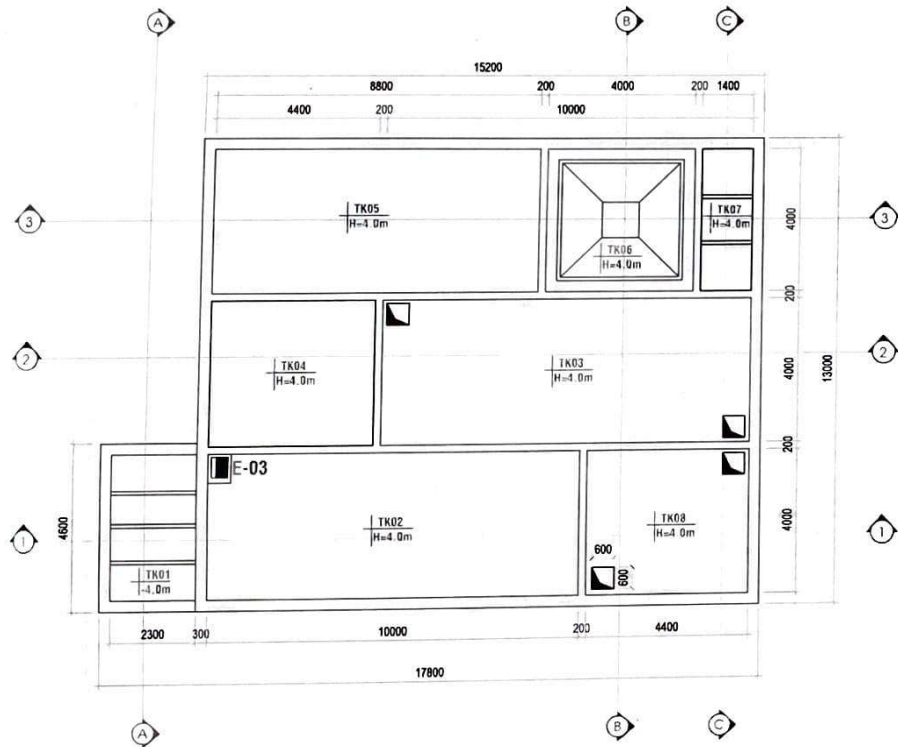
TỶ LỆ:
SCALE:

KÝ HIỆU:
DRAWING No.:

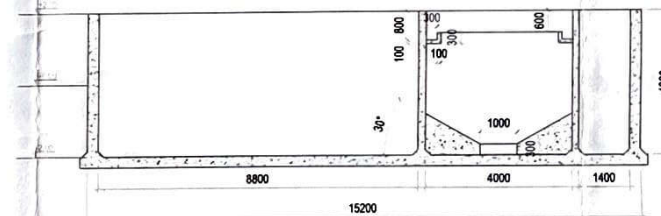
NGÀY 10/5/2018
DAY:

TC : 01

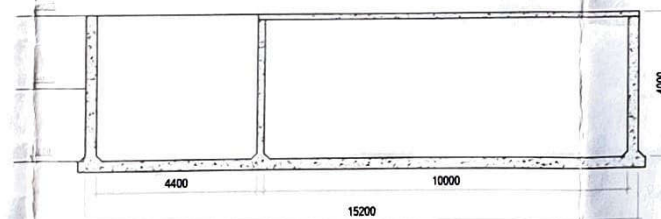
BỐ TRÍ MẶT CẮT



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 2-2

LẦN BAN HÀNH PROMULGATION TIME	NGÀY DAY:
LẦN 1	06/10/2017

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:



PHẠM LÊ NGUYỄN BẢO

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CONTRACTOR:

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
CÁT TÂN**

ĐỊA CHỈ: 841 Trần Thị Bảy, P. Hiệp Thành, Quận 12,
ADDRESS: Tp. HCM

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

NGUYỄN NHẬT THANH HUYỀN

CHỦ TRƯ PROJECT MANAGER:	NGUYỄN N. THANH HUYỀN
THIẾT KẾ DESIGNED BY:	LÊ CÔNG NHÃN
KIỂM CHECKED BY:	BÙI ĐỨC VINH
VẼ DRAWN BY:	TẠ NHẬT QUANG

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN CK FROZEN
FOODS VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM: Ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành,
LOCATION: Tỉnh Tiền Giang

HẠNG MỤC:

ITEM:
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI THỦY SẢN
CÔNG SUẤT: 300 M³/NGÀY**

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

MẶT CẮT HTXL NT

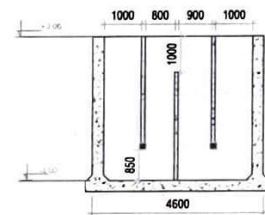
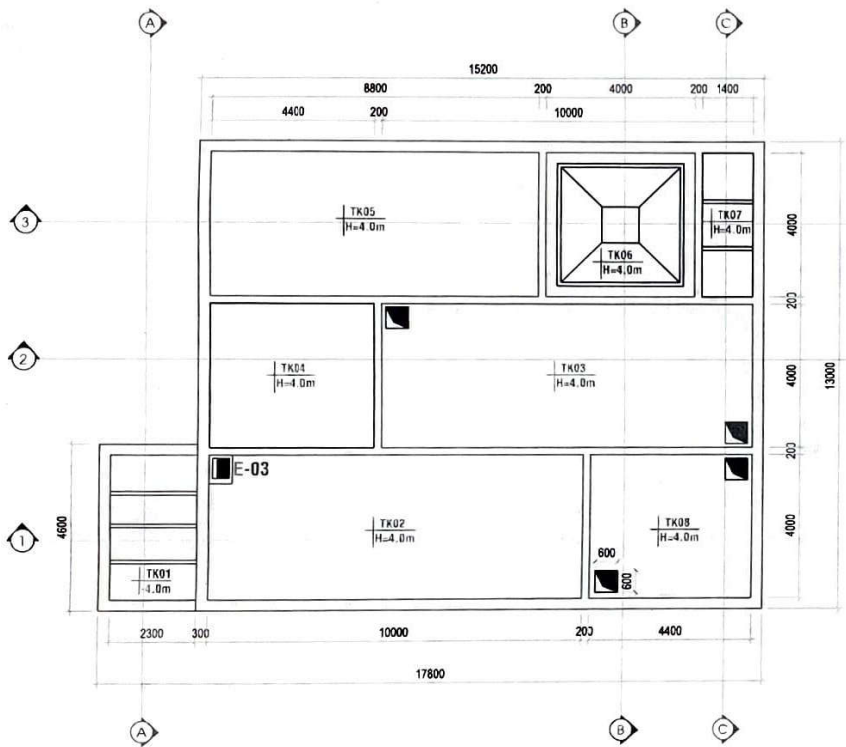
<input checked="" type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ CONCEPT DESIGN:	<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ CHI TIẾT DETAIL DESIGNED:
<input checked="" type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT APPROVED:	<input type="checkbox"/> HOÀN CÔNG REVISION:

TỶ LỆ:
SCALE:
NGÀY: 06/10/2017
DAY:

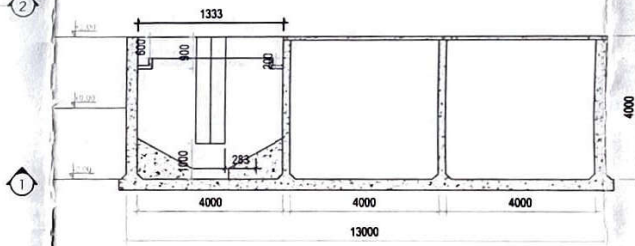
KÝ HIỆU:
DRAWING No.:

MCC : 01

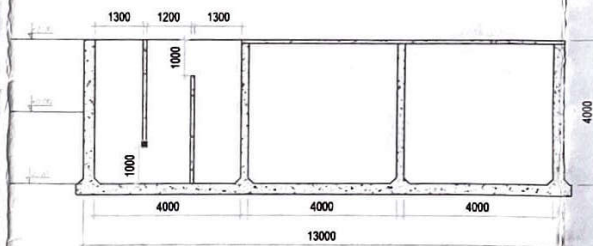
BỐ TRÍ MẶT CẮT



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C

LẦN BAN HÀNH FORMULATION TIME	NGÀY DAY:
LẦN 1	06/10/2017

CHỦ ĐẦU TƯ:
INVESTOR:

PHẠM LÊ NGUYỄN HẢO

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CONTRACTOR:

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
CÁT TÂN**

ĐỊA CHỈ: 84 Trần Thị Bảy, P. Hiệp Thành, Quận 12,
ADDRESS: Tp.HCM

GIÁM ĐỐC:
DIRECTOR:

NGUYỄN NHẬT THANH HUYỀN

CHỦ TRƯ PROJECT MANAGER:	NGUYỄN N. THANH HUYỀN
THIẾT KẾ DESIGNED BY:	LÊ CÔNG NHẬN
KIỂM CHECKED BY:	BÙI ĐỨC VINH
VẼ DRAWN BY:	TẠ NHẬT QUANG

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN CK FROZEN
FOODS VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM: Ấp Tân Thuận B, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành,
LOCATION: Tỉnh Tiền Giang

HÀNG MỤC:
ITEM:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI THỦY SẢN
CÔNG SUẤT: 300 M³/NGÀY**

TÊN BẢN VẼ:
NAME DRAWING:

MẶT CẮT HTXL NT

THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DESIGN:

THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DESIGN:

TRÌNH DUYỆT
APPROVED:

HOÀN CÔNG
REVISION:

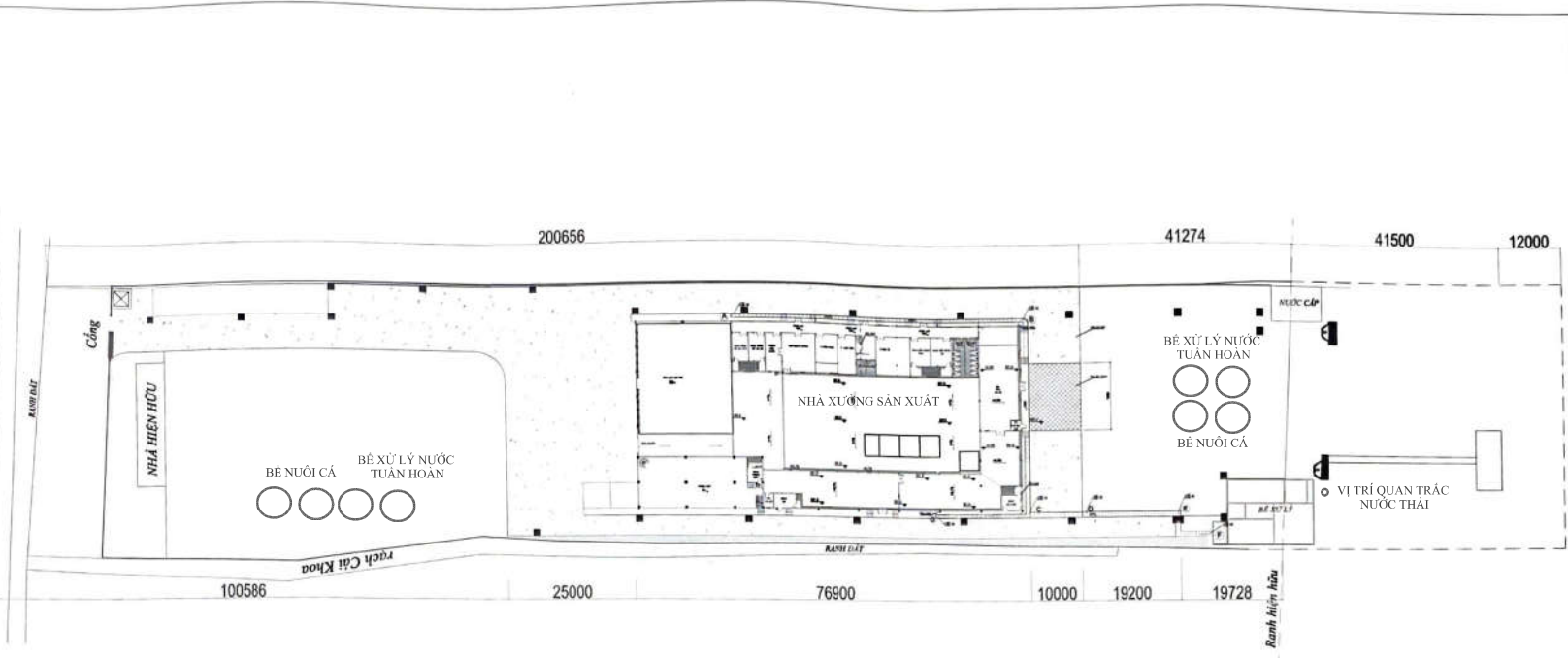
TỶ LỆ:
SCALE:

NGÀY: 06/10/2017
DAY:

KÝ HIỆU:
DRAWING No.:

MCC:02

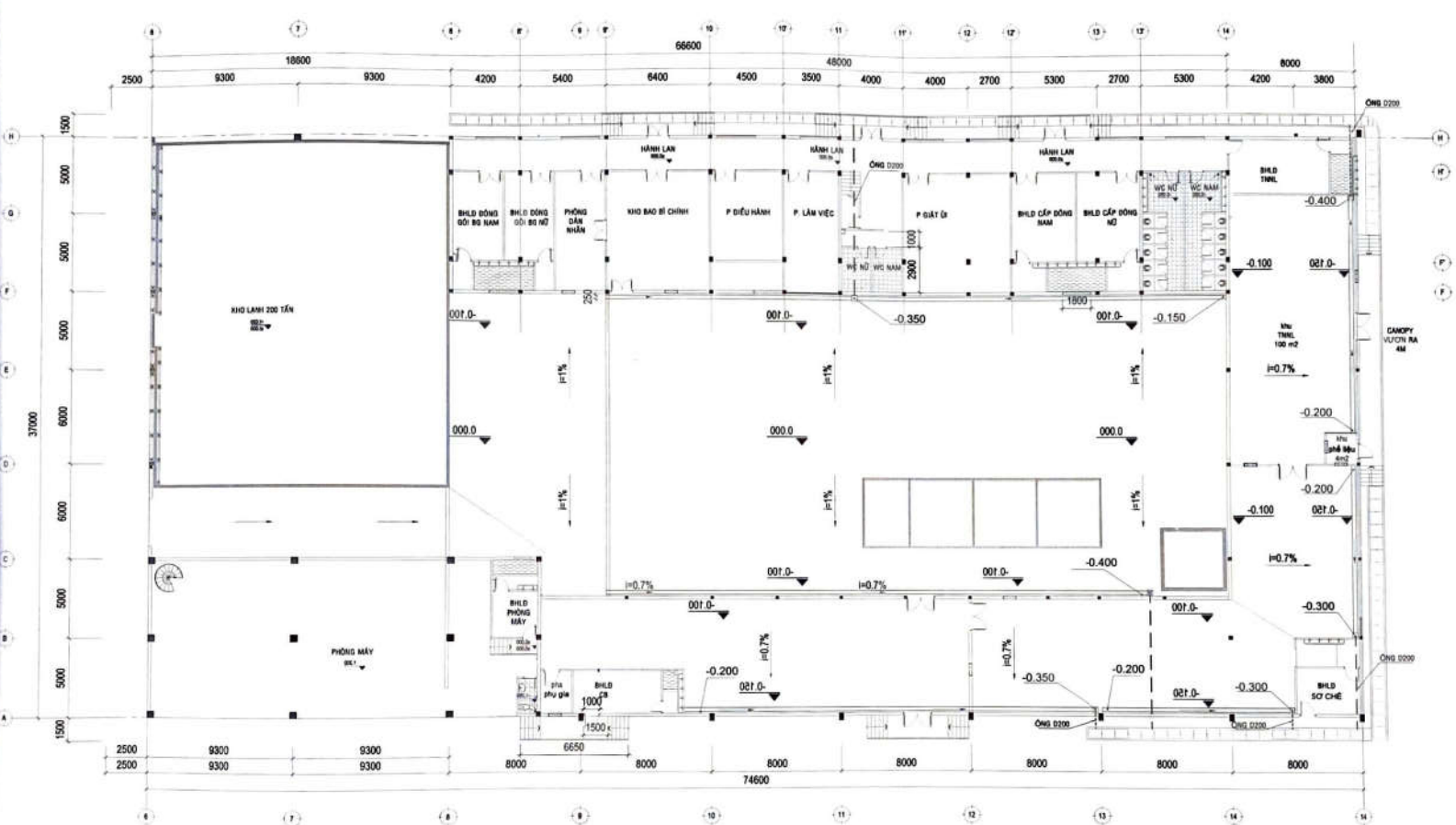
ĐƯỜNG TỈNH 864, NHƯA



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG


PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
Tham Khảo	<input type="checkbox"/> Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	<input type="checkbox"/> Preliminary
Trình Duyệt	<input type="checkbox"/> Your Approval
Thi Công	<input type="checkbox"/> Construction
Hiệu Chính	<input type="checkbox"/> Revised
Hoàn Công	<input type="checkbox"/> As-Built
CHẤP THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	
<p>CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAGP</p> <p>VINAGP CONSULTANT CONTRACTOR</p> <p>Trụ sở: Số 331, Đường Hùng Vương, P. 6 Tp. Tân An, T. Long An E-mail: vinagp68@gmail.com</p>	
Giám đốc - Director	
KS. NGÔ KHÁNH TÂM Chủ trì - Presided by	
Th.s. LÊ TẤN HỮU Thiết kế - Designed by	
Ks. TRẦN THANH TIÊN Kiểm - Checked by	
Th.s LÊ TẤN HỮU Dự Án - Project	
<p>NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN FROZEN FOODS VN</p> <p>CDT: CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VN Địa điểm: H. CHÂU THÀNH, T. TIỀN GIANG</p>	
Hạng Mục - Item	
Tên Bản Vẽ - Drawing Title	
Com. date	.../09/2018
Dwg No.	
Job No.	

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAGP
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VN
 Ngày 09 tháng 09 năm 2018
 Giám đốc: Lê Tấn Hữu
 Chủ trì: Ngô Khánh Tâm
 Thiết kế: Lê Tấn Hữu
 Kiểm: Trần Thanh Tiên

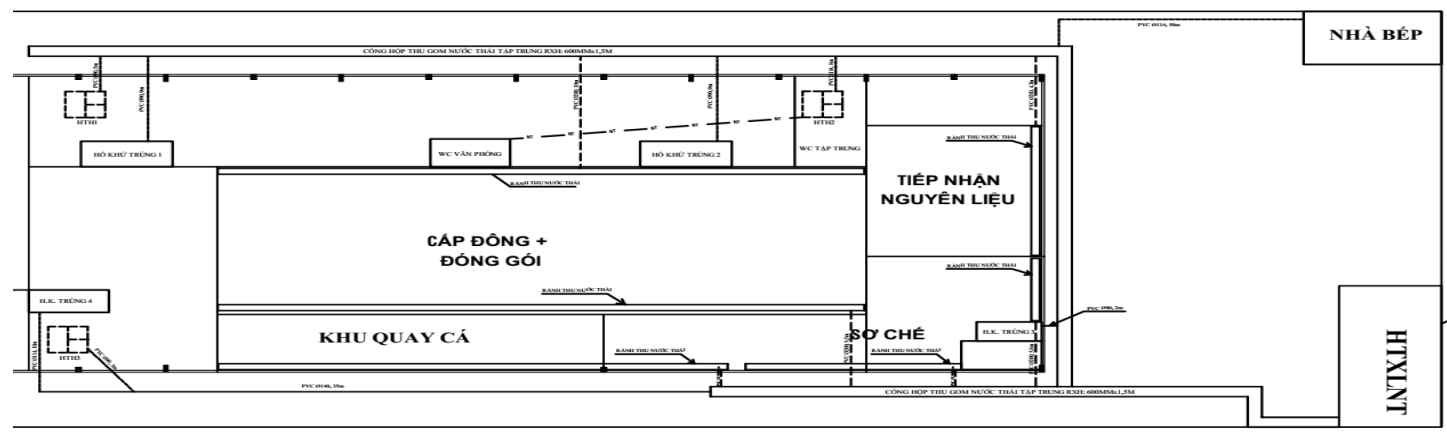
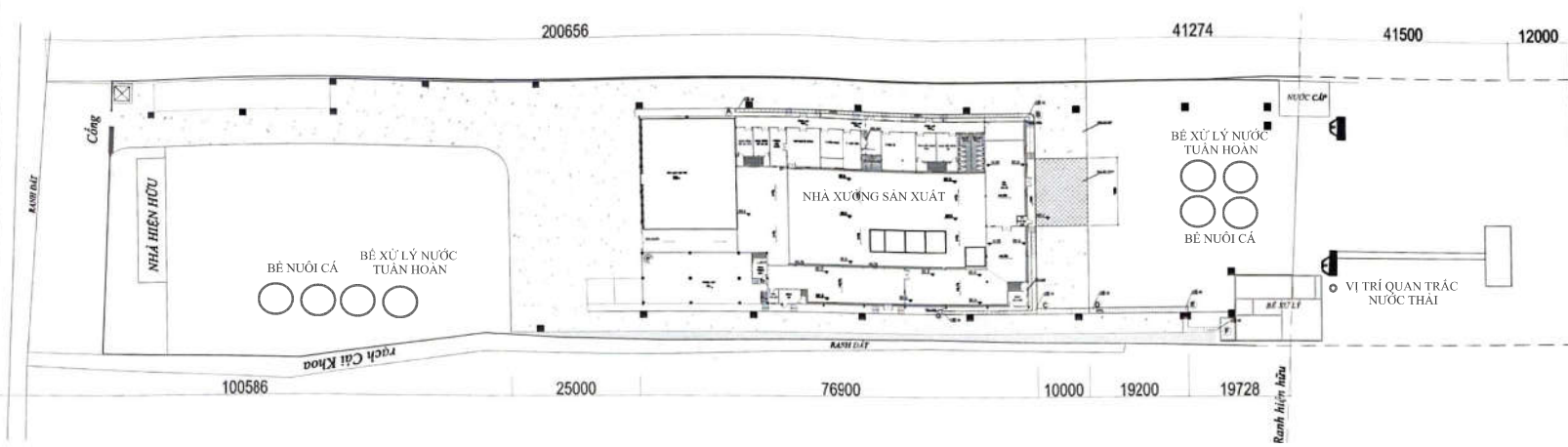


MẶT BẰNG RÃNH THOÁT NƯỚC XƯỞNG TI: 1/100

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAGP
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 15 tháng 9 năm 2011.
 Chức vụ: Trưởng công trình
 Tư vấn giám sát trưởng
 Lê Tiên Đạt Trưởng Công Trình Phan Minh Thuận

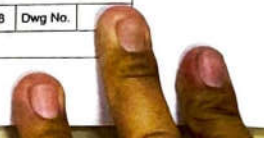
PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
Tham Khảo	<input type="checkbox"/> Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	<input type="checkbox"/> Preliminary
Trình Duyệt	<input type="checkbox"/> Your Approval
Thi Công	<input type="checkbox"/> Construction
Hiệu Chính	<input type="checkbox"/> Revised
Hoàn Công	<input type="checkbox"/> As-Built
CHẤP THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAGP  Trụ sở: Số 331, Đường Hùng Vương, P. 6 Tp. Tân An, T. Long An E-mail: vinagp68@gmail.com	
Giám đốc - Director	KS. NGÔ KHÁNH TÂM Chủ trì - Presided by
Thiết kế - Designed by	Th.s LÊ TÂN HỮU
Kiểm - Checked by	Ks. TRẦN THANH TIẾN
Dự Án - Project	Th.S LÊ TÂN HỮU
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN FROZEN FOODS VN CĐT: CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VN Địa điểm: H. CHÂU THÀNH, T. TIỀN GIANG	
Hạng Mục - Item	SẢN ĐƯỜNG - THOÁT NƯỚC
Tên Bản Vẽ - Drawing Title	MẶT BẰNG
Com, date	.../09/2018 Dwg No.
Job No.	

ĐƯỜNG TỈNH 864, NHƯA

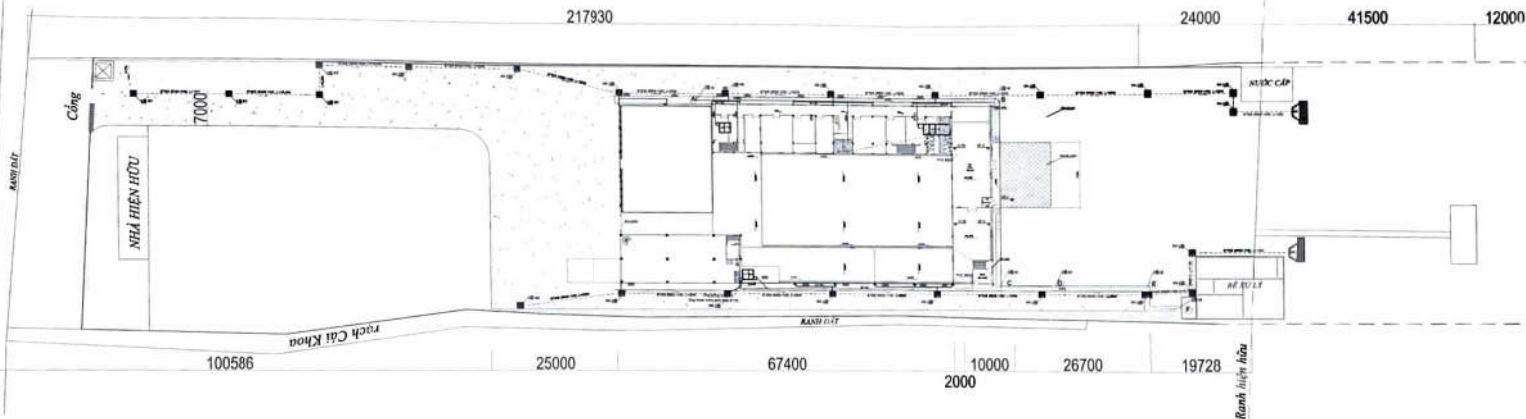


CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAGP
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VN năm 2018
 VINAGP
 Lê Tiên Đại Trương Công Thành Trần Minh Chiến

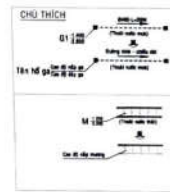
PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
Tham Khảo	<input type="checkbox"/> Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	<input type="checkbox"/> Preliminary
Trình Duyệt	<input type="checkbox"/> Your Approval
Thi Công	<input type="checkbox"/> Construction
Hiệu Chính	<input type="checkbox"/> Revised
Hoàn Công	<input type="checkbox"/> As-Built
CHẤP THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAGP Trụ sở: Số 331, Đường Hùng Vương, P. 6 Tp. Tân An, T. Long An E-mail: vinagp68@gmail.com	
Giám đốc - Director	
K.S. NGÔ KHÁNH TÂM Chủ trì - Presided by	
Th.s. LÊ TÂN HỮU Thiết kế - Designed by	
K.s. TRẦN THANH TIỀN Kiểm tra - Checked by	
Th.s. LÊ TÂN HỮU Dự Án - Project	
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN FROZEN FOODS VN CĐT: CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VN Địa điểm: H. CHÂU THÀNH, T. TIỀN GIANG	
Hạng Mục - Item	
SẢN ĐƯỜNG - THOÁT NƯỚC	
Tên Bản Vẽ - Drawing Title	
MẶT BẰNG	
Com. date	.../09/2018 Dwg No.
Job No.	



ĐƯỜNG TỈNH 864, NHỰA



MẶT BẰNG HT THOÁT NƯỚC MƯA+THẢI Tỉ 1:200



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAGP
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 29 tháng 4 năm 2018.
 Giám sát công trình: Lê Tiên Đạt
 Tư vấn giám sát: Trần Phước Thiện

PHÁT HÀNH ISSUED FOR		
Tham Khảo	<input type="checkbox"/>	Reference
Thiết Kế Sơ Bộ	<input type="checkbox"/>	Preliminary
Trình Duyệt	<input type="checkbox"/>	Your Approval
Thi Công	<input type="checkbox"/>	Construction
Hiệu Chính	<input type="checkbox"/>	Revised
Hoàn Công	<input type="checkbox"/>	As-Built
CHẤP THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINAGP		
		
Trụ sở: Số 331, Đường Hùng Vương, P. 6 Tp. Tân An, T. Long An E-mail: vinagp68@gmail.com		
Giám đốc - Director		
KS. NGÔ KHÁNH TÂM Chủ trì - Presided by		
Th.s. LÊ TÂM HỮU Thiết kế - Designed by		
KS. TRẦN THANH TIẾN Kiểm - Checked by		
Th.S LÊ TÂM HỮU Dự Án - Project		
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN FROZEN FOODS VN CĐT: CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VN Địa điểm: H. CHÂU THÀNH, T. TIỀN GIANG		
Hạng Mục - Item SÀN ĐƯỜNG - THOÁT NƯỚC		
Tên Bản Vẽ - Drawing Title MẶT BẰNG		
Com. date	.../09/2018	Dwg No.
Job No.		



TIEN GIANG BIOTECH
VIMCERTS 180

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Địa chỉ: Quốc lộ 50 - ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
Điện thoại: 0273 3 872 175 Fax: 0273 3 880 708



VILAS 369

Số: 00807/KQPT/2022

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 2010322

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM**

Địa chỉ: **Ấp Tân Thuận B - Xã Bình Đức - Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang**

Ngày nhận mẫu: 18/03/2022

Ngày lấy mẫu: 18/03/2022

Người lấy mẫu: Nguyễn Hữu Nhiều

Ngày xuất kết quả: 28/03/2022

Điều kiện/Vị trí lấy mẫu: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải (X: 1142696; Y: 0559056)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH ^a	-	6,38	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ	°C	29,2	SMEWW 2550B:2017
3	BOD ₅	mg/L	16,0	SMEWW 5210 D:2017
4	COD ^a	mg/L	21,5	SMEWW 5220 C:2017
5	TSS ^a	mg/L	20,0	TCVN 6625:2000
6	Amoni (tính theo N) ^a	mg/L	7,69	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ ^a	mg/L	25,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng Photpho (tính theo P) ^a	mg/L	7,90	TCVN 6202:2008
9	Clo dư	mg/L	KPH (MDL=0,50)	TCVN 6225-3:2011
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (MDL=0,30)	SMEWW 5520 B&F:2017
11	Coliforms	MPN/100mL	1,4 x 10 ³	TCVN 6187-2:1996

Tiền Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Phụ trách phòng thí nghiệm

Trịnh Thị Thắng



Võ Trung Kiên

Chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
Giới hạn phát hiện
Không phát hiện

- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (b) Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện
- (c) Chỉ tiêu chưa được công nhận

Đã này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang.



TIEN GIANG
BIOTECH
VIMCERTS 180

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Địa chỉ: Quốc lộ 50 - ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
Điện thoại: 0273 3 872 175 Fax: 0273 3 880 708



Số: 02011/KQPT/2022

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 3130622

VILAS 369

khách hàng : **CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM**
Địa chỉ : Ấp Tân Thuận B - Xã Bình Đức - Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang
Nước mẫu : Nước thải trước xử lý

Ngày nhận mẫu : 17/06/2022

Ngày lấy mẫu : 17/06/2022

Người lấy mẫu : Ngô Minh Khánh

Ngày xuất kết quả : 28/06/2022

Điểm/Vị trí lấy mẫu: Đầu vào hệ thống xử lý nước thải (X: 1142711; Y: 0559042)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH ^a	-	7,72 (30,0°C)	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅	mg/L	280,0	SMEWW 5210 D:2017
3	COD ^a	mg/L	417,2	SMEWW 5220 C:2017
4	TSS ^a	mg/L	208,0	TCVN 6625:2000
5	Amoni (tính theo N) ^a	mg/L	64,4	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nitơ ^a	mg/L	112,0	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P) ^a	mg/L	43,3	TCVN 6202:2008
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	9,10	SMEWW 5520 B&F:2017
9	Clo dư	mg/L	KPH (MDL= 0,50)	TCVN 6225-3:2011
10	Coliforms	MPN/100mL	2,2 x 10 ⁵	TCVN 6187-2:1996

Tiền Giang, ngày 28 tháng 06 năm 2022

Phụ trách phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Thị Thắng



Võ Trung Hiếu

Giá trị chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

A: Giới hạn phát hiện

T: Không phát hiện

Giá trị này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang.

- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025

- (P) Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

- (C) Chỉ tiêu chưa được công nhận



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Địa chỉ: Quốc lộ 50 - ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
Điện thoại: 0273 3 872 175 Fax: 0273 3 880 708



Số: 03281/KQPT/2022

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 3010922

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM**

Địa chỉ : Ấp Tân Thuận B - Xã Bình Đức - Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang

Tên mẫu : Nước thải sau xử lý

Ngày nhận mẫu : 26/09/2022

Ngày lấy mẫu : 26/09/2022

Người lấy mẫu : Ngô Minh Khánh

Ngày xuất kết quả : 07/10/2022

Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải (X: 1142696; Y: 0559056)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH ^a	-	7,45	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ	°C	28,8	SMEWW 2550B:2017
3	BOD ₅	mg/L	13,0	SMEWW 5210 D:2017
4	COD ^a	mg/L	19,1	SMEWW 5220 C:2017
5	TSS ^a	mg/L	8,0	TCVN 6625:2000
6	Amoni (tính theo N) ^a	mg/L	0,64	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nito ^a	mg/L	25,3	TCVN 6638:2000
8	Tổng Photpho (tính theo P) ^a	mg/L	5,69	TCVN 6202:2008
9	Clo dư	mg/L	0,53	TCVN 6225-3:2011
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (MDL= 0,30)	SMEWW 5520 B&F:2017
11	Coliforms	MPN/100mL	1,4 x 10 ²	TCVN 6187-2:1996

Tiền Giang, ngày 07 tháng 10 năm 2022

Phụ trách phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiệp

Nguyễn Văn Hiệp



Võ Trung Kiên

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
MĐL: Chưa ban phát hiện
CPI: Không phát hiện

(*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
(b) Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện
(c) Chỉ tiêu chưa được công nhận

Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang.

TKT.03.04

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 20/11/2020

1/1



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Địa chỉ: Quốc lộ 50 - ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
Điện thoại: 0273 3 872 175 Fax: 0273 3 880 708



VIMCERTS 180

Số: 01089/KQPT/2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 4550323

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận B - Xã Bình Đức - Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang

Loại mẫu: Nước thải sau xử lý

Ngày nhận mẫu: 23/03/2023

Ngày lấy mẫu: 23/03/2023

Người lấy mẫu: Ngô Minh Khánh

Ngày xuất kết quả: 03/04/2023

Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải (X: 1142696; Y: 0559056)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH ^a	-	6,11	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ	°C	28,7	SMEWW 2550B:2017
3	BOD ₅	mg/L	22,0	SMEWW 5210 D:2017
4	COD ^a	mg/L	39,5	SMEWW 5220 C:2017
5	TSS ^a	mg/L	32,0	TCVN 6625:2000
6	Amoni (tính theo N) ^a	mg/L	1,22	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ ^a	mg/L	19,6	TCVN 6638:2000
8	Tổng Photpho (tính theo P) ^a	mg/L	5,93	TCVN 6202:2008
9	Clo dư	mg/L	KPH (MDL= 0,50)	TCVN 6225-3:2011
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (MDL= 0,30)	SMEWW 5520 B&F:2017
11	Coliforms	MPN/100mL	2,2 x 10 ³	TCVN 6187-2:1996

Phụ trách phòng thí nghiệm

Tiền Giang, ngày 03 tháng 04 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Thị Thắng



Võ Trung Kiên

Giới hạn định lượng
LOD: Giới hạn phát hiện
Không phát hiện

- (*) Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (P) Chi tiêu nhà thầu phụ thực hiện
- (b) Chi tiêu chưa được chỉ định

Giá trị có giá trị trên mẫu phân tích.
Bản này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiên Giang.



Số: 03046/KQPT/2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 2480923

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM**
 Địa chỉ : Ấp Tân Thuận B - Xã Bình Đức - Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang
 Tên mẫu : Nước thải sau xử lý
 Ngày nhận mẫu : 19/09/2023 Ngày lấy mẫu : 19/09/2023
 Người lấy mẫu : Nguyễn Hữu Nhiều Ngày xuất kết quả : 29/09/2023
 Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải (X: 1142696; Y: 0559056)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH ^a	-	7,38	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ	°C	29,4	SMEWW 2550B:2017
3	BOD ₅	mg/L	21,0	SMEWW 5210 D:2017
4	COD ^a	mg/L	33,0	SMEWW 5220 C:2017
5	TSS ^a	mg/L	25,0	TCVN 6625:2000
6	Amoni (tính theo N) ^a	mg/L	0,57	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ ^a	mg/L	20,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng Photpho (tính theo P) ^a	mg/L	8,04	TCVN 6202:2008
9	Clo dư	mg/L	KPH (MDL= 0,50)	TCVN 6225-3:2011
10	Đầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (MDL= 0,30)	SMEWW 5520 B&F:2017
11	Coliforms	MPN/100mL	2,2 x 10 ³	TCVN 6187-2:1996

Tiền Giang, ngày 29 tháng 09 năm 2023

Phụ trách phòng thí nghiệm

Trịnh Thị Thăng

**GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Trung Hiếu

- LOQ: Giới hạn định lượng
 - MDL/LOD: Giới hạn phát hiện
 - KPH: Không phát hiện
 - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
 - Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang.

- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
 - (b) Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện
 - (c) Chỉ tiêu chưa được chỉ định



VIMCERTS 180

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Địa chỉ: Quốc lộ 50 - ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
Điện thoại: 0273 3 872 175 Fax: 0273 3 880 708



Số: 02070/KQPT/2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 2110623

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM**

Địa chỉ : **Áp Tân Thuận B - Xã Bình Đức - Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang**

Tên mẫu : **Nước thải sau xử lý**

Ngày nhận mẫu : **14/06/2023**

Ngày lấy mẫu : **14/06/2023**

Người lấy mẫu : **Nguyễn Hữu Nhiều**

Ngày xuất kết quả : **26/06/2023**

Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: **Đầu ra hệ thống xử lý nước thải (X: 1142696; Y: 0559056)**

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH ^a	-	7,53	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ	°C	29,3	SMEWW 2550B:2017
3	BOD ₅	mg/L	27,0	SMEWW 5210 D:2017
4	COD ^a	mg/L	42,1	SMEWW 5220 C:2017
5	TSS ^a	mg/L	36,0	TCVN 6625:2000
6	Amoni (tính theo N) ^a	mg/L	0,79	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nito ^a	mg/L	25,5	TCVN 6638:2000
8	Tổng Photpho (tính theo P) ^a	mg/L	8,80	TCVN 6202:2008
9	Clo dư	mg/L	KPH(MDL= 0,50)	TCVN 6225-3:2011
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH(MDL= 0,30)	SMEWW 5520 B&F:2017
11	Coliforms	MPN/100mL	4,6 x 10 ²	TCVN 6187-2:1996

Tiền Giang, ngày 26 tháng 06 năm 2023

Phụ trách phòng thí nghiệm

(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Hiệp



(Handwritten signature)

• LOQ: Giới hạn định lượng

• MDL/LOD: Giới hạn phát hiện

• KPH: Không phát hiện

• Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

• Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang.

• (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025

• (P) Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

• (C) Chỉ tiêu chưa được chỉ định



Số: 04908/KQPT/2022

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 1821222

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM**
 Địa chỉ : Ấp Tân Thuận B - Xã Bình Đức - Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang
 Mẫu : Nước thải sau xử lý
 Ngày nhận mẫu : 13/12/2022 Ngày lấy mẫu : 13/12/2022
 Người lấy mẫu : Nguyễn Hữu Nhiều Ngày xuất kết quả : 23/12/2022
 Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải (X: 1142696; Y: 0559056)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH ^a	-	7,76	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ	°C	30,5	SMEWW 2550B:2017
3	BOD ₅	mg/L	20,0	SMEWW 5210 D:2017
4	COD ^a	mg/L	27,9	SMEWW 5220 C:2017
5	TSS ^a	mg/L	17,0	TCVN 6625:2000
6	Amoni (tính theo N) ^a	mg/L	0,92	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nito ^a	mg/L	25,6	TCVN 6638:2000
8	Tổng Photpho (tính theo P) ^a	mg/L	8,31	TCVN 6202:2008
9	Clo dư	mg/L	KPH (MDL= 0,50)	TCVN 6225-3:2011
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (MDL= 0,30)	SMEWW 5520 B&F:2017
11	Coliforms	MPN/100mL	4,9 x 10 ²	TCVN 6187-2:1996

Tiền Giang, ngày 23 tháng 12 năm 2022

Phụ trách phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC

Trịnh Thị Thắng



Nguyễn Đoàn Chánh Trực

(*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
 (b) Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện
 (c) Chỉ tiêu chưa được chỉ định
 (*) Chỉ tiêu chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
 Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang.
 Ngày ban hành: 20/11/2020



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Địa chỉ: Quốc lộ 50 - ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang
Điện thoại: 0273 3 872 175 Fax: 0273 3 880 708



Số: 04292/KQPT/2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 3031223

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM**

Địa chỉ : Ấp Tân Thuận B - Xã Bình Đức - Huyện Châu Thành - Tỉnh Tiền Giang

Tên mẫu : Nước thải sau xử lý

Ngày nhận mẫu : 22/12/2023

Ngày lấy mẫu : 22/12/2023

Người lấy mẫu : -

Ngày xuất kết quả : 29/12/2023

Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải (X: 1142696; Y: 0559056)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	Nhiệt độ ^β	-	28,6	SMEWW 2550B:2017
2	pH ^β	°C	7,82	TCVN 6492:2011
3	TSS ^β	mg/L	23	TCVN 6625:2000
4	BOD ₅ ^β	mg/L	11	TCVN 6001-1:2008
5	COD ^β	mg/L	29	SMEWW 5220C:2017
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^β	mg/L	4,3	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&C:2017
7	Clo dư ^β	mg/L	KPH (MDL= 0,3)	SMEWW 4500-Cl.B:2017
8	Tổng Nito ^β	mg/L	16,2	TCVN 6638:2000
9	Tổng Photpho ^β	mg/L	3,17	SMEWW 4500-P,B&E:2017
10	Dầu mỡ động thực vật ^β	mg/L	KPH (MDL= 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
11	Coliforms ^β	MPN/100mL	1.500	SMEWW 9221B:2017

Tiền Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Phụ trách phòng thí nghiệm

Trịnh Thị Thắng



Võ Trung Hiếu

- LOQ: Giới hạn định lượng
- MDL/LOD: Giới hạn phát hiện
- KPH: Không phát hiện

- (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (β) : Chỉ tiêu nhà thầu thực hiện được công nhận VIMCERTS 117
- (⊘) : Chỉ tiêu chưa được chỉ định

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1007/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 17 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm họp vào ngày 27 tháng 12 năm 2018 tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản giải trình số 01/ĐTM_2018 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang tại Tờ trình số 1836/TTr-STNMT ngày 12 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm (sau đây gọi là dự án), được lập bởi Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Địa điểm, công suất của dự án:

a) Địa điểm thực hiện dự án: tại ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, Tiền Giang; tổng diện tích đất của dự án là 14.372,1 m².

b) Công suất sản xuất: 4.900 tấn sản phẩm/năm.

(Kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án)

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

a) Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường. Các hệ thống, công trình xử lý môi trường đủ công suất, bảo đảm vận hành liên tục, hiệu quả khi dự án đi vào hoạt động. Đối với nước thải sản xuất, phải xử lý đạt cột A theo QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là sông Tiên.

b) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

c) Xây dựng phương án và trang bị đầy đủ phương tiện kỹ thuật để ứng cứu kịp thời, hiệu quả các sự cố điện, hỏa hoạn, tai nạn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, sự cố của các hệ thống xử lý chất thải và các sự cố môi trường khác xảy ra trong quá trình thi công và hoạt động dự án.

3. Các điều kiện kèm theo:

Thực hiện đầy đủ chương trình quản lý và giám sát môi trường theo quy định. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật, lưu giữ tại cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết; đồng thời, có báo cáo bằng văn bản về công tác bảo vệ môi trường kèm theo kết quả giám sát môi trường đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành và Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam căn cứ Quyết định thi hành. /*phl*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VPUB: PVP Nguyễn Hữu Đức,
Các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

8

KT. CHỦ TỊCH *phl*
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 194/GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 07 tháng 6 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ký ngày 27 tháng 3 năm 2019 và hồ sơ kèm theo có văn bản giải trình số 59/CV-XATHAI ký ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính số 01, Đặng Văn Sâm, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho Nhà máy chế biến thủy sản của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, địa chỉ ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2408/TTr-STNMT ngày 29 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính số 01, Đặng Văn Sâm, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh được phép xả nước thải của Nhà máy chế biến thủy sản của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, địa chỉ ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: sông Tiền.
2. Vị trí nơi xả nước thải: ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Tọa độ xả nước thải (VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 6°): $X_{(m)} = 1142540$; $Y_{(m)} = 559051$.
3. Phương thức xả thải: tự chảy theo đường ống nhựa PVC Ø 60mm, dài 5m, đầu vào đường ống nhựa PVC Ø 140mm, dài 10m thoát ra sông Tiền.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục.

5. Lưu lượng xả nước thải: 300 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Thông số và giá trị nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải được phép xả vào nguồn nước không vượt quá giá trị tối đa cho phép (C_{max}); giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_r$, với $K_q = 1,1$, $K_r = 1,1$, giá trị C được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

Số T T	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị C_{max}
			QCVN 11- MT:2015/BTNMT, cột A, $K_q=1,1$, $K_r=1,1$
1	pH	-	6 - 9
2	BOD ₅ ở 20 °C	mg/l	36,3
3	COD	mg/l	90,75
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60,5
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	12,1
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	36,3
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	12,1
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	12,1
9	Clo dư	mg/l	1,21
10	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/ 100 ml	3.000

7. Thời hạn giấy phép: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải, chất lượng nước nguồn tiếp nhận, cụ thể như sau:

a) Vị trí quan trắc:

- Vị trí quan trắc chất lượng nước thải trước xử lý: tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý: tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận: tại vị trí xả nước thải trên sông Tiên.

b) Thông số và tần suất quan trắc:

- Nước thải trước xử lý:

+ Thông số quan trắc: pH; BOD₅ (20⁰C); COD; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho (tính theo P); Tổng dầu, mỡ động thực vật; Clo dư; Coliform:.

+ Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Nước thải sau xử lý:

+ Thông số quan trắc: lưu lượng; pH; BOD₅ (20⁰C); COD; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho (tính theo P); Tổng dầu, mỡ động thực vật; Clo dư; Coliform.

+ Tần suất quan trắc lưu lượng: 24 giờ/lần.

+ Tần suất quan trắc chất lượng: 03 tháng/lần.

- Nước nguồn tiếp nhận (Quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT):

+ Thông số quan trắc: pH; Ôxy hòa tan (DO); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); COD; BOD₅ (20⁰C); Amoni (NH₄⁺) (tính theo N); Nitrit (NO₂⁻) (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Chất hoạt động bề mặt; Tổng dầu, mỡ (oils & grease); Coliform.

+ Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

3. Tổng hợp báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo, với nội dung, yêu cầu của báo cáo theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước.

4. Vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải đúng theo quy trình thiết kế, đảm bảo chất lượng nước thải đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột A, K_q=1,1, K_r=1,1 khi xả ra nguồn tiếp nhận và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng tại địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

6. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi tình hình sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải, chất lượng nước nguồn tiếp nhận của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Giấy phép này.

Điều 5. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. */Nll*

Nơi nhận:

- PCT Phạm Anh Tuấn;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH CK Frozen Foods VN;
- VP: CVP, các PCVP,
Các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyễn. *lưu*

3

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép số 555/GP-UBND ngày 11/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp phép thăm dò nước dưới đất cho Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam;

Xét đơn đề nghị của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam ngày 24/9/2020 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4688/TTr-STNMT ngày 15/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam; địa chỉ trụ sở chính tại số 01 đường Đặng Văn Sâm, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Mục đích khai thác, sử dụng nước: để làm nguồn cấp nước phục vụ cho hoạt động sản xuất chế biến thủy sản tại Công ty (không cấp cho mục đích sinh hoạt và mục đích khác).

- Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: đặt trên thửa đất của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, tọa lạc ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Tầng chứa nước khai thác: ở tầng Pliocen giữa (n_2^2).

- Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.

- Tổng lượng nước khai thác: 277 m³/ngày đêm.

- Thời hạn của giấy phép: 05 năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105 ^o 45', múi chiều 6 ^o)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
GK1	1142936	559036	277	12	280	300	20,7	29,7	n ₂ ²

Điều 2. Yêu cầu đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam:

- Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;
- Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;
- Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;
- Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình khai thác công trình trên;
- Tổng hợp báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng nước, các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác và các kết quả quan trắc theo quy định hiện hành và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra hoạt động khai thác, sử dụng nước của đơn vị.

Điều 3. Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / *nh*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện Châu Thành;
- VP.ĐDBQH-HĐND-UBND: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, P.KTTC (Lam). *lam*



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Dũng

UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2588 /GXN-STNMT

Tiền Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2019

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án: Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm
của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính: 01 Đặng Văn Sâm, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ của dự án: Ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Điện thoại: 028.62701236/028.62911658 Fax: 08.62911729
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312059802 (đăng ký lần đầu ngày 21/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/7/2018), nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) số 1007/QĐ-UBND ngày 17/4/2018.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án Nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. /

Nơi nhận:

- Như mục I;
- BGĐ Sở TN&MT;
- Phòng TN&MT huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, QLMT(Liêm)





PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 25.98.../GXN-STNMT ngày 06 tháng 6..... năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

1. Công trình xử lý nước thải:

- Công ty có hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom và xử lý nước thải.
- Công ty đã xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải, Công suất 300 m³/ngày.đêm. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo báo cáo ĐTM được phê duyệt gồm các công đoạn chính như: Nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất) → hệ thống thu gom → Hồ thu gom → thiết bị tuyến nổi → Bể điều lưu → Bể sinh học kỵ khí → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Cột lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận (sông Tiền).

2. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn thông thường và nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chuyên Cơ sở thu gom, vận chuyển rác Thành Tài thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.
- Chất thải nguy hại (CTNH): Có bố trí khu vực chứa CTNH, diện tích 6 m² và có hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc.

3. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số ..25.98.../GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và môi trường cấp lần 01 ngày ...06..... tháng 6 năm 2019”.

4. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.



Số: 611 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 21 / 8 / 2017 của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam;

Người đại diện là Ông/Bà: Phạm Lê Nguyễn Hào Chức danh: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Nhà máy chế biến thủy sản CK Frozen Foods Việt Nam;

Địa điểm xây dựng: Ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam;

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH TM LD TB PCCC Phúc Thiện;

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:
Bậc chịu lửa, lối đường thoát nạn, khoảng cách an toàn PCCC, hệ thống chống sét, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong nhà, phương tiện chữa cháy xách tay

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH, Tiên Giang ngày 23 tháng 8 năm 2017
TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

Chức danh thực: 007963 SCT/BS

Quyển số:
Lưu: Đợt 2
Ngày:

01-09-2017
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 4



Thượng tá Lê Tấn Cường

Trần Đỗ Quyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PCI1

Ban hành kèm theo

Thông tư số

56/2014/TT-BCA

PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY CỦA CƠ SỞ

(Lưu hành nội bộ)

Tên cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CK FROZEN
FOODS VIỆT NAM.

Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh
Tiền Giang.

Điện thoại: 0852701236 .

Cơ quan quản lý trực tiếp: CÔNG TY TNHH CK FROZEN
FOODS VIỆT NAM.

Năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC11

Ban hành kèm theo

Thông tư số

66/2014/TT-BCA

PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY CỦA CƠ SỞ

(Lưu hành nội bộ)

**Tên cơ sở: CHI NHÀNH CÔNG TY TNHH CK FROZEN
FOODS VIỆT NAM.**

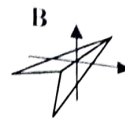
**Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh
Tiền Giang.**

Điện thoại: 0862701236 .

**Cơ quan quản lý trực tiếp: CÔNG TY TNHH CK FROZEN
FOODS VIỆT NAM.**

Năm 2019

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CƠ SỞ



Tỉnh lộ 864

Cổng vào

KHO ĐÔNG LẠNH

PHÒNG
MÁY

KHO XĂNG DẦU THUẬN TIÊN

KHU HÀNH
CHÍNH - VĂN
PHÒNG

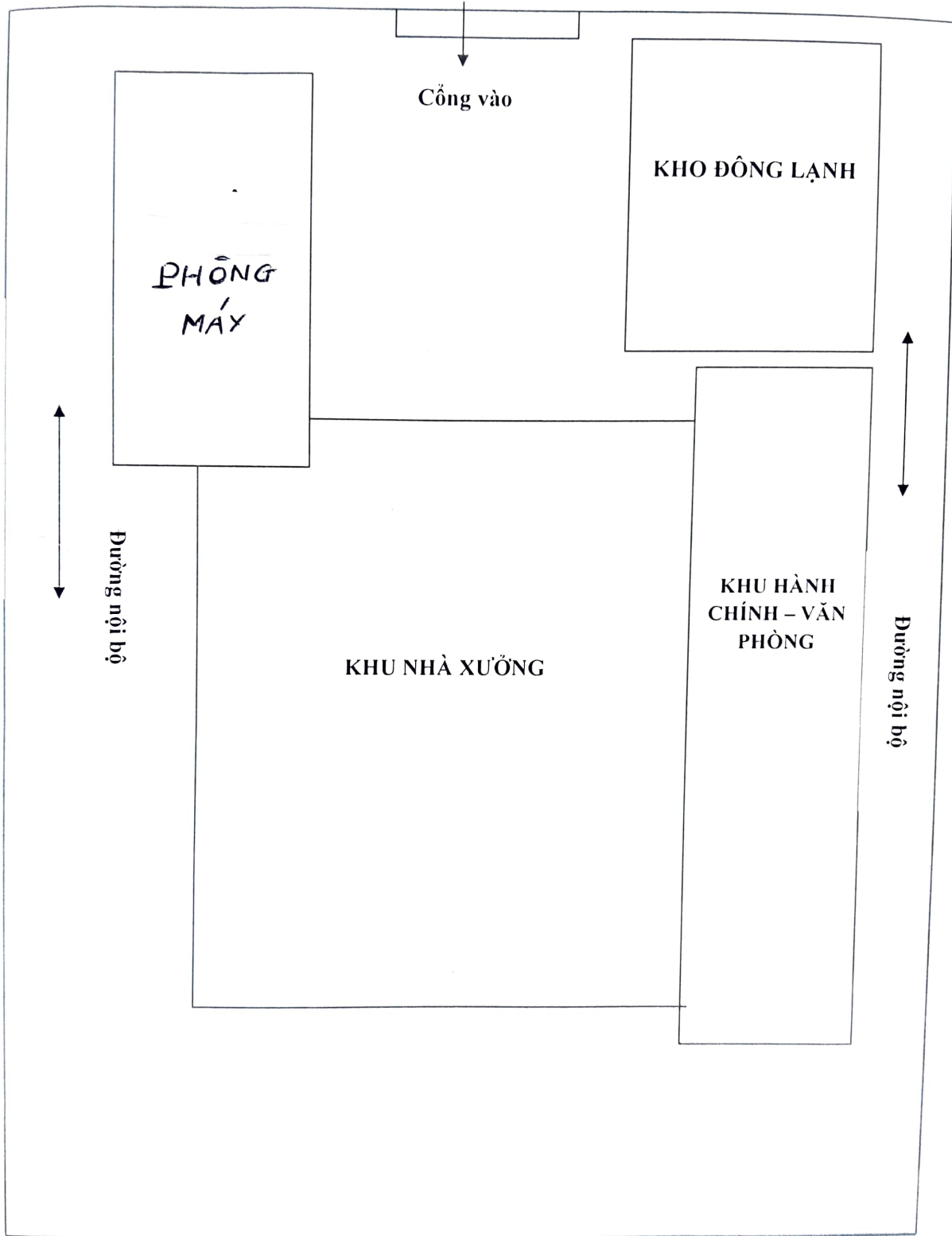
KHU NHÀ XƯỞNG

Đường nội bộ

Đường nội bộ

ĐẤT VƯỜN

SÔNG TIỀN



A. ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC CHỮA CHÁY

I. Vị trí địa lý:

- Chi nhánh Công ty TNHH CK FROZEN FOODS Việt Nam tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nằm về hướng Tây, cách Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và Cứu Nạn Cứu Hộ Công an tỉnh Tiền Giang khoảng 15km. Cơ sở nằm trên trục đường chính là đường tỉnh lộ 864

- Các hướng tiếp giáp:

+ Phía Đông giáp: Kho xăng dầu Thuận Tiên.

+ Phía Tây giáp : Nhà dân, đất vườn.

+ Phía Nam giáp : Sông tiền.

+ Phía Bắc giáp : Đường tỉnh lộ 864

II. Đặc điểm giao thông:

1. Giao thông bên trong cơ sở:

- Chi nhánh Công ty TNHH CK FROZEN FOODS có 01 cổng ra vào rộng khoảng 8m, chiều cao 4m hướng ra đường tỉnh 864; mặt đường bằng phẳng được trải bằng nhựa, bằng phẳng đảm bảo khả năng tiếp cận của xe chữa cháy.

- Các lối đi nội bộ rộng từ 2m - 4m. Khi có sự cố cháy nổ xảy ra bên trong cơ sở thì việc di chuyển từ bên trong ra các khu vực bên ngoài thuận lợi. Lực lượng và phương tiện của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp có thể tiếp cận cơ sở từ hướng đường tỉnh lộ 864

2. Giao thông bên ngoài cơ sở:

* Tuyến đường giao thông từ cơ sở đến Phòng CS.PCCC và CNCH gồm các tuyến đường chính như sau:

- Cơ sở nằm tiếp giáp với đường tỉnh lộ 864 rộng khoảng 6m, mặt đường bằng phẳng, mặt đường trải nhựa thuận lợi cho xe chữa cháy di chuyển và hoạt động tốt trong mọi điều kiện thời tiết. Tuy nhiên vào các giờ cao điểm giao thông sáng từ 06 giờ 00 phút đến 08 giờ 00 phút, chiều từ 16 giờ 00 phút đến 19 giờ 00 phút và vào các ngày lễ, tết mật độ xe lưu thông trên đoạn đường Lê Thị Hồng Gấm và đường tỉnh lộ rất đông, ảnh hưởng đến khả năng hoạt động và thời gian trên đường đến đám cháy của xe chữa cháy.

+ Tuyến có khoảng cách 15km:

- Đường dẫn từ Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang đến Chi nhánh Công ty TNHH CK FROZEN FOODS: Từ Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang – Quốc lộ 50 – Đường Đinh Bộ Lĩnh – Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa – Đường Lê Thị Hồng Gấm – Đường tỉnh lộ 864 và di chuyển đến cơ sở.

- Đường dẫn từ Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang đến Chi nhánh Công ty TNHH CK FROZEN FOODS: Từ Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Tiền Giang – Quốc lộ 50 – Quốc lộ 1A – Đường ấp Bắc – Đường Nguyễn Thị Thập – Đường Lê Thị Hồng Gấm – Đường tỉnh lộ 864 và di chuyển đến cơ sở.

III. Nguồn nước chữa cháy:

TT	Nguồn nước	Trữ lượng (m ³) hoặc lưu lượng (l/s)	Vị trí, khoảng cách nguồn nước	Những điểm cần lưu ý
I	Bên trong:			
1	Hồ nước	50m ³	Bên trong cơ sở	Xe, máy bơm chữa cháy không lấy nước được
II	Bên ngoài:			
	Trụ nước chữa cháy	16 l/s	Hướng về Khu Công nghiệp Mỹ Tho	Xe và máy bơm lấy nước tốt.
	Sông	Vô tận	Sông Tiền	Xe và máy bơm lấy nước tốt.

IV. Tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc:

1. Tính chất hoạt động:

- Chi nhánh Công ty TNHH CK FROZEN FOODS hoạt động chủ yếu là chế biến thủy sản. Thời gian hoạt động từ 07 h00 đến 17h00 từ thứ 2 đến thứ 6.

2. Đặc điểm kiến trúc xây dựng:

* Chi nhánh Công ty TNHH CK FROZEN FOODS có diện tích mặt bằng khoảng 2000m², được phân chia thành các khu vực như sau:

- Khu hành chính văn phòng.
- 02 kho đông lạnh.
- Khu nhà xưởng chế biến thủy sản.
- Còn lại là các đường nội bộ và lối đi bên trong cơ sở.

* Kết cấu xây dựng: Chi nhánh Công ty TNHH CK FROZEN FOODS được xây dựng bằng kết cấu bê tông, cốt thép, mái lợp tole, nền được lát gạch.

3. Tính chất nguy hiểm cháy, nổ, độc:

- **Chất cháy:** chủ yếu là bao bì, nguyên liệu sản xuất và chế biến thủy sản, bàn ghế, xe máy, hồ sơ giấy tờ, thiết bị tiêu thụ điện, vật dụng sinh hoạt, đặc biệt là các máy móc chế biến thủy sản....Khi xảy ra cháy, vận tốc đám cháy phát triển nhanh, nhiệt độ

cao tỏa ra nhiều khói, khí độc từ sản phẩm chất cháy bao phủ tầm nhìn của con người trong đám cháy gây khó khăn rất nhiều cho công tác chữa cháy và cứu nạn – cứu hộ.

- Ngoài ra nhiệt độ của đám cháy cao còn có khả năng nhanh chóng làm sập đổ các kết cấu làm bằng vật liệu dễ cháy gây khó khăn cho công tác thoát nạn cứu người - cứu tài sản đến nơi an toàn và tổ chức chữa cháy và cứu nạn – cứu hộ.

- Khi xảy ra cháy do lượng chất cháy phân bố đều tại các khu vực của cơ sở nên khả năng cháy lan rất lớn, đám cháy có khả năng cháy lan từ khu vực này sang khu vực khác, theo dây dẫn điện, các chất dễ cháy, bức xạ nhiệt và do ngọn lửa trần. Khả năng đám cháy bao trùm cả cơ sở nếu không tổ chức cứu chữa kịp thời.

- Đám cháy có khả năng cháy lan sang các khu vực nhà dân lân cận nếu không có biện pháp bảo vệ, chống cháy lan phù hợp.

- Trong thời gian hoạt động số lượng người làm việc có thể tới 100 người nên khi có cháy xảy ra gây hiện tượng chen lấn, xô đẩy lẫn nhau, dẫm đạp lên nhau gây thương tích và cản trở dòng người thoát nạn, việc định hướng mọi người thoát nạn gặp khó khăn.

- **Nguồn nhiệt gây cháy:** Nguồn nhiệt chủ yếu phát sinh từ các sự cố điện như bất cẩn khi sử dụng nguồn lửa trần, ngắn mạch, điện trở tiếp xúc lớn, xe mô tô các loại tự phát sinh cháy hoặc do khả năng phá hoại.

- Khả năng cháy lan:

+ Do bên trong cơ sở tập trung một trữ lượng lớn các chất dễ cháy nên khi xảy ra cháy thì khả năng lan truyền cháy cao nếu như không tổ chức chữa cháy kịp thời.

+ Lượng cán bộ, nhân viên bên trong cơ sở tập trung với số lượng lớn (khoảng 100 người) nên khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra sẽ có hiện tượng hoảng loạn, chen lấn, xô đẩy gây khó khăn cho công tác triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy.

V. Tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ:

1. Tổ chức lực lượng:

- Đội PCCC cơ sở gồm: 15 đội viên.

- Đội PCCC cơ sở do ông : Trần Phước Thiện làm đội trưởng.

2. Lực lượng thường trực chữa cháy:

- Trong giờ làm việc: 15 đội viên.

- Ngoài giờ làm việc: 02 đội viên.

VI. Phương tiện chữa cháy của cơ sở:

- 04 bộ nội quy, tiêu lệnh PCCC,

- Máy bơm chữa cháy.

- 24 bình chữa cháy xách tay các loại.

- Cơ sở có hệ thống cung cấp nước chữa cháy, có hệ thống họng chữa cháy vách tường.

Các phương tiện chữa cháy của cơ sở đều hoạt động tốt.

B. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY

1. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất:

1. Giả định tình huống cháy phức tạp nhất:

a. Vị trí phát sinh cháy: Cháy tại nhà xưởng Chất cháy chủ yếu là: bao bì dễ cháy, nguyên liệu chế biến, máy móc, thiết bị sản xuất, bàn ghế nhựa, thiết bị tiêu thụ điện....

b. Nguyên nhân: Do vi phạm quy định PCCC để xảy ra chập điện gây cháy.

c. Thời điểm cháy: Vào khoảng 10 giờ 00 ngày X tháng Y năm Z.

d. Hướng phát triển của đám cháy: Hướng phát triển của đám cháy lan ra diện rộng và lan sang các khu vực lân cận. Do lượng chất cháy phân bố đều tại các khu vực của cơ sở nên khả năng cháy lan rất lớn, đám cháy có khả năng cháy lan từ khu vực này sang khu vực khác, theo dây dẫn điện, theo các vật dụng dễ cháy, theo bức xạ nhiệt và do ngọn lửa trần. Khả năng đám cháy bao trùm cả cơ sở và lan sang các nhà lân cận nếu không chữa cháy kịp thời.

2. Tổ chức triển khai chữa cháy:

- Đội Phòng cháy và chữa cháy cơ sở gồm 15 đội viên và huy động thêm 10 người là các cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở tham gia chữa cháy.

- Chỉ huy chữa cháy: Trần Phước Thiện

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của chỉ huy chữa cháy phân thành các tổ như sau:

a. Tổ thông tin liên lạc: Khi phát hiện có cháy, phải nhanh chóng cúp điện và báo động cho toàn bộ mọi người trong cơ sở biết qua các phương tiện sẵn có (như kèng, chuông, còi hay tri hô "*cháy! Cháy! Cháy!*"), báo cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy theo số điện thoại "114" đến chi viện kịp thời. Đồng thời sử dụng loa phát thanh thông báo cho mọi người trong khu vực cháy phải thật bình tĩnh theo sự hướng dẫn để thoát ra khu vực an toàn.

b. Tổ hướng dẫn thoát nạn và cứu nạn: Tổ chức hướng dẫn mọi người thoát nạn theo các lối thoát nạn ra khu vực an toàn trước cơ sở, ra ngoài khu vực cháy. Sau phối hợp với bộ phận y tế của Xã làm công tác sơ cấp cứu ban đầu và chuyển nạn nhân đến bệnh viện gần nhất để điều trị.

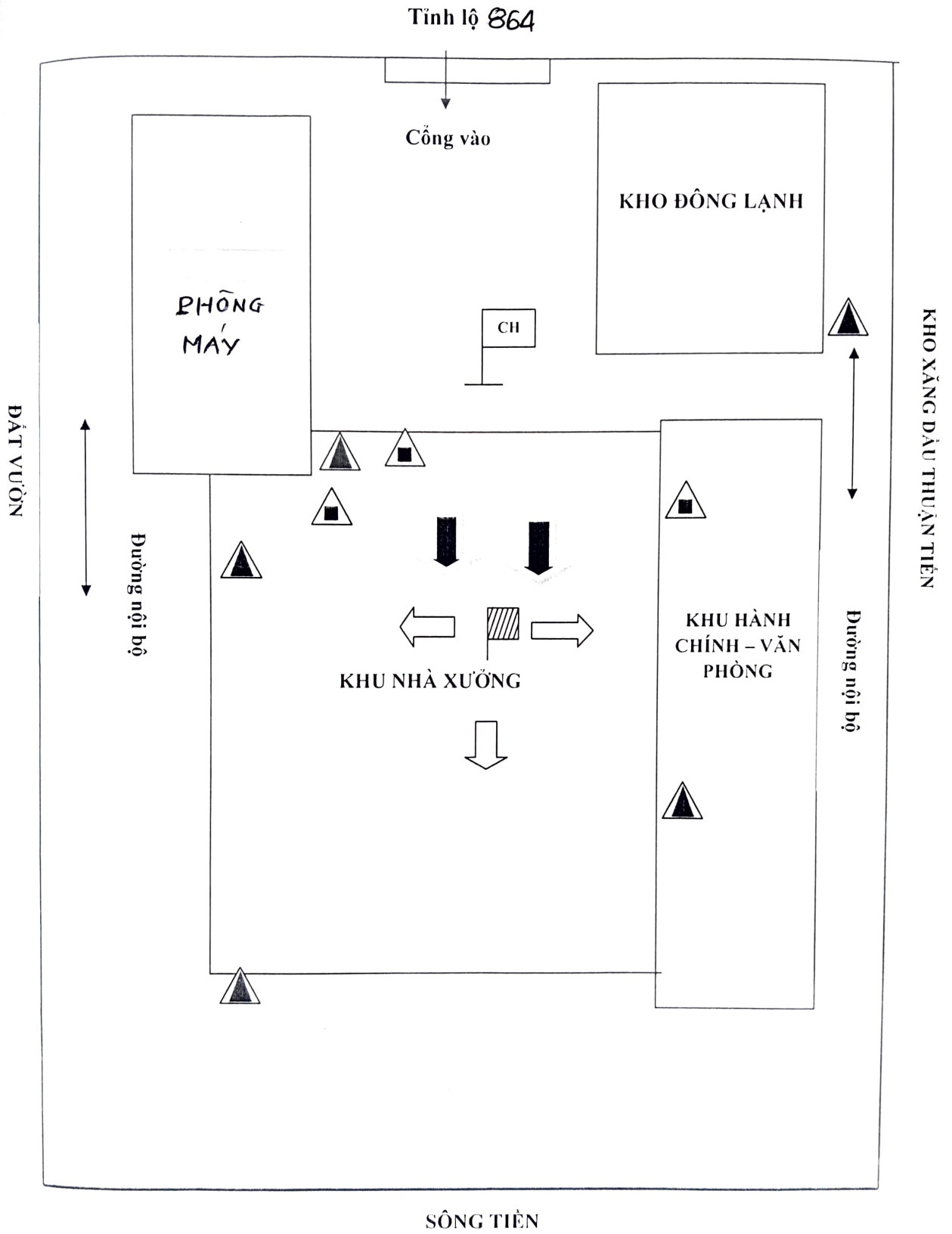
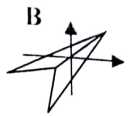
c. Tổ chữa cháy: Triển khai chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy được trang bị tại cơ sở gồm : các bình chữa cháy xách tay các loại tập trung chữa cháy tại các khu vực để không chế đám cháy và chống cháy lan ra các khu vực lân cận triển khai các bình chữa cháy xách tay chữa cháy và cứu hộ - cứu nạn.

d. Tổ di chuyển tài sản: Tập trung di chuyển tài sản quý và số vật dụng chưa cháy đến các khu vực an toàn trước cơ sở, ra nơi an toàn để tạo khoảng cách chống cháy lan và giảm khối lượng chất cháy.

e. Tổ bảo vệ: Chốt chặn khu vực chữa cháy không cho người không có nhiệm vụ vào trong khu vực cháy và hướng dẫn lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy lối vào để triển khai chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ.

3. Sơ đồ triển khai lực lượng; phương tiện chữa cháy:

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CƠ SỞ



4. Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có mặt để chữa cháy:

Khi có cháy xảy ra người chỉ huy chữa cháy thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Huy động ngay toàn bộ nhân viên đang làm việc tại cơ sở (đã được phân công trách nhiệm cụ thể khi có cháy xảy ra) và phương tiện PCCC tại chỗ đã trang bị để chữa cháy.

- Cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ qua lại khu vực cháy; huy động các phương tiện, tài sản của người dân xung quanh để chữa cháy.

- Quyết định phá dỡ các hạng mục công trình trong cơ sở, vật chướng ngại và di chuyển tài sản trong tình thế cấp thiết để cứu người, ngăn chặn nguy cơ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng.

- Trong trường hợp đám cháy phát triển với diễn biến phức tạp lập tức báo cho Cơ quan Cảnh sát PC&CC để xin chỉ viện.

- Báo cáo khu vực cháy, chất cháy chủ yếu có trong cơ sở, số người bị thương, số lượng tài sản bị thiệt hại v.v... và các công tác đang triển khai để dập tắt đám cháy với chỉ huy chữa cháy thuộc cơ quan Cảnh sát PCCC nắm được tình hình.

- Tổ chức công tác hậu cần để đảm bảo sức khỏe, sức chiến đấu lâu dài cho lực lượng PCCC tại chỗ khi tình huống cháy diễn ra phức tạp.

II. Phương án xử lý các tình huống cháy đặc trưng:

1. Tình Huống 1:

a. Vị trí phát sinh cháy: Cháy tại Khu Vực hành chính văn phòng. Chất cháy chủ yếu là: các thiết bị văn phòng, bao bì dễ cháy, thiết bị tiêu thụ điện....

b. Nguyên nhân: Do chập điện gây cháy.

c. Thời điểm cháy: Vào khoảng 10 giờ 00 ngày X tháng Y năm Z.

d. Hướng phát triển của đám cháy: Hướng phát triển của đám cháy lan ra diện rộng và lan sang các khu lân cận. Do lượng chất cháy phân bố đều tại các khu vực của cơ sở nên khả năng cháy lan rất lớn, đám cháy có khả năng cháy lan từ khu vực này sang khu vực khác, theo dây dẫn điện, theo các vật dụng dễ cháy, theo bức xạ nhiệt và do ngọn lửa trần. Khả năng đám cháy bao trùm cả cơ sở và lan sang các nhà lân cận nếu không chữa cháy kịp thời.

1.1 Tổ chức triển khai chữa cháy:

- Đội Phòng cháy và chữa cháy cơ sở gồm 15 đội viên và huy động thêm 10 người là các cán bộ, nhân viên bên trong cơ sở.

- Chỉ huy chữa cháy là ông: Trần Phước Thiện

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của chỉ huy chữa cháy phân thành các tổ như sau:

a. Tổ thông tin liên lạc: Khi phát hiện có cháy, phải nhanh chóng cúp điện và báo động cho toàn bộ mọi người trong cơ sở biết qua các phương tiện sẵn có (như kêng,

chuông, còi hay tri hô "*cháy! Cháy! Cháy!*"), báo cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy theo số điện thoại "114" đến chi viện kịp thời. Đồng thời sử dụng loa phát thanh thông báo cho mọi người trong khu vực cháy phải thật bình tĩnh theo sự hướng dẫn để thoát ra khu vực an toàn.

b. Tổ hướng dẫn thoát nạn và cứu nạn: Tổ chức hướng dẫn mọi người thoát nạn theo các lối thoát nạn ra khu vực an toàn trước cơ sở, ra ngoài khu vực cháy. Sau phối hợp với bộ phận y tế của Xã làm công tác sơ cấp cứu ban đầu và chuyển nạn nhân đến bệnh viện gần nhất để điều trị.

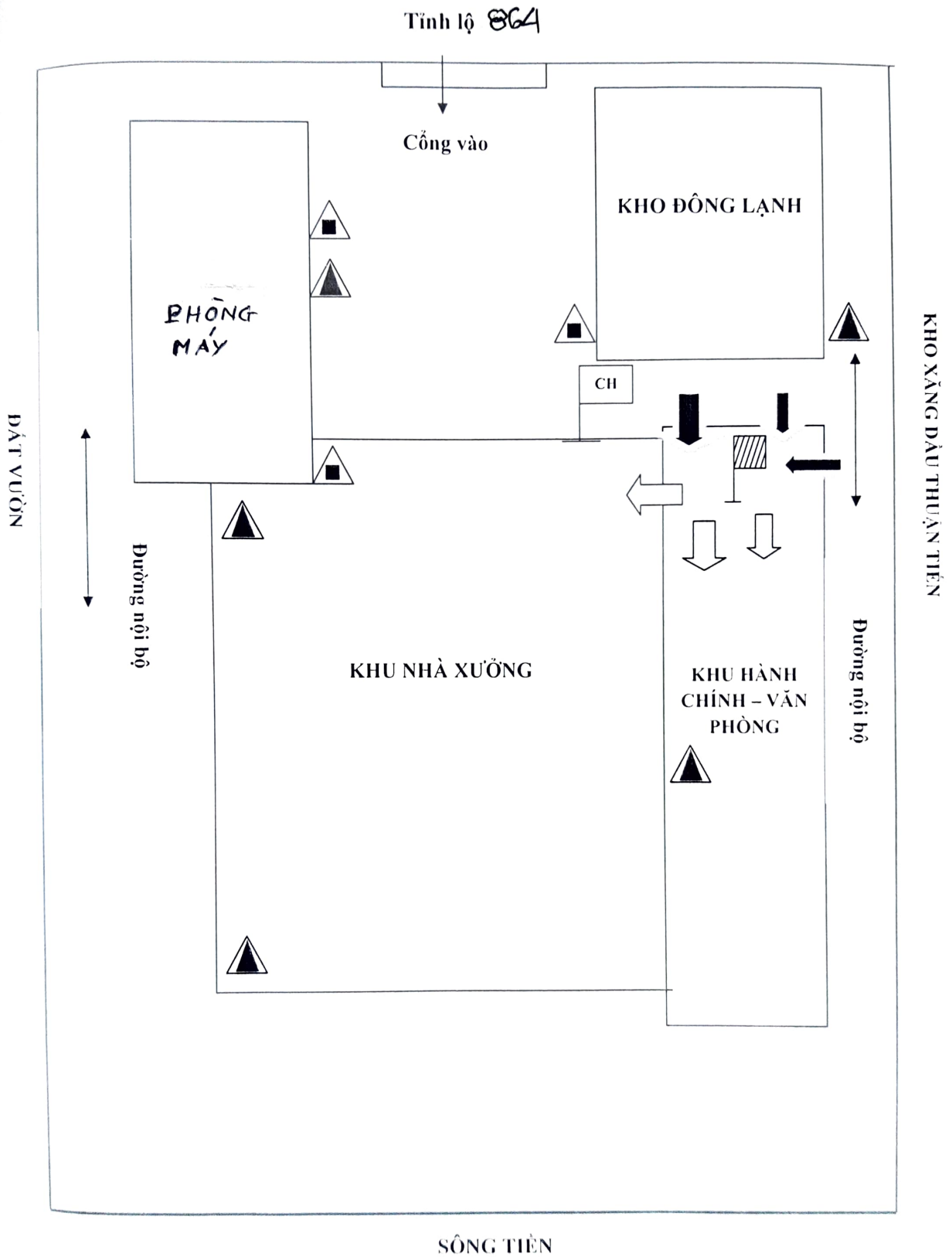
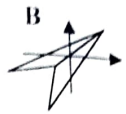
c. Tổ chữa cháy: Triển khai chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy được trang bị tại cơ sở gồm : các bình chữa cháy xách tay các loại tập trung chữa cháy tại các khu vực dễ khống chế đám cháy và chống cháy lan ra các khu vực lân cận triển khai các bình chữa cháy xách tay chữa cháy và cứu hộ - cứu nạn.

d. Tổ di chuyển tài sản: Tập trung di chuyển tài sản quý và số vật dụng chưa cháy đến ra đường hẻm công cộng trước cơ sở, ra nơi an toàn để tạo khoảng cách chống cháy lan và giảm khối lượng chất cháy.

e. Tổ bảo vệ: Chốt chặn khu vực chữa cháy không cho người không có nhiệm vụ vào trong khu vực cháy và hướng dẫn lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy lối vào để triển khai chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ.

1.2 Sơ đồ triển khai lực lượng; phương tiện chữa cháy:

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CƠ SỞ



SÔNG TIỀN

1.3 Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có mặt để chữa cháy:

Khi có cháy xảy ra người chỉ huy chữa cháy thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Huy động ngay toàn bộ nhân viên đang làm việc tại cơ sở (đã được phân công trách nhiệm cụ thể khi có cháy xảy ra) và phương tiện PCCC tại chỗ đã trang bị để chữa cháy.

- Cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ qua lại khu vực cháy; huy động các phương tiện, tài sản của người dân xung quanh để chữa cháy.

- Quyết định phá dỡ các hạng mục công trình trong cơ sở, vật chướng ngại và di chuyển tài sản trong tình thế cấp thiết để cứu người, ngăn chặn nguy cơ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng.

- Trong trường hợp đám cháy phát triển với diễn biến phức tạp lập tức báo cho Cơ quan Cảnh sát PC&CC để xin chi viện.

- Báo cáo khu vực cháy, chất cháy chủ yếu có trong cơ sở, số người bị thương, số lượng tài sản bị thiệt hại v.v... và các công tác đang triển khai để dập tắt đám cháy với chỉ huy chữa cháy thuộc cơ quan Cảnh sát PCCC nắm được tình hình.

- Tổ chức công tác hậu cần để đảm bảo sức khỏe, sức chiến đấu lâu dài cho lực lượng PCCC tại chỗ khi tình huống cháy diễn ra phức tạp.

2. Tình huống 2:

a. Vị trí phát sinh cháy: Cháy khu vực hành chính văn phòng. Chất cháy chủ yếu là: bao bì dễ cháy, bàn ghế nhựa, thiết bị tiêu thụ điện....

b. Nguyên nhân: Do sử dụng trái phép nguồn nhiệt gây cháy.

c. Thời điểm cháy: Vào khoảng 10 giờ 00 ngày X tháng Y năm Z.

d. Hướng phát triển của đám cháy: Hướng phát triển của đám cháy lan ra diện rộng và lan sang các khu vực lân cận. Do lượng chất cháy phân bố đều tại các khu vực của cơ sở nên khả năng cháy lan rất lớn, đám cháy có khả năng cháy lan từ khu vực này sang khu vực khác, theo dây dẫn điện, theo các vật dụng dễ cháy, theo bức xạ nhiệt và do ngọn lửa trần. Khả năng đám cháy bao trùm cả cơ sở và lan sang các nhà lân cận nếu không chữa cháy kịp thời.

2.1 Tổ chức triển khai chữa cháy:

- Đội Phòng cháy và chữa cháy cơ sở gồm 15 đội viên và huy động thêm 10 người là các cán bộ, nhân viên trong cơ sở.

- Chỉ huy chữa cháy là ông: Trần Phước Thiện

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của chỉ huy chữa cháy phân thành các tổ như sau:

a. Tổ thông tin liên lạc: Khi phát hiện có cháy, phải nhanh chóng cúp điện và báo động cho toàn bộ mọi người trong cơ sở biết qua các phương tiện sẵn có (như kêng, chuông, còi hay tri hô "*cháy! Cháy! Cháy!*"), báo cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và

chữa cháy theo số điện thoại “114” đến chi viện kịp thời. Đồng thời sử dụng loa phát thanh thông báo cho mọi người trong khu vực cháy phải thật bình tĩnh theo sự hướng dẫn để thoát ra khu vực an toàn.

b. Tổ hướng dẫn thoát nạn và cứu nạn: Tổ chức hướng dẫn mọi người thoát nạn theo các lối thoát nạn ra khu vực trước cơ sở, ra ngoài khu vực cháy. Sau phối hợp với bộ phận y tế của Xã làm công tác sơ cấp cứu ban đầu và chuyển nạn nhân đến bệnh viện gần nhất để điều trị.

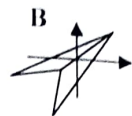
c. Tổ chữa cháy: Triển khai chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy được trang bị tại cơ sở gồm : các bình chữa cháy xách tay các loại tập trung chữa cháy tại các khu vực dễ khống chế đám cháy và chống cháy lan ra các khu vực lân cận triển khai các bình chữa cháy xách tay chữa cháy và cứu hộ - cứu nạn.

d. Tổ di chuyển tài sản: Tập trung di chuyển tài sản quý và số vật dụng chữa cháy đến ra đường hẻm công cộng trước cơ sở, ra nơi an toàn để tạo khoảng cách chống cháy lan và giảm khối lượng chất cháy.

e. Tổ bảo vệ: Chốt chặn khu vực chữa cháy không cho người không có nhiệm vụ vào trong khu vực cháy và hướng dẫn lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy lối vào để triển khai chữa cháy và cứu nạn – cứu hộ.

2.2 Sơ đồ triển khai lực lượng; phương tiện chữa cháy:

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CƠ SỞ



Tỉnh lộ 864

Cổng vào

PHÒNG MÁY

KHO ĐÔNG LẠNH

KHO XĂNG DẦU THUẬN TIÊN

DẤT VƯỜN

Đường nội bộ

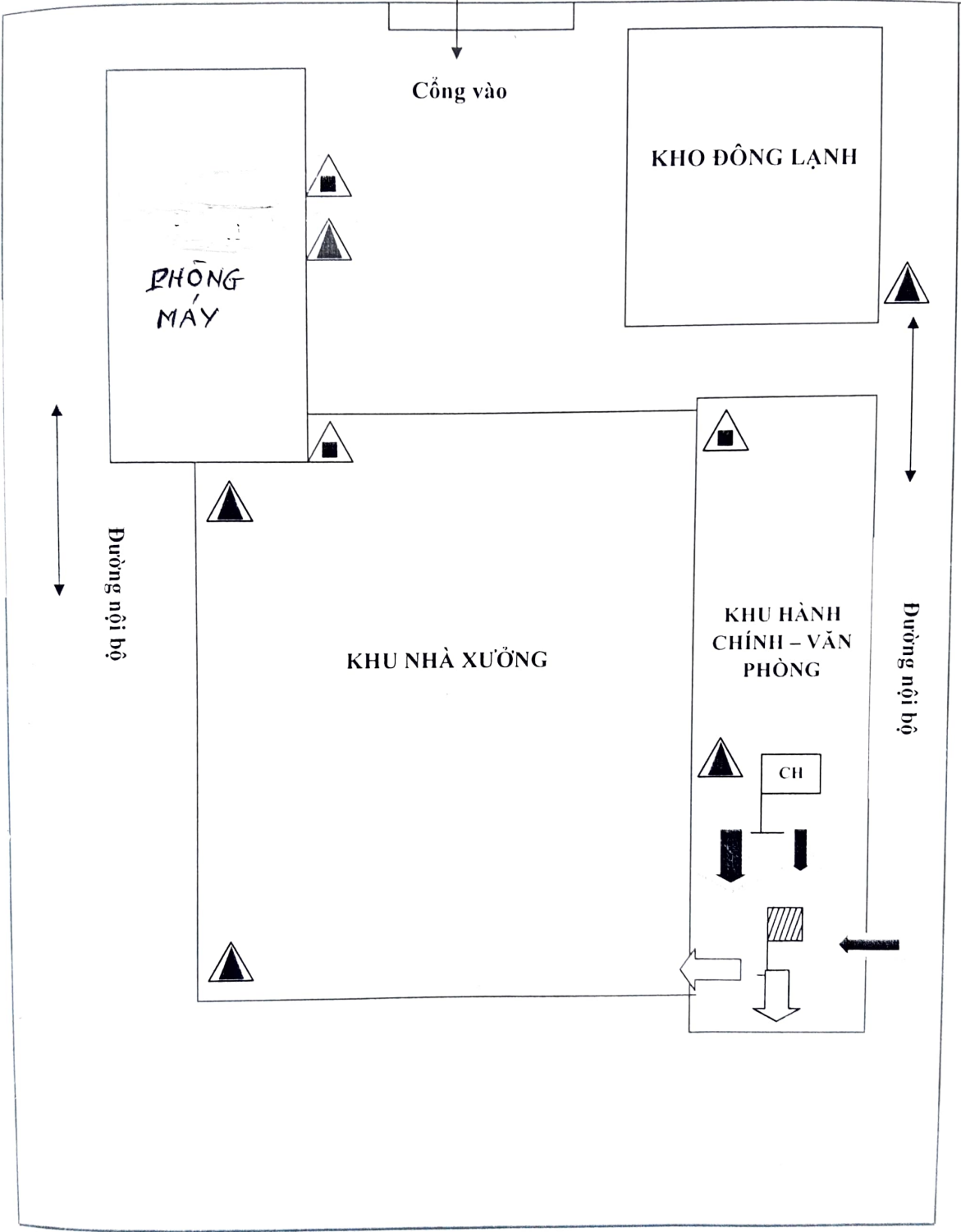
KHU NHÀ XƯỞNG

KHU HÀNH CHÍNH - VĂN PHÒNG

Đường nội bộ

CH

SÔNG TIỀN



2.3 Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có mặt để chữa cháy:

Khi có cháy xảy ra người chỉ huy chữa cháy thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Huy động ngay toàn bộ nhân viên đang làm việc tại cơ sở (đã được phân công trách nhiệm cụ thể khi có cháy xảy ra) và phương tiện PCCC tại chỗ đã trang bị để chữa cháy.

- Cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ qua lại khu vực cháy; huy động các phương tiện, tài sản của người dân xung quanh để chữa cháy.

- Quyết định phá dỡ các hạng mục công trình trong cơ sở, vật chướng ngại và di chuyển tài sản trong tình thế cấp thiết để cứu người, ngăn chặn nguy cơ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng.

- Trong trường hợp đám cháy phát triển với diễn biến phức tạp lập tức báo cho Cơ quan Cảnh sát PC&CC để xin chi viện.

- Báo cáo khu vực cháy, chất cháy chủ yếu có trong cơ sở, số người bị thương, số lượng tài sản bị thiệt hại v.v... và các công tác đang triển khai để dập tắt đám cháy với chỉ huy chữa cháy thuộc cơ quan Cảnh sát PCCC nắm được tình hình.

- Tổ chức công tác hậu cần để đảm bảo sức khỏe, sức chiến đấu lâu dài cho lực lượng PCCC tại chỗ khi tình huống cháy diễn ra phức tạp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

SỐ: 12 /HDDV

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 38/2015 NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu; có hiệu lực thi hành vào 15/6/2015;

- Căn cứ vào Giấy phép xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại được Bộ tài nguyên môi trường cấp phép ngày 01/03/2021 mã số quản lý chất thải nguy hại 1-2-3-4-5-6-077.VX

- Căn cứ vào hợp đồng 120HĐ.HCM/PE 2018 ký ngày 27/02/2018 giữa Công ty TNHH TMDV Môi Trường Nam Bộ và Công ty Cổ Phần Môi Trường Việt Úc

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, đại diện các bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH TM DV MÔI TRƯỜNG NAM BỘ

Địa chỉ : Số 177 đường Kênh Thạnh Hòa, xã Tân Bình Thạnh, Chợ Gạo, Tiền Giang

Điện thoại : 0979.490.949 Fax:

Mã số thuế : 1 2 0 1 4 5 4 8 1 6

Người đại diện : Ông NGUYỄN HỮU Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản : 71010000756645 NH Đầu Tư CN Tiền Giang

BÊN B : CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 1, Đặng Văn Sâm, phường 9, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại : 0286 2701 236

Mã số thuế : 0 3 1 2 0 5 9 8 0 2

Người đại diện : TRẦN THỊ HÀ Chức vụ: Phó Giám Đốc

Tài khoản

Sau khi thỏa thuận và thống nhất, hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng về việc quy định đơn giá xử lý và điều khoản thanh toán với các nội dung sau đây:

ĐIỀU I: QUY ĐỊNH ĐƠN GIÁ XỬ LÝ VÀ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

Loại chất thải công nghiệp không nguy hại	Phí xử lý (VNĐ/Kg)
Bùn thải công nghiệp không nguy hại (từ hệ thống xử lý nước thải)	2.000đ/kg (Hai nghìn đồng)

Các đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển chất thải từ Nhà máy Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam đến Công ty Cổ phần Môi Trường Việt Úc

- Bùn thải phải được bên B dùng xe cạp bỏ lên xe.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 10%.

- Số liệu về khối lượng chất thải được ghi nhận tại trạm cân của bên B sẽ được dùng làm cơ sở để thanh toán.

ĐIỀU II: ĐIỀU KHOẢN VÀ TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN THANH TOÁN

- Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo số lượng thực tế từng đợt, đồng thời nhận được hóa đơn tài chính phát hành trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn Bên B phải thanh toán tiền cho Bên A.

*** Trách nhiệm Bên A:**

- Cam kết thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình như được nêu trong Hợp đồng này;

- Toàn bộ chất thải sau khi đã được giao đến Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc được xử lý. Chịu trách nhiệm vận chuyển xử lý chất thải đúng theo quy định.

- Phối hợp cùng Bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.

- Mua bao chứa và chịu trả chi phí bốc xếp.

*** Trách nhiệm Bên B:**

- Cung cấp cho Bên A các sổ đăng ký Quản lý Chủ nguồn thải, chịu trách nhiệm kết quả phân tích mẫu chất thải, các giấy tờ liên quan khác và đảm bảo tính chính xác của thông tin;

- Bên B cam kết không tiết lộ các thông tin liên quan đến Hợp đồng này này cho bất kỳ bên thứ 3 nào trong suốt khoảng thời gian có hiệu lực Hợp đồng hay sau khi Hợp đồng đã hết hạn; nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam về bảo mật thông tin.

- Thực hiện đúng theo điều 2 thanh toán tiền.

- Hỗ trợ bên A giao hàng lên xe.

ĐIỀU III: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 03 tháng 03 năm 2025;
- Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo đến bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do chính đáng trước 30 ngày;
- Sau khi Hợp đồng hết hiệu lực, hợp đồng sẽ chính thức được xem như chấm dứt, nhưng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này mà hai bên còn cần phải thực hiện hoặc công nợ còn cần phải thanh toán sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc Hợp đồng hết hiệu lực.
- Hợp đồng được thành lập 4 bản, mỗi bên giữ hai bản có pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

(Thu mua Phế liệu)

SỐ: 10/HDDV

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 38/2015 NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu; có hiệu lực thi hành vào 15/6/2015;

- Căn cứ vào Giấy phép xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại được Bộ tài nguyên môi trường cấp phép ngày 01/03/2021 mã số quản lý chất thải nguy hại 1-2-3-4-5-6-077.VX

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, đại diện các bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH TM DV MÔI TRƯỜNG NAM BỘ
Địa chỉ : Số 177 đường Kênh Thạnh Hòa, xã Tân Bình Thạnh, Chợ Gạo, Tiền Giang

Điện thoại : 0979.490.949 Fax:

Mã số thuế : 1201454816

Người đại diện : Ông NGUYỄN HỮU Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản : 71010000756645 NH Đầu Tư CN Tiền Giang

BÊN B : CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 1, Đặng Văn Sâm, phường 9, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại : 0286 2701 236

Mã số thuế : 0312059802

Người đại diện : TRẦN THỊ HÀ Chức vụ: Phó Giám Đốc

Tài khoản

Sau khi thỏa thuận và thống nhất, hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng về việc quy định đơn giá xử lý và điều khoản thanh toán với các nội dung sau đây:

ĐIỀU I: QUY ĐỊNH ĐƠN GIÁ XỬ LÝ VÀ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

Loại phế liệu	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
-Thùng giấy catton	Kg	2.800
-Màng co	Kg	10.000
-Dây đai	Kg	5.000
-PA trắng	Kg	3.000
-PE trắng	Kg	9.000
-Kết nhựa bẻ	Kg	10.000
-Ứng hồng	Kg	10.000

-Bao tay cao su	Kg	2.000
-Ve chai	Kg	5.000

Các đơn giá trên đã tính chi phí vận chuyển phế liệu từ Nhà máy Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam đến Công ty TNHH TM DV Môi trường Nam Bộ.

- Số liệu về khối lượng Phế liệu được ghi nhận tại trạm cân của bên B sẽ được dùng làm cơ sở để thanh toán.

ĐIỀU II: ĐIỀU KHOẢN VÀ TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN THANH TOÁN

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo số lượng cân thực tế từng lần nhận hàng theo đơn giá trên.

*** Trách nhiệm Bên A:**

- Cam kết thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình như được nêu trong Hợp đồng này;

- Toàn bộ phế liệu sau khi đã được giao đến Công ty TNHH TM DV Môi trường Nam Bộ xử lý. Chịu trách nhiệm vận chuyển xử lý chất thải đúng theo quy định.

- Phối hợp cùng Bên B trong việc xác nhận khối lượng phế liệu và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.

- Mua bao chứa và chịu trả chi phí bóc xếp, phân loại.

- Thực hiện đúng theo điều 2 thanh toán tiền.

*** Trách nhiệm Bên B:**

- Cung cấp cho Bên A các sổ đăng ký Quản lý Chủ nguồn thải, chịu trách nhiệm kết quả phân tích mẫu chất thải, các giấy tờ liên quan khác và đảm bảo tính chính xác của thông tin;

- Bên B cam kết không tiết lộ các thông tin liên quan đến Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ 3 nào trong suốt khoảng thời gian có hiệu lực Hợp đồng hay sau khi Hợp đồng đã hết hạn; nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam về bảo mật thông tin.

- Hỗ trợ bên A giao hàng lên xe.

12/11
TY
H
1100
NAM
TP HỒ

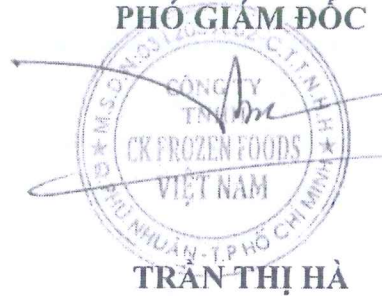
ĐIỀU III: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 01 tháng 03 năm 2025;
- Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo đến bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do chính đáng trước 30 ngày;
- Sau khi Hợp đồng hết hiệu lực, hợp đồng sẽ chính thức được xem như chấm dứt, nhưng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này mà hai bên còn cần phải thực hiện hoặc công nợ còn cần phải thanh toán sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc Hợp đồng hết hiệu lực.
- Hợp đồng được thành lập 2 bản, mỗi bên giữ một bản có pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 218/HĐ.MTNB/VAE-2023

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2005;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ký ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 3 năm 2023, đại diện hai Bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 1 Đặng Văn Sâm, phường 9, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại : 0286 2701 236

MST : 0 3 1 2 0 5 9 8 0 2

Đại diện : **TRẦN THỊ HÀ** Chức vụ: Phó Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT ÚC

Địa chỉ trụ sở : 389 Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, TP HCM

Địa chỉ VPGD: 180B An Tôn, phường 6, quận Tân Bình, TP HCM

Điện thoại : 028 3971 8680 Fax: 028 3971 8979

Di động : 0979.49.09.49 (Hữu)

Mã số thuế : 0 3 0 2 4 0 8 1 4 8

Tài khoản số : 141.10.0000.30.536 tại Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Chợ Lớn, TP HCM

Người đại diện: (Ông) **NGUYỄN NGỌC CHÂU** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 1.1. Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho Bên A theo giấy phép chức năng của Bên B.
- 1.2. Định kỳ thu gom: 01 lần/năm và phải báo cho Bên B trước 05 ngày làm việc.
- 1.3. Thời hạn hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- 1.4. Phương tiện vận chuyển: Xe 63C-04849; Xe 63C-02052.
- 1.5. Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ tại chủ nguồn thải:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Điều kiện lưu trữ
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	Bao PE cột kín
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	Thùng có nắp đậy kín
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	18 02 01	Kg	Bao PE cột kín
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	Bao PE cột kín
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	Bao PE; Xếp gọn
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	Bao PE; Xếp gọn
7	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	Bao PE cột kín

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG & ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1. Số lượng chất thải

- Được xác định bằng biên bản giao nhận theo khối lượng thực tế có sự xác nhận của hai Bên.

2.2. Đơn giá xử lý

- Chi phí thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại được tính khoán là 14.000.000 đồng/năm, ứng với khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 500 kg/năm.
- Nếu tổng khối lượng chất thải nguy hại bàn giao nhiều hơn 500 kg/năm, thì chi phí phát sinh được tính là:

$$(Tổng\ khối\ lượng\ chất\ thải\ phát\ sinh) \times 20.000\ \text{đồng/kg};$$

- Nếu số lần thu gom nhiều hơn 01 lần/năm, thì Bên A phải thanh toán chi phí cho số chuyến thu gom phát sinh là 1.500.000 đồng/chuyến.

Ghi chú:

- + Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT;
- + Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý;
- + Các loại chất thải phải được lưu trữ riêng biệt và dán nhãn chất thải.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Bên A thanh toán chi phí xử lý chất thải cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản 100% giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) với số tiền 14.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng) trước hoặc ngay khi hợp đồng được ký kết.
- Nếu khối lượng chất thải bàn giao nhiều hơn khối lượng khoán (500 kg/năm) hoặc số lần thu gom nhiều hơn 01 lần/năm thì Bên A thanh toán chi phí xử lý phát sinh như Điều 2 của hợp đồng.
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào số tài khoản 141.10.0000.30.536 tại Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Chợ Lớn, TP HCM.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1. Trách nhiệm Bên A:

- Phải phân loại chất thải thành từng loại riêng biệt cho từng loại chất thải và lưu trữ tại khu vực cố định của Bên A trước khi bàn giao xử lý theo đúng quy định môi trường hiện hành.
- Nếu Bên A không phân loại chất thải theo Điều 1 thì Bên B có quyền từ chối không nhận chất thải.
- Phải thực hiện việc lập chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu quy định và bàn giao cho Bên B ngay sau khi thu gom chất thải.
- Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ của Bên B thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán chi phí cho Bên B đúng thời hạn theo Điều 2 và Điều 3.

4.2. Trách nhiệm Bên B:

- Thực hiện việc thu gom, vận chuyển chất thải tại kho của Bên A và lưu trữ, xử lý chất thải tại Nhà máy của Bên B (Lô B4 – B21, B5 – B20, đường số 9, KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh) theo quy định hiện hành.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi nhà máy của Bên A.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng.
- Không nhận chất thải khi Bên A chưa thanh toán chi phí xử lý của đợt trước.

- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A ngay khi hoàn tất xử lý.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp, thì sẽ cùng bàn bạc, thương lượng và hòa giải. Trường hợp không tự giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP.Hồ Chí Minh, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí cho các hoạt động kiểm tra, xác minh và án phí do Bên có lỗi chịu.
- Khi có sự thay đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng, thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng được xem như bản thanh lý sau khi hai Bên thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Phó Giám đốc



TRẦN THỊ HÀ

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC CHÂU



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC (Số: 01/2023/CK – TP)

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự năm 2005 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005
- Căn cứ Luật Thương Mại năm 2005 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005

Hôm nay, ngày 02/01/2023, chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY TNHH CK FROZEN FOODS VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 01 Đặng Văn Sâm, Phường 09, Quận Phú Nhuận, TP. HCM.

Mã số thuế : 0312 059 802

Tài khoản số : 060173575151 Tại Ngân Hàng Sacombank PGD Sư Vạn Hạnh

Đại diện : Bà Trần Thị Hà Chức vụ : Phó Giám đốc

BÊN MUA (BÊN B): CÔNG TY TNHH SX VÀ TM THIÊN PHÁT

Địa Chỉ : Ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

Điện thoại : 0273 3622888 Fax: 0273 3622999

MST : 1200653343

Tài khoản số : 0700 0027 1703 tại Ngân hàng Sacombank CN Tiền Giang

Đại diện : Lê Nguyễn Thị Thu Nguyệt Chức vụ: Phó Giám Đốc

Sau khi bàn bạc trao đổi, căn cứ nhu cầu hai bên, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU I: TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ:

Bên A bán cho Bên B hàng hoá theo chi tiết sau:

- Tên hàng: Phụ phẩm, phế liệu cá
- Số lượng: Bao tiêu toàn bộ phụ phẩm của Bên A sản xuất.
- Đơn giá: theo báo giá từng thời điểm và cho từng chi phí phân loại phụ phẩm mà hai bên thỏa thuận.

ĐIỀU II: QUY CÁCH:

- Cân thực tế.

ĐIỀU III: THỜI HẠN, PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG:

- Phương thức giao hàng: Giao hàng tại nhà máy Bên A
- Bên B nhận hàng trong ngày.

ĐIỀU IV: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- Hai bên đối chiếu chốt số lượng hàng giao, xuất hóa đơn tài chính trong tháng.
- Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên A sau khi đối chiếu, xác nhận số lượng hai bên giao nhận.

ĐIỀU V: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN:

- Bên A: Có trách nhiệm giao hàng cho Bên B trong ngày như đã thoả thuận.
- Bên B: Thanh toán tiền đầy đủ và đúng hạn, có trách nhiệm trong khi giao nhận hàng, đảm bảo toàn bộ nguồn phụ phẩm, phế liệu nhận từ Bên A chỉ dùng sản xuất bột cá, mỡ cá, không dùng làm thực phẩm.

ĐIỀU VI: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng.
- Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản đã ghi trong hợp đồng phải có sự thống nhất của hai bên bằng văn bản.
- Mọi tranh chấp xảy ra (nếu có) sẽ được hai bên thoả thuận giải quyết trên tinh thần hợp tác, nếu không giải quyết được thì sẽ do Toà án nhân dân Tp Hồ Chí Minh giải quyết và phán quyết của Toà án là cuối cùng mà hai bên phải chấp hành.
- Hợp đồng được lập thành ba (03) bản, bên B giữ một (01) bản, bên A giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Khi hai bên không phát sinh nghĩa vụ mua bán, hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực.
- Hợp đồng ký qua bản Fax hoặc Email cũng có giá trị pháp lý đầy đủ để hai bên thi hành.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ
Về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt năm 2023

Số: 29/2023

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Nghị định 38/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.
Hôm nay vào ngày tháng 01 năm 2023. Tại CÔNG TY TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, chúng tôi gồm có :

BÊN A: CÔNG TY TNHH CK Frozen Foods Việt Nam

- Đại diện: Bà **Trần Thị Hà** Chức vụ: **Phó Giám đốc.**
- Địa chỉ: Số 1, Đặng Văn Sâm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp HCM
- MST: 0312059802
- Điện thoại:

BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THÀNH TÀI

- Đại diện : **Ông Lê Thanh Tùng** Chức vụ : **Giám đốc**
- Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Kim, Châu Thành, Tiền Giang.
- MSDN: 1201577938
- Điện thoại: 0903.012.166.
- Thông tin tài khoản: Cty TNHH môi trường Thành Tài, MSTK: 6903201004880, tại Ngân hàng NN&PTNT (Agribank) phòng giao dịch Vĩnh Kim, Châu Thành, Tiền Giang.

Sau khi thảo luận hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (rác sinh hoạt) bao gồm những điều khoản và nội dung sau:

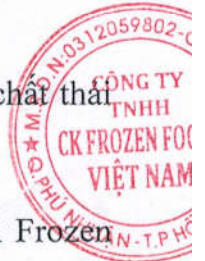
ĐIỀU 1 : Nội dung hợp đồng.

Bên A thuê Bên B vận chuyển rác thải sinh hoạt của Công ty bằng xe ép rác chuyên dùng về bãi rác Tân Lập 1, Huyện Tân Phước để xử lý (Bãi rác của Cty TNHH MTV công trình đô thị Tp Mỹ Tho).

Rác thải sinh hoạt không lẫn rác sản xuất, rác công nghiệp, chất nguy hại, nước thải. Nếu Bên A để lẫn các thành phần trên vào rác sinh hoạt thì Bên B được quyền từ chối không nhận cả lô rác của Bên A.

ĐIỀU 2: Thời gian, địa điểm giao nhận rác.

Thời gian lấy rác sẽ được thỏa thuận riêng.



Rác được Bên A giao tại địa điểm qui định trong công ty, có điều kiện thuận lợi cho xe Bên B vào nhận rác, rác phải được đựng bằng thùng chuyên dụng, không để đổng hoặc rơi vãi.

ĐIỀU 3: Khối lượng, đơn giá.

- Tính theo khối lượng thực tế hoặc tính theo hệ số 0.42
- Cách tính khối lượng: Về cách tính khối lượng dựa trên cơ sở áp dụng công thức tính khối lượng theo Quyết định số 43 của UBND tỉnh Tiền Giang như sau: Khối lượng = Thể tích x Hệ số (0.42).

Thùng 660 lít x 0,42 = 277,2 kg.

Thùng 240 lít x 0,42 = 100,8 kg.

- **Đơn giá: 380.000 đồng / tấn (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi ngàn đồng/tấn), chưa bao gồm VAT.**

ĐIỀU 4: Thời gian, phương thức thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản khi bên B giao bảng kê chi tiết và hóa đơn.

ĐIỀU 5: Thời gian hợp đồng.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐIỀU 6: Điều khoản khác.

Khi giá nhiên liệu, giá xử lý tại bãi rác tăng hoặc giảm thì Bên B sẽ thông báo để điều chỉnh giá vận chuyển rác mới với Bên A.

ĐIỀU 7: Trách nhiệm 2 bên.

Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho xe vào lấy rác và thanh toán tiền đúng thời gian qui định.

Bên B có trách nhiệm bảo đảm việc lấy rác không để rác tồn đọng gây ô nhiễm môi trường. Khi lấy rác không để rơi vãi trong khuôn viên nhà xưởng và trên đường về.

CAM KẾT CHUNG:

- Hai bên cam kết thi hành đúng những điều khoản và nội dung đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu gặp khó khăn trở ngại thì hai bên thông báo cho nhau để kịp thời giải quyết. Trong trường hợp không giải quyết được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
- Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung trong hợp đồng này phải được sự đồng ý của hai bên.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để cùng thực hiện.



Trần Thị Hà



Lê Thanh Tùng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THANH TRA SỞ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN THANH TRA
Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

Thực hiện Quyết định số 47/QĐ-TTr ngày 05/6/2023 của Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Chi nhánh Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Công ty), địa chỉ ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 05/7/2023 tại Công ty,

I. Thành phần:

1. Đại diện cơ quan tiến hành thanh tra:

- Ông Lê Đăng Hưng - Chức vụ: Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Ông Cù Thái Nguyên - Chức vụ: Thanh tra viên Sở Tài nguyên và Môi trường;

2. Đại diện Công ty:

- Ông Lê Văn Hoài - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

- Bà Văn Thị Lành - Chức vụ: Phó phòng tổng hợp.

3. Đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan:

- Ông Dương Quốc Lâm - Chức vụ: Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành.

II. Nội dung và kết quả thanh tra:

2.1. Thông tin chung:

Tên tổ chức: Chi nhánh Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, địa chỉ ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang hoạt động theo ủy quyền của Công ty TNHH CK Frozen Foods Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: 01 Đặng Văn Sâm, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0312059802.

Giấy chứng nhận doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; đăng ký lần đầu ngày 21/11/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/12/2022; nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Lê Nguyên Hào. Giới tính: Nữ.



Chức danh: Giám đốc.

Loại hình sản xuất: chế biến thủy sản, công suất năm 2022 là 2.500 tấn sản phẩm/năm.

2.2. Kết quả kiểm tra:

- Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM dự án nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm tại Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 17/4/2018.

- Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án nhà máy chế biến thủy sản, tổng công suất 4.900 tấn sản phẩm/năm số 2588/GXN-STNMT ngày 06/6/2019.

- Công ty có thực quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 theo quy định.

- Công ty có hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, tổng lượng nước thải khoảng 110 m³/ngày đêm. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ (bằng bể tự hoại đối với nước thải nhà vệ sinh và bể tách dầu mỡ đối với nước thải nhà ăn) sau đó thu gom đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sản xuất được thu gom đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Công ty có xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải gồm các công đoạn chính như sau: nước thải → hệ thống thu gom → hồ thu gom → thiết bị tuyển nổi → bể điều lưu → bể sinh học kỵ khí → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể khử trùng → cột lọc áp lực → nguồn tiếp nhận sông Tiền. Theo kết quả phân tích ngày 29/6/2023 của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học thì nước thải của Công ty đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Công ty thu gom ký hợp đồng thu gom, xử lý với Công ty TNHH môi trường Thành Tài.

- Phụ phẩm, phế liệu cá: Công ty thu gom, ký hợp đồng bán cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thiên Phát.

- Chất thải công nghiệp: thùng catton, bao tay, ủng... Công ty thu gom, ký hợp đồng xử lý với Công ty TNHH TMDV môi trường Nam Bộ.

- Chất thải nguy hại: chủ yếu dầu nhớt thải, bóng đèn thải, giẻ lau nhiễm dầu... lượng chất thải nguy hại năm 2022 là 63 kg. Công ty có bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định. Công ty hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường Việt Úc thu gom, xử lý.

2.3. Các yêu cầu đối với Công ty:

- Trong quá trình hoạt động, Công ty phải chấp hành đúng pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Ý kiến của đơn vị được kiểm tra:

Thông nhất nội dung biên bản.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 cùng ngày có thông qua và đồng ý ký tên./.

Người giám sát

Người lập biên bản



Lê Đăng Hưng

Cù Thái Nguyên



Phòng Quản lý môi trường



Lê Văn Hoài

Dương Quốc Lâm

